

NGUYỄN HIẾN LÊ
THIÊN GIANG

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HIẾN LÊ - THIÊN GIANG

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

(II)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẦN THỨ NHẤT

THỜI TRUNG CỔ CHÂU ÂU

CHƯƠNG I

**Tình hình thế giới vào cuối thời
thượng cổ**

1. Hai đế quốc cầm đầu văn minh nhân loại. Đế quốc La Mã và đế quốc Trung Hoa.

2. Thế giới chia làm hai vùng riêng biệt.

1. Vào đầu kỉ nguyên Da Tô, thế giới chia thành nhiều quốc gia lớn có thể liên lạc với nhau bằng đường thủy lẫn đường bộ. Tựu trung có hai đế quốc chi phối cả hoàn cầu: đế quốc La Mã ở phương Tây và đế quốc Trung Hoa ở phương Đông. Hai đế quốc ấy, đều có một nền văn minh rất cao và có thể làm thành trung tâm bảo vệ hòa bình cho nhân loại.

Thời kì chiến tranh tàn khốc trước kỉ nguyên Da Tô

đã qua rồi. Các dân tộc lớn đều có thể tiến triển một cách yên ổn và tự do về mọi mặt.

Ngọn đuốc soi sáng cả châu Âu là đế quốc La Mã. Các dân tộc trong đế quốc ấy tựa hồ muốn lià bỏ tinh thần chủng tộc địa phương để cùng hòa lẫn trong một đoàn thể rộng lớn vượt ra ngoài quốc giới. Tình nhân loại nơi họ đã phát triển đến chỗ họ muốn quên ngôn ngữ riêng để cùng dùng thứ ngôn ngữ có tính cách phổ biến, đại đồng là tiếng Hi Lạp và La Tinh.

Ở Trung Hoa, tình hình xã hội cũng tương tự như thế. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất lãnh thổ và nhà Hán thay thế nhà Tần xây đắp nền quân chủ. Trung Quốc đã thành một đế quốc hùng cường về đủ các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, chi phối cả các nước láng giềng.

Ở Ấn Độ, ánh sáng văn minh không kém phần rạng rỡ. Patali Poutra là một thủ đô huy hoàng, tráng lệ vào bậc nhất hoàn cầu. Khoa học văn nghệ xứ ấy đã tiến được những bước chưa từng thấy trên lịch sử.

Đế quốc Sace, chiếm trọn miền bắc xứ Ấn Độ, là nơi tập hợp các nguồn văn minh Hi Lạp, Ba Tư, Ấn Độ, Trung Hoa.

Ba Tư cũng có một nền văn minh đáng kể, nhưng vì Ba Tư bị đóng khuôn giữa đại lục, nên văn minh của nước ấy còn giữ thái độ chủng tộc của một quốc gia cô lập chỉ biết có địa vực của mình.

Trừ văn minh Ba Tư, văn minh La Mã, Trung Hoa, Ấn Độ đều có tánh cách đại đồng, một sức hấp dẫn huyền

diệu tràn ra khắp thiên hạ và lôi cuốn mọi giống người xung quanh.

2. Ngoài những đế quốc và quốc gia văn minh nói trên, thế giới còn chia ra hai vùng riêng biệt.

Vùng duyên hải từ Alexandre qua Ấn Độ, đến Trung Hoa. Các quốc gia thuộc vùng này đều nằm trong phạm vi ánh sáng văn minh của phương Đông và phương Tây. Người Ả Rập đã mở được những hải cảng rất phồn thịnh; quốc gia Méoré do các hoàng tử Ai Cập thành lập giữa Soudan, Châu Phi, vào thế kỉ thứ 6 trước kỉ nguyên Da Tô và xứ Abyssinie đã từng tiếp xúc mật thiết với Ai Cập, đã chịu nhiều ảnh hưởng tốt đẹp của xứ này và của La Mã; các nước nằm khoảng giữa Ấn Độ và Trung Hoa; Miến Điện, bán đảo Mã Lai, Giao Chỉ, Chân Lạp đều chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ và Trung Hoa chi phối.

Nhưng sau lưng vùng duyên hải ấy còn có một vùng mà ánh sáng văn minh không rọi tới, gồm có những phần đại lục mênh mông chiếm cả Trung Âu, Bắc Á, cao nguyên Tây Tạng và gần trọn Châu Phi.

Làm chủ vùng này là những giống dân du mục dã man: Hung Nô, Mông Cổ, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Tạng ở Châu Á; Germanin, Scythes ở châu Âu. Trình độ văn hóa còn thấp kém, họ sống bằng chăn nuôi và cướp giết, làm thành một biển người luôn luôn chuyển động, tràn từ chỗ này đến chỗ kia, quanh năm chinh chiến. Mục đích chiến tranh của họ là chiếm đoạt của cải, bắt người làm nô lệ, và chiến tranh họ gây ra bao giờ cũng hết sức tàn khốc.

Khi các đế quốc Tây phương và Đông phương còn cường thịnh, giống rợ háo chiến ấy không thể vượt khỏi biên giới khu vực họ sinh sống. Nhưng đến thế kỉ thứ 3 sau T.C., đế quốc La Mã cũng như đế quốc Trung Hoa bắt đầu lâm vào tình trạng khủng hoảng, thoái hóa và suy nhược, không đủ sức ngăn cản họ được nữa. Đến cuối thế kỉ thứ 4, họ tràn ngập vào các nước văn minh như nước vỡ bờ. Đầu thế kỉ thứ 5, họ nghiêm nhiên làm chủ cả Tây Đế quốc La Mã.

Trong cuộc khủng hoảng ghê gớm này chỉ có đế quốc Trung Hoa còn đứng vững được mà thôi. Phía Bắc nó thu hút được các rợ, phía Nam tiến ra tới bờ biển, và đầu thế kỉ thứ 6 ảnh hưởng của nó đã lan tới đảo Tích Lan, phía Nam Ấn Độ. Tuy nhiên về sau một phần vì sự phát triển về mặt biển giảm dần, một phần vì người Thổ Nhĩ Kỳ quấy rối ở Trung Á làm cho sự giao thương với phía Tây gặp nhiều khó khăn, đế quốc Trung Hoa trở thành cô lập giữa một thế giới mỗi ngày một già cỗi. Thế lực của nó bao trùm từ Giao Chỉ đến Triều Tiên và nền kinh tế thống nhất của nó đủ cho phép nó sống vững trong cái tình trạng cô lập ấy. Khi cả thế giới bị tan rã, phân chia từng lĩnh vực phong kiến, thì nó gây được thế quân bình trong chế độ chuyên chế và dựa vào đó nó tồn tại ngót hai ngàn năm sau.

TÓM TẮT

1) Cuối thời Thượng cổ trên thế giới đã có nhiều đế quốc văn minh: Đế quốc La Mã, đế quốc Trung Hoa, đế quốc Ấn Độ, đế quốc Sace, đế quốc Ba Tư. Trong các đế quốc ấy, đế quốc La Mã ở phương Tây và đế quốc Trung Hoa ở phương Đông có một ảnh hưởng mạnh hơn cả.

Đế quốc La Mã cầm đầu các nước chung quanh bờ biển Địa Trung Hải: đế quốc Trung Hoa chi phối các dân tộc Á Đông.

2) Tuy nhiên bên cạnh các dân tộc văn minh còn có nhiều giống người dã man chiếm trọn Trung Âu, Đông Âu, Bắc Á cao nguyên, Tây Tạng và gần hết đại lục châu Phi. Các giống người man rợ này sống bằng nghề chăn nuôi và giặc cướp.

Cuối thế kỉ thứ 4 nhân các đế quốc La Mã và Trung Hoa suy yếu họ xâm lăng các vùng Tây và Bắc Trung Hoa, chiếm cứ Tây đế quốc La Mã, đánh phá các nước Địa Trung Hải, Đông Âu và mở đầu thời kì Trung cổ và ở châu Âu.

CHƯƠNG II

ĐẾ QUỐC LA MÃ SAU KHI CÁC RỢ XÂM LĂNG

- 1. Các Rợ xâm lăng Tây đế quốc La Mã.*
- 2. Vương quốc Franc và giòng Mérovingien.*
- 3. Tình hình xứ Gaule dưới triều Mérovingien.*
- 4. Đông đế quốc La Mã và vua Justinien.*
- 5. Đế quốc Hi Lạp.*

1. Cuối thế kỉ thứ 4, đế quốc La Mã chia ra làm hai: Đông đế quốc và Tây đế quốc. Trong khoảng thế kỉ thứ 5, giống Germain bị giống Hung Nô đánh đuổi phải tràn vào đế quốc La Mã mà trước kia họ đã xâm nhập rất đông.

Khi xâm lăng các quốc gia văn minh trong đế quốc La Mã bọn Rợ này khép lại một thời kì, thời kì thượng cổ, và đánh dấu một thời kì mới, thời kì trung cổ trong lịch sử loài người ở châu Âu.

Tuy nhiên trong các cuộc xâm lăng này, giống Rợ không thể đặt chân lên toàn bộ đế quốc La Mã. Ở Đông đế

quốc, các hoàng đế La Mã còn đủ sức chặn đứng họ lại, và giữ được một vùng đất khá rộng gồm có bán đảo Ba Nhĩ Cán đến Danube ở châu Âu, Tiểu Á và Syrie ở châu Á, Ai Cập và Cyrénaïque. Tại vùng ấy đã có những đô thị quan trọng như Athènes Alexandrie và Constantinople.

Tây đế quốc thì trái lại, lọt hẳn vào tay Rợ. Rợ Vandale chiếm cứ phía Nam Y Pha Nho và Phi Châu⁽¹⁾; Ostrgoth, xứ Ý⁽²⁾; Visigoth xứ Y Pha Nho và phía Nam xứ Gaule⁽³⁾ cho đến sông Loire; Burgondre, lưu vực sông Rhône⁽⁴⁾; Franc, toàn xứ Bỉ.

2. Cuối thế kỉ thứ 5 và đầu thế kỉ thứ 6, Clovis một ông vua Franc thuộc nhóm Salien⁽⁵⁾, từ Bỉ xua quân qua xứ Gaule, chiếm cứ toàn xứ ấy.

Có sức khỏe và mưu lược. Clovis đánh diệt dần các tù trưởng bộ lạc khác, buộc toàn thể các người Franc tôn mình lên làm vua, rồi do đó thống nhất được một dân tộc

(1) 5,6 triệu dân, chừng 80 ngàn người Vandales.

(2) 4,5 triệu dân – 100.000 người.

(3) Cũng vậy.

(4) 2.500 người – Toàn dân đế quốc 50 triệu người. Rợ không đến 1.000.000.

(5) Người Franc rất can đảm và rất thiện chiến. Khi lâm nạn họ hay dùng búa cán ngắn, giáo lưỡi bằng, đoản gươm buộc dây có thể thay thế cho cây lao. Họ không đội mũ, mang giáp mũ chỉ dùng cái khiên bằng gỗ hoặc bằng “miên liễu” (một thứ liễu cành mềm bọc da). Người Franc chia thành hai ngành: Salien và Ripuaire. Mỗi nhóm lại chia thành bộ lạc. Mỗi bộ lạc có một ông tù trưởng.

hùng cường trên một địa vực rộng từ dãy Pyrénées đến sông Weser, Danube bao gồm cả xứ Thuringe, Germanie và vương quốc thuộc người Burgondes.

Sở dĩ Clovis chiến thắng được dễ dàng là nhờ có phái tăng lữ Da Tô giúp sức. Khi lên làm vua, Clovis là người ngoại đạo. Nhưng vì kết hôn với một công chúa trong đạo Da Tô⁽¹⁾, ông chịu làm phép rửa tội⁽²⁾. Do đó phái tăng lữ Da Tô mượn tay ông để trừ diệt các tù trưởng theo đạo khác thường làm trở ngại sự phát triển quyền lợi vật chất và tinh thần của người trong đạo Da Tô.

Các vua Mérovingien nối dõi Clovis, giữ nghiệp được tới năm 751.

Nhưng sau khi Clovis chết rồi, tục phân chia tài sản làm cho dân tộc Franc trở thành rời rạc. Mỗi lần có một ông vua chết thì trong nước lại sinh loạn vì tục phân chia ấy. Các hoàng tử đánh nhau quyết liệt để giành giật, giành ngôi khiến vương quốc Franc phải bị qua phân.

Những vua trị vì vào khoảng 639-752 đều là bất lực, lười biếng. Chính quyền lọt vào tay bọn đại thần.

Vua càng yếu thì bọn võ sĩ bấy lâu được vua cắt đất ban thưởng công lao mạnh dần lên, hợp thành một đẳng cấp địa chủ quý tộc rất cường ngạnh. Rốt lại vua không

(1) Clotildi.

(2) Sự rửa tội này xảy ra năm 496 do giáo sĩ Sainte Rémy ở Renims, Clovis chịu phép rửa tội cùng với 3.000 võ sĩ của mình. Từ đó Clovis trở thành một người phụng sự đặc lực đạo Da Tô.

giữ được chính quyền nữa mà để lọt vào tay quan cung trưởng⁽¹⁾. Chức quan này ban đầu chỉ là kẻ hầu cận của vua, sau thành ra một vị phó vương quyết đoán hết mọi việc triều đình.

Trong thời kì suy vong, xứ Gaule chia làm nhiều khu vực tổ chức thành những vương quốc riêng biệt: xứ Austrasie ở vùng sông Meuse, sông Rhin; xứ Neustrie ở vùng Tây Bắc xứ Gaule; xứ Burgondie ở vùng sông Saône và sông Rhône; xứ Aquitaine ở vùng Nam sông Loire. Hai xứ Austrasie và Neustrie luôn luôn xung đột nhau. Chỉ có hai xứ Burgondie và Aquitaine còn giữ được ảnh hưởng của văn minh La Mã thôi.

3. Thời đại Mérovingien, sử gia cho là thời đại man rợ hoặc muốn trở lại tình trạng man rợ.

Chính trị trong thời đại này bao gồm những tập tục của người man rợ và người cổ La Mã hỗn hợp. Vua chỉ giữ được một hư vị và thường bị phế, bị giết. Bọn võ sĩ không có ý phò vua mà dựa vào thế lực vua để cướp giật.

Muốn tái lập uy quyền, vua cố bắt chước các hoàng đế La Mã, tự xưng tước hiệu, lập cung điện, tổ chức triều đình nghi vệ như các hoàng đế ấy. Nhưng rốt cuộc họ chỉ theo được một cách vụng về cái vỏ bên ngoài không đủ tạo cho họ một chút uy quyền nào đáng kể.

Pháp luật và cách tổ chức xử phạt cũng đều có tính cách man rợ. Mỗi xứ có một thứ pháp luật riêng và khi xử

(1) Người quản đốc cung điện vua.

tội, quan tòa phải dùng pháp luật của từng xứ mà xử người trong xứ ấy⁽¹⁾.

Phong tục cũng hết sức dã man và thô lậu. Hầu như các vua đều phạm tội sát nhân. Vua Clotaire Ier dùng dao bầu giết cháu và cho xử giáo con đẻ là Chram.

Nạn nhân chính của chế độ tàn khốc ấy là đám dân chúng hèn yếu. Họ phải ẩn núp dưới bóng giáo đường. Và lúc ấy chỉ có giáo đường là còn đủ sức đương đầu với bọn vua chúa, che chở nhân dân, ra lệnh cấm tàn sát nô lệ. Nhờ nó mà văn minh La Mã ở xứ Gaule được cứu vãn một phần nào.

4. Trên đây là tình hình đế quốc La Mã ở phía Tây. Còn phía Đông thì vào cuối thế kỉ thứ 5, Đế quốc La Mã còn tồn tại được, nhưng tương tự một ngọn đèn sắp tắt.

(1) Nếu phạm nhân chối và quan tòa không đủ bằng chứng để xử thì pháp luật cho viện đến cách thí nghiệm và cách cầu Chúa xử phạt. Thí nghiệm thì người ta dùng nước và lửa. Kẻ bị cáo phải nhúng hai bàn tay vào nước đun sôi, hoặc cầm một thỏi sắt nung đỏ đi ít bước. Ba ngày sau, nếu tay không bị bỏng hoặc dấu bỏng có một trạng thái đặc biệt nào đó thì tội nhân được coi là vô tội. Cầu Chúa xử phạt thì người ta cho nguyên cáo và bị cáo hoặc những võ sĩ đại diện cho người ấy đấu kiếm với nhau. Bên nào thắng được là người vô tội, vì theo họ Chúa không bao giờ để kẻ vô tội phải thua phải chết.

Những cách xử phạt này cũng tương tự như cách xử phạt của vại giống Mọi ở núi Trường Sơn nước ta. Những Mọi ấy bắt bị cáo nhận uống thật nhiều rượu, hoặc trâm mình trong nước, hoặc đưa tay vào lửa mà không việc gì thì được coi là vô tội.

Tình hình trong ngoài đều hỗn độn. Ngoài thì các Rợ đe dọa. Rợ Hung Nô, Slave, người Bảo Gia Lợi tàn phá vùng biên giới Danube; người Ba Tư, Á Rập toan xâm chiếm các tỉnh Á Châu. Trong thì những cuộc mưu phản, bạo nghịch nhen nhóm cùng khắp. Vua thì sa đọa, ngôi vua nằm trong tay bọn đàn bà, bọn võ tướng. Dân chúng cùng khổ hết sức phần uất và chực có dịp là nổi loạn.

Giữa tình thế nguy ngập ấy, Justinien đứng lên khôi phục lại đế quốc. Lần lượt ông đánh dẹp được Rợ Vandale, Ostrogoth, Wisigoth, thu lại những lãnh thổ Bắc Phi (533-534) Ý Đại Lợi (535-554) và cùng Đông nam Y Pha Nho (554). Trừ xứ Gaule và các tỉnh ven biển Đại Tây Dương của xứ Y Pha Nho, đế quốc La Mã thu hồi lại được gần hết đất đai cũ.

Đánh dẹp xong, Justinien quay sang kiến thiết. Về pháp điển ông cho sưu tập lại nguyên bản những pháp lý La Mã, lọc bỏ những phần tương phản để làm thành một bộ pháp điển tổng hợp tất cả các khuynh hướng căn bản của pháp lý La Mã.

Ông cho kiến trúc khắp đế quốc những thành trì, cầu cống, bệnh viện, nhà tắm công cộng, tu viện, giáo đường, cung điện. Giáo đường Sainte Sophie là một kiến trúc vĩ đại nhất ở thành Constantinople.

Nhưng vua Justinien xa xỉ quá độ. Cái vỏ ngoài huy hoàng, tráng lệ mà ông tạo ra cho mình đó không đủ che đậy phần thối nát, đồi bại bên trong. Chiến tranh tốn kém, triều đình hoang phí, dân chúng không kham nổi những

gánh nặng mỗi ngày một thêm, phải sa dần vào cảnh khốn cùng. Vì vậy mà bờ cõi tuy được mở rộng, đế quốc lại nghèo nàn kiệt quệ. Vua Justinien về sau bị dân chúng oán ghét.

5. Ông chết không được bao lâu thì bờ cõi Đông đế quốc La Mã bị thu hẹp lại. Cuối thế kỉ thứ 6, người Lombard chiếm phía Bắc nước Ý; người Wisigoth đoạt lại miền Đông nam xứ Y Pha Nho. Thế kỉ thứ 7, Rợ Slave và người Bảo Gia Lợi, kéo vào Ba Nhĩ Cán, người Á Rập làm chủ các xứ Syrie Ai Cập và Bắc Phi. Thế kỉ thứ 8, Rợ Franc chiếm gần hết nước Ý: Dần dần đế quốc La Mã gom lại trong phạm vi đế quốc Hi Lạp mà người ta cũng gọi là đế quốc Byzantin⁽¹⁾ gồm những xứ thuộc ảnh hưởng Hi Lạp là xứ *Hi Lạp, Macédoine, Thrace, Tiểu Á*.

Đế quốc Byzantin tồn tại tới năm 1453, tức là năm quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm cứ Constantinople. Trong khoảng thời gian chín thế kỉ, đế quốc gặp nhiều biến cố xảy ra liên tiếp: tôn giáo xung đột, đảo chính, bạo loạn. Mỗi lần thay đổi triều đại là mỗi lần có bi kịch đẫm máu diễn ra.

Tuy nhiên đế quốc Byzantin cũng để lại được những trang sử khá vẻ vang. Nó bảo vệ được bờ cõi, chiến thắng những kẻ địch tới xâm lấn không ngớt. Người Á Rập, người Bảo Gia Lợi, người Nga đánh Constantinople, nhưng lần lượt bị thảm bại trước thành này. Đế quốc Byzantin lúc ấy quả thật là trung tâm văn minh của một châu Âu bị người

(1) Gọi là Đế quốc Byzantin vì thủ đô là Constantinople trước kia gọi là Byzanc.

Rợ giày đạp. Các dân tộc Đông Âu như Serbe, Bảo Gia Lợi, Nga chịu ảnh hưởng văn hóa Byzantin⁽¹⁾.

TÓM TẮT

1. Đầu thế kỉ thứ 5, các Rợ chiếm cứ toàn cõi Tây đế quốc La Mã. Đại bộ phận xứ Gaule lọt vào tay Rợ Burgonde, Wisigoth và Franc.

2. Từ trưởng Franc là Clovis theo đạo Da Tô và nhờ phái tăng lữ giúp đỡ, tóm thâu được một lãnh thổ từ dãy Pyrénée đến sông Weser. Nhưng khi Clovis chết, các vua kế nghiệp – gọi là Mérovingien – chia xứ Gaule ra nhiều vương quốc nhỏ: Austrasie, Neustrie, Burgondie, Aquitaine.

3. Các vua này đều lười biếng, bất lực. Cách cai trị thì vụng về; phong tục thì mọi rợ. Văn minh La Mã đã đến hồi xế bóng. Dân chúng hết sức điêu linh, chỉ còn trông cậy một phần nào vào sự che chở của giáo hội mà thôi.

4. Đến thế kỉ thứ 6, Đông đế quốc La Mã cũng tới lúc lâm nguy. Bên ngoài thì Rợ xâm lấn, bên trong thì bạo loạn nổi lên. Nhưng Justinien chiếm lại được Ý Đại Lợi, Bắc Phi, một phần Y Pha Nho và lo tổ chức lại việc cai trị, đặt pháp điển, kiến trúc đền đài.

(1) Xem chương V: Đế quốc BYZANTIN vào thời Trung cổ.

Nhưng Justinien cũng là một ông vua xa xỉ, làm cho nước nghèo, dân khổ.

5. Justinien chết, Rợ lại xâm lấn. Đế quốc của Justinien bị thu hẹp lại thành quốc gia Byzantin. Nhưng đến giữa thế kỉ 15, khi quốc gia này tiêu diệt, văn minh của nó vẫn còn rục rở.

CHƯƠNG III

SỰ BÀNH TRƯỚNG CỦA ĐẠO DA TÔ

1. Nguyên nhân phát triển của đạo Da Tô.
2. Giáo hoàng Grégoire de Grand.
3. Đạo Da Tô toàn thịnh.

1. Đầu thế kỉ thứ 5 khi quân đội La Mã rút khỏi đảo Bretagne thì rợ Angle và Saxon từ vùng Elbe kéo tới xâm chiếm đảo này, dựng thành xứ Angleterre⁽¹⁾. Đến thế kỉ thứ 6, họ tổ chức thành nhiều vương quốc nhỏ.

Ở Ý, sau khi vương quốc của Rợ Ostrogoth bị quân đội Justinien tiêu diệt, uy quyền các hoàng đế Constantinople được tái lập (555)⁽²⁾.

Trong tình hình hỗn loạn ấy, dân gian đều sống trong cảnh khùng khiếp, biết có nay mà không biết có mai. Họ

(1) Angle người Angle; tre: đất. Angleterre: đất của người Angle.

(2) Kinh thành La Mã lúc ấy, sau nhiều lần bị bao vây cướp giết, bày ra một cảnh tượng hoang phế. Các lâu đài tráng lệ biểu hiện của một nền văn minh rực rỡ chỉ lưu lại một đồng đá, gạch. Dân số một triệu chỉ còn được 50 ngàn.>

phải cầu đấng thiêng liêng che chở, theo đạo, đọc kinh và vào nhà tu nương tựa. Tôn giáo nhân đó mà phát triển mạnh, chi phối chẳng những đời sống tinh thần mà cả đời sống chính trị của mọi người.

Giáo hoàng trước kia chỉ là một đại diện tối cao của tôn giáo, uy quyền ở trong phạm vi tôn giáo mà thôi. Nhưng vì nước Ý bị xâm lấn, đất đai bị chia xẻ, hoàng đế không được tôn trọng, Giáo hoàng thừa cơ hội ấy tranh giành quyền lợi, địa vị với vua chúa.

2. Grégoire le Grand (Đại Giáo Hoàng Grégoire (590-604) là một giáo hoàng đầu tiên biết lợi dụng tình hình nói trên. Xuất thân từ một gia đình quý tộc La Mã, ông đem tài sản xây cất nhiều tu viện, rồi từ một lãnh chúa phong kiến ông biến thành một giáo sĩ, dựa vào tôn giáo để tạo một địa vị quan trọng. Được cử làm giáo hoàng, ông coi mình là chúa tể trong nước. Ông lo phòng thủ đế quốc, trưng mộ binh lính, tổ chức việc mua bán vật thực, thương nghị với quân địch đang vây thành, đề phòng mọi nguy biến có thể xảy tới. Đồng thời ông coi sóc việc quản trị tài sản của toàn thể giáo hội nhất là ở Ý. Uy quyền của Giáo hoàng do đó vượt khỏi phạm vi thành La Mã, lan rộng ra khắp nước.

Trong giáo hội, Giáo hoàng thi hành nhiều cải cách, cho soạn sách dạy tăng lữ và tăng cường đức tin của giáo đồ. Ông đem tôn giáo tuyên truyền vào các nước người Rợ chiếm cứ.

Rợ Wisigoth, Lombard, nhất là Anglo-Saxon theo đạo Da Tò rất đông.

3. Giáo hoàng Grégoire chết, nhưng công việc truyền đạo vẫn được tiếp tục rất mạnh. Toàn thể người Anglo-Saxon đều thành giáo đồ. Vào cuối thế kỉ thứ 7 (685), một giáo hội của người Anglo Saxon được thành lập, trung thành với hội thánh La Mã hơn hết. Khoảng thế kỉ thứ 7 và thứ 8, các tu viện của giáo hội ấy là cơ sở khảo cứu khoa học và văn chương quan trọng nhất ở châu Âu.

Phong trào truyền giáo lan rộng vào cả xứ Germanie. Đến giữa thế kỉ thứ 8, nhờ sự hoạt động của giáo sĩ Boniface, chẳng những cả Tây Âu và một phần xứ Germanie tuyên truyền đạo Da Tô mà tất cả các giáo hội đều phục tùng tòa thánh La Mã.

Thế kỉ thứ 8 (756), những quốc gia thuộc giáo hội (Etats de l'Eglise) được thành lập, khiến uy quyền Giáo hoàng càng to hơn. Nguyên khi người Lombard đến chiếm quân Ravenne và hãm đọa Đông đế quốc La Mã, Giáo hoàng Etienne đệ nhị cầu cứu với Pépin le Bref ở Gaule. Để đền ơn giáo hoàng đã làm lễ tôn vương cho mình. Pépin le Bref đến đánh đuổi người Lombard (754-756) lấy lại quận Ravenne, rồi không kể đến uy quyền Hoàng đế La Mã, đem đất ấy biểu cho Giáo Hoàng. Từ đó sự liên lạc giữa thành La Mã và Đông đế quốc La Mã đoạn tuyệt hẳn. Giáo hoàng lấy quận Ravenne lập thành quốc gia của giáo – hội và trở thành một vị chúa tể có uy quyền, có thổ địa và triều đình như bao nhiêu đế vương khác⁽¹⁾.

(1) Muốn biết gốc tích đạo Da Tô và Jésus Christ người sáng lập đạo ấy thì đọc *Lịch sử Thế giới* cuốn I Nguyễn Hiến Lê.

TÓM TẮT

1. Người Anglo-Saxon xâm lấn xứ Bretagne, người Lombard xâm lấn nước Ý, làm cho tình hình Đông đế quốc La Mã bị xáo trộn. Do đó đạo Da Tô trở nên mạnh mẽ. Tu viện mở nhiều và quyền vị giáo hoàng bành trướng.

2. Đại giáo hoàng Grégoire giữ một vai trò quan trọng, lấn át cả hoàng đế La Mã. Ông chủ trương việc truyền giáo cho người Anglo-Saxon, và khắp mọi nơi uy quyền của giáo hoàng và giáo hội được củng cố.

3. Sau khi Grégoire chết, nhà Boniface tận lực truyền đạo và nhờ sự thành lập các quốc gia của Giáo hội mà quyền vị Giáo hoàng càng tăng thêm mãi.

CHƯƠNG IV

SỰ BÀNH TRƯỚNG CỦA ĐẠO HỒI

1. Xứ Á Rập khi Mahomet ra đời.
2. Hồi giáo và giáo chủ Mahomet.
3. Giáo lí đạo Hồi.
4. Đế quốc Á Rập.
5. Văn minh Hồi giáo.

1. Trong lúc ở phương Tây đạo Da Tô bành trướng thì tại Á Rập đạo Hồi xuất hiện.

Á Rập nguyên là xứ sở của giống dân du mục thường hay đánh phá các vùng lân cận, hoặc cướp giết các thương đội⁽¹⁾.

Đến đầu thế kỉ thứ 7, các giống dân ấy chưa tỏ dấu nguy hiểm lắm. Họ đã định cư và ở những vùng trồng lúa được, họ lập thành làng xóm. Trên các con đường thương đội thường qua lại, họ lập những thị trấn vào cỡ trung bình,

(1) Hồi xưa đường giao thông chưa tiện, thương nhân họp thành đội đi qua sa mạc.

đứng đầu có thị trấn Médine dân số là 15.000 người và La Mecque⁽¹⁾, 25.000 người.

Người Ả Rập vốn theo đạo đa thần, mỗi bộ lạc thờ một vị thần khác nhau, nhưng tất cả đều lấy thánh đường La Mecque làm chỗ lễ bái cúng. Tại đây có một ngôi đền cổ gọi là Kaaba làm toàn đá đen, thờ một mảnh *văn thiết* (một mảnh tinh tú trên không trung rơi xuống). Mảnh văn thiết ấy được coi là vị thần tối cao đứng đầu các thần xứ Ả Rập. Đền Kaaba do một họ uy thế nhất tức là họ Koraichite canh giữ. Mohamet, người sáng lập đạo Hồi, thuộc về họ này.

2. Mahomet sinh năm 570 quanh vùng La Mecque trong một gia đình rất nghèo⁽²⁾. Thuở nhỏ ông chăn cừu, rồi làm hướng đạo cho các thương đội qua sa mạc, đi khắp đó đây. Về sau làm nô bộc cho một quả phụ giàu có, kết hôn với người này. Từ đó ông chấm dứt cuộc đời phiêu lưu. Đến bốn mươi tuổi, ông vẫn sống tầm thường như mọi người, chưa có dấu hiệu gì tỏ ra sau này ông ta là một giáo chủ. Từ tuổi này trở đi ông có những cử chỉ khác thường và bắt đầu đề xướng tôn giáo độc thần. Đến năm mươi tuổi, ông gặp toàn thất bại. Bọn hào mục La Mecque thấy ông gây nhiều ảnh hưởng trong đám dân nghèo có ý lo sợ, nên mỗi lần thấy ông giảng đạo thì chửi mắng đánh đập.

(1) Hai thị trấn này nằm trên những đường giao thương từ Hồng Hải sang châu Á.

(2) Ông J. Pirrenne trong sách «*Les grands courants de l'Histoire universelle*» nói Mahomet thuộc về một gia đình phú hào và chuyên về thương mại.

Lúc ấy tình hình thị trấn Médine không được yên ổn; xung đột thường diễn ra. Dân chúng, nhất là người Do Thái, khi đến hành lễ ở La Mecque, tin theo Mahomet, bỏ lối thờ cúng của đạo đa thần. Mahomet được họ mời tới Médine.

Nhưng Mahomet không đi vội. Luôn hai năm, ông gửi dân tìn đồ từ La Mecque tới Médine. Một ngày kia thấy thế lực của ông lớn quá, bọn hào mục ở La Mecque định ám sát ông. Hay được tin ấy, ông trốn khỏi, đứng vào đêm thích khách tới nhà.

Người Hồi giáo gọi sự đào tẩu này là Hégire và dùng để đánh dấu kỉ nguyên Hồi giáo (622).

Tại Médine ông hoàn thành công cuộc tổ chức tôn giáo mới, cổ xúy thành chiến để trừng phạt kẻ bội đạo.

Hồi nhỏ, nhân dân thương đội qua Syrie, ông gặp một giáo sĩ Da Tô và theo đạo này, khi tới Médine, gần người Do Thái, ông chịu ảnh hưởng đạo Do Thái. Cho nên đạo Hồi là một sự hỗn hợp đạo Da Tô và đạo Do Thái.

3. Giáo lí đạo Hồi gồm có những cuộc đàm thoại của Mahomet do tìn đồ ghi chép lại trong thánh kinh Koran. Kinh này không những giảng về đức tin mà còn giảng về khoa học, luật pháp và các qui tắc vệ sinh nữa.

Giáo điều căn bản tóm tắt trong câu này: chỉ có một đức chúa duy nhất là Allah và một tiên tri của người là Mahomet.

Giáo điều còn dạy phải phục tùng ý muốn của chúa: sự phục tùng ấy gọi là Islam. Khi chết rồi, con người còn phải chịu quyền phán quyết của chúa.

Cách lễ bái cũng giản dị như giáo điều. Tín đồ chỉ tuân theo bốn điều răn: mỗi ngày cầu nguyện năm lần; tắm rửa trước khi cầu nguyện; trong đời ít nhất phải đi lễ bái ở La Mecque một lần. Ngoài ra Mahoemt còn dạy cữ rượu và thịt heo. Người nào chịu chiến đấu vì Chúa sẽ được lên thiên đàng.

Mahomet đề xướng thánh chiến chống người không theo Hồi giáo. Người Á Rập hưởng ứng rất đông, vì lòng mộ đạo cũng có, mà vì muốn dựa vào chiến tranh để cướp giạt cũng có. Giữa La Mecque và Médine xảy ra nhiều cuộc xung đột, nhưng Mahomet chiến thắng, và năm 630 ông được đón về La Mecque.

Đến năm 632 tức là lúc ông được 62 tuổi, khi lâm chung, ông làm chủ được toàn xứ Á Rập. Một phần lớn các bộ lạc Á Rập tôn ông làm giáo chủ.

Sở dĩ ông thành công được nhờ xã hội Á Rập lúc ấy đã tới một trình độ mà tôn giáo đa thần không thích hợp với sự tiến hóa nữa. Các giống dân du mục đã bắt đầu định cư và ranh giới bộ lạc đã bắt đầu bị xóa bỏ; các guồng dân phải hòa hợp lẫn nhau để tạo thành một quốc gia mạnh hơn, phải có một nền kinh tế thống nhất, một quân đội hùng cường để chống lại ngoại xâm hoặc để xâm lấn các xứ khác. Ngoài lí do xã hội và lịch sử ấy ta có thể kể thêm tính cách chiến đấu mạnh mẽ của Hồi giáo, quả quyết đánh ngã đối phương bằng mọi phương tiện khủng bố. Lí do thứ ba là tính tình của vị giáo chủ: Mahomet vừa có tài ngoại giao vừa là người nham hiểm tàn ác, biết tùy lúc mà dùng võ

lực hoặc điều đình, tấn công hay nhượng bộ, nghĩa là ông có đủ tính tình của “bất cứ một Quốc vương Á Rập nào”.

Trước khi lâm chung một năm, ông đã rót vào lòng tín đồ những lời nhân từ vừa đúng với một vị giáo chủ vừa thích hợp với cái trật tự xã hội ông đã dựng lên:

“Hỡi thần dân; con hãy nghe lời nói của ta đây; vì không biết năm tới đây ta còn sống với các con nữa không. Các con ai cũng biết coi sinh mạng, tài sản của đồng loại là thiêng liêng, là bất khả xâm phạm, và phải nhớ như vậy cho đến khi thiên cùng địa tận.

“Chúa đã ban cho mỗi người một gia tài; từ di chúc sẽ không hợp pháp nữa nếu người này lại xâm phạm đến kẻ kia.

“Kẻ làm con thuộc quyền sở hữu của kẻ làm cha. Ai xâm phạm đến luật hôn phối sẽ bị hành hạ.

“Ai nhìn nhận kẻ khác làm cha, coi kẻ khác làm thầy sẽ bị chúa, bị thiên thần, và bị nhân loại trừng phạt.

“Hỡi thần dân của ta ơi! Đàn ông có quyền đối với đàn bà và đàn bà cũng có quyền đối với đàn ông. Đàn bà không được phạm luật hôn phối, làm những việc dâm ô; nếu đàn bà phạm tội, có quyền giam họ trong phòng riêng, dùng roi da mà đánh, song đừng đánh mạnh lắm. Nhưng nếu họ biết giữ mình thì nên cho họ ăn mặc đầy đủ. Hãy trọng đãi người vợ của con vì họ là những kẻ bị giam cầm trong tay con họ không có quyền hành gì cả trong những việc liên quan đến họ; con tin lời chúa mà lấy họ, con dùng lời chúa mà ràng buộc họ với con.

“Đối với nô lệ, con dùng thức ăn gì cho họ dùng thức nấy, con mặc thứ vải gì thì cho họ mặc thứ vải nấy. Nếu họ phạm một tội lỗi không thể tha thứ được thì con nên đem bán họ đi, vì họ là nô lệ của Chúa, con không nên làm khổ họ”.

4. Suốt thế kỉ người Á Rập chiến thắng không ngừng. Họ bắt buộc kẻ địch phải chọn lựa mấy điều: nộp cống cho họ, thừa nhận Allah, hay là chết. Thật ra, trên con đường xâm lăng họ không bị sức cản trở của dân chúng. Nông dân ở đồng bằng Mésopotamie không quan tâm đến việc phải theo đế quốc Byzanti hay đế quốc Á Rập, vì đối với đế quốc nào họ cũng là kẻ bị trị và phải nộp thuế như nhau. Và lại triều Á Rập lúc ấy còn tỏ ra khoan hòa, nhân đạo hơn các triều đình chuyên chế khác ở cận đông. Người Á Rập trước kia theo đạo Da Tô, nay bỏ đạo này theo đạo Hồi rất đông. Người Do Thái cũng vậy.

Chiến công của người Á Rập được sắp vào hạng oanh liệt nhất trong lịch sử thế giới. Phía đông họ chiếm xứ Syrie, Ai Cập, xứ Ba Tư (642) tiến thẳng sang Ấn Độ và Tân Cương (thuộc Trung Quốc). Phía Tây họ chinh phục Bắc Phi; rồi từ Bắc Phi họ tiến sang Ý Pha Nho, chiếm luôn xứ này. Đến nửa thế kỉ thứ 8, khi công cuộc xâm lăng hoàn thành thì biên giới Đế quốc Á Rập mở rộng từ sông Hằng (Gange) đến Đại Tây Dương.

Các vị Quốc vương Hồi giáo đầu tiên, Abou Kakr và Omar I đệ nhất là những người tinh tình cương trực và giản dị. Cảm đầu một đế quốc to rộng như thế mà họ vẫn giữ.

Lối sống đơn sơ, nghèo nàn của dân du mục trong sa mạc. Cho nên dân chúng coi họ là nhân vật siêu phàm. Nhưng đến đời vua Othman phong hóa suy đọa, các vua Ả Rập từ đó cũng tầm thường như bao nhiêu vua khác ở Đông phương, thích đời sống xa xỉ ủy mị trong cung cấm.

Đế quốc Ả Rập tồn tại được không lâu. Vừa thành lập xong, đế quốc ấy đã bị qua phân thành ba nước dưới quyền ba ông vua rất hùng cường, ngự trị tại ba đô thị danh tiếng nhất là Le Caire ở Ai Cập, Bagdad ở Cận đông, và Cordoue ở Y Pha Nho. Nước Ả Rập nơi phát hiện ra Hồi giáo không còn là trung tâm sinh tồn của đế quốc nữa. Tất cả hoạt động căn bản về kinh tế chuyển qua Ba Tư. Hồi giáo cũng không còn giữ được bản chất ban đầu. Cũng như bao nhiêu tôn giáo khác nó đã trở thành một lợi khí phục vụ quyền lợi kinh tế của giai cấp thống trị.

5. Văn minh Ả Rập, tức văn minh Hồi giáo, không có gì đặc biệt mới mẻ. Nhờ đi sau, mà dân tộc Ả Rập hưởng được gia tài của người đi trước. Họ tổng hợp các yếu tố căn bản của văn minh Ba Tư, Ấn Độ và Hi Lạp. Nhưng tinh thần người Ả Rập không kém tinh thần Hi Lạp vào thời thịnh bao nhiêu. Cũng như người Hi Lạp, họ lo phát triển một cách rất có phương pháp các khoa học thực nghiệm.

Họ học với người Cảnh Giáo⁽¹⁾ triết học Aristote, y học và thứ văn chương có liên quan với toán học. Họ học ~~cả với người Do Thái~~ rải rác ở các thị trấn lớn và hai tỉnh

(1) Một phái của đạo Da Tô, có tinh thần khoa học, coi Chúa Jésus là người thường (Nestorien).

thần Do Thái, Ả Rập phản ứng nhau, tạo cho xã hội một sinh lực văn hóa tốt đẹp. Ngoài ra họ còn học người Ấn Độ rất nhiều, nhất là toán học.

Ả Rập sản xuất nhiều sử gia và văn nhân có khuynh hướng giáo dục. Vào thế kỉ thứ 9 và thứ 10, người Ả Rập không những viết sách văn phạm, mà còn viết tự điển và khái luận về ngôn ngữ học.

Nhiều trường đại học được thành lập ở các đô thị lớn, ảnh hưởng vượt ra ngoài biên giới đế quốc Hồi giáo. Sinh viên từ phương Tây và phương Đông tới học rất đông. Tại đại học Cordoue có một số sinh viên Da Tô cùng học, và triết học Ả Rập xâm nhập vào các đại học đường Ba Lê, Oxford, bắc bộ nước Ý, chi phối nền tư tưởng châu Âu.

Kĩ nghệ chép sách⁽¹⁾ phát triển mạnh ở Alexandrie, Damas, Caire và Bagdad. Năm 970 tại Cordoue có 27 trường học mở cửa dạy con nhà nghèo không lấy học phí.

Về toán học, người Ả Rập tiếp tục công việc của các nhà toán Hi Lạp. Con số không (*zéro*) đến thế kỉ 12 vẫn chưa có. Người thì nói con số ấy do người Ả Rập Ibn-Mousa phát minh; người lại nói người Ấn Độ.

Về hình học, người Ả Rập phát minh đại số học; mở mang thêm viên hình *tam giác pháp* (trigo-sphérique), đặt ra *chính huyền* (Sinus), *tiếp xúc tuyến* (Tangente) và *đư thiết tuyến* (Cotangente). Về vật lí học họ phát minh quả

(1) Giấy và máy in hồi ấy chưa có, nên sách phải chép bằng tay.

lắc viết sách về quang học. Họ phát triển khoa thiên văn, dựng thiên văn đài và chế tạo nhiều dụng cụ về thiên văn học đến ngày nay vẫn còn dùng. Họ tính được *hoàng đạo giác* (angle de l'écliptique). Và *phân điểm biến vị* (précessions de équinoxes).

Về y học, họ tiến xa hơn người Hi Lạp, nghiên cứu hình thái học và khoa vệ sinh. Khí cụ y học của họ, ngày nay vẫn còn. Họ biết dùng thuốc mê trong việc mổ xẻ và mổ được những bệnh ngày nay vẫn chịu là khó.

Về hóa học, họ đi rất đúng đường, tìm được nhiều chất mới, như rượu, potasse, *tiêu toan ngân* (nitrate d'argent) chất *thăng hoa* gặm mòn (sublimé corrosif), *ninh môn toan* (acide citrique), *lưu toan* (acide sulfurique)⁽¹⁾.

Về kinh tế, họ học cách trồng tía và khoa tưới ruộng của Ai Cập, Mésopotamie bị xâm chiếm. Họ biết giá trị các thứ phân bón, biết làm cho các loại thích ứng với đất đai, gây thêm giống cây có trái và hoa. Họ chế nước hoa, nấu xi rô, làm đường mía, gây rượu vang có tiếng. Họ truyền sang châu Âu những thảo mộc từ trước chưa có như lúa, mía, dâu, mơ, mãng tây, đậu, gai, nghệ v.v...

Họ là những tay thủ công rất khéo. Sản phẩm họ chế tạo đã nhiều loại mà lại đẹp hơn tất cả những sản phẩm mà thế giới bây giờ chế tạo được. Họ có thể luyện mọi thứ kim thuộc như vàng, bạc đồng, đồng đỏ, sắt,

(1) Xem *Esquisse de l'Histoire universelle* của H.G. WELLS.

thiếc. Đồ thủy tinh và đồ gốm của họ ít ai bì kịp. Họ biết những bí quyết của nghề nhuộm và làm được giấy. Họ đem bán ở thị trường những đồ kim thuộc như lưỡi gươm thiết giáp, chun đèn, mâm chạm, bàn cùng các thứ đồ gỗ cẩn xà cừ, khảm bạc, nạm ngà. Thành Da Mas sản xuất thảm lót nhà có tiếng nhất thế giới, dệt và thêu các thứ vải gai, nhung, lụa. Thành phố Cordue và xứ Maroc sản xuất da thuộc, nhũ kim. Thương nhân Á Rập vận tải các sản phẩm ấy vào nội địa Châu Phi, tận Soudan và sang Châu Á, tận trung Hoa.

Về chính trị, người Á Rập biết tổ chức một quốc gia có tính cách tiến bộ. Cũng như bao nhiêu quốc gia dân chủ chuyên chế khác, quốc gia Hồi giáo chứa đựng rất nhiều mâu thuẫn (mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc), và thường xảy ra bạo loạn, nội chiến... Nhưng đế quốc Á Rập nhờ tinh thần vừa mềm dẻo vừa độc đoán của Hồi giáo, nhờ chính trị chuyên chế mà duy trì được.

Về nghệ thuật, người Hồi giáo thiên về kiến trúc. Họ học người Ba Tư cách xây cột mảnh khảnh, vòng cung nhọn, nhất là hình móng ngựa; học theo người Byzantin cách xây vòm tròn. Họ thích lối trang hoàng rực rỡ, ưa dùng hồi văn, nước nhũ kim, chạm trổ, giếng phun nước v.v... Về văn chương thế giới ngày nay không thể quên được bộ tiểu thuyết *«Ngàn lẻ một đêm»* làm nổi óc tưởng tượng phi thường của người Á Rập.

TÓM TẮT

1-2-3. Khi đạo Da Tô bành trướng ở châu Âu thì đạo Hồi xuất hiện ở Á Rập. Giáo chủ đạo này là Mahomet. Người Á Rập vốn theo đạo đa thần. Mahomet đề xướng đạo độc thần. Lúc đầu ông bị bạc đãi. Ông trốn khỏi La Mecque tới Médine. Sự đào tẩu này người Hồi giáo gọi là Hégire. Tại Médine ông hoàn thành công việc tổ chức tôn giáo và hô hào thánh chiến. Giữa La Mecque và Médine xảy ra nhiều cuộc xung đột lưu huyết. Kết quả Mahomet thắng và năm 630 ông được về La Mecque.

4. Trong vòng một thế kỉ người Hồi giáo đánh chiếm các xứ Syrie, Ai Cập, Ba Tư, Bắc Phi, Y Pha Nho, thành lập một đế quốc rộng từ sông Hằng đến Đại Tây Dương. Các vị quốc vương là những người cương trực, giản dị, nhưng các quốc vương kế nghiệp lại hoang dâm xa xỉ, trong đế quốc thường xảy ra xung đột, thành thử đế quốc vừa dựng lên đã bị qua phân⁽¹⁾.

5. Người Hồi giáo tổng hợp các yếu tố của văn minh Ba Tư, Ấn Độ, Hi Lạp, xây dựng một nền văn minh rực rỡ. Họ làm cho gia tài của các dân tộc nói trên lớn thêm, tìm được nhiều cái mới về y học, toán học, thiên văn học và tất cả các ngành khoa học thực nghiệm khác. Họ mở mang nghề trồng tía, truyền sang châu Âu nhiều sản phẩm tinh xảo nổi tiếng khắp thế giới: mở đại học đường truyền bá học thuật ảnh hưởng truyền tới đại học đường châu Âu.

(1) Có người cho rằng động lực tiến hóa của người Hồi giáo lúc ấy là giấy. Giấy từ Trung Hoa truyền sang được người Á Rập dùng trước hết rồi từ đó mới truyền lần sang châu Âu.

CHƯƠNG V

ĐẾ QUỐC BYZANTIN THỜI TRUNG CỔ

Tình hình kinh tế, chính trị xã hội, văn hóa

1. Chính trị.
2. Kinh tế.
3. Xã hội Văn hóa.
4. Đế quốc suy.

1. Vào thế kỉ thứ 9-10, khi đại lục châu Âu bị ngột thở dưới gót các Rợ thì Byzantin đủ sức gạt ra ngoài ảnh hưởng của Hồi giáo, giữ vững địa vị một quốc gia quân chủ chuyên chế theo đạo Đa Tô. Kinh tế, xã hội, pháp lí, tài chính trong nước đều được triều đình sắp đặt ổn đáng cả. Chính trị địa phương thì giao cho các quân nhân và quan lại được chọn lựa kĩ càng. Triều đình và chính phủ mỗi bên có quyền riêng biệt. Và để tránh cái họa quyền

(1) Những người bị cắt bỏ bộ sinh dục từ khi còn nhỏ. Triều đình Trung Hoa cũng dùng thứ quan lại này gọi là hoạn quan.

thần truyền tử lưu tôn, các chức vụ cao trọng cũng do thái giám⁽¹⁾ đảm nhiệm.

Nhà nước có một ngân khố dồi dào thành lập với tiền thuế ruộng đất, thuế nhân khẩu, thuế gián thu, thuế thông hành, thương chánh, thuế 10 phần trăm trong số xuất, nhập cảng.

Nhà nước kiểm soát mọi ngành hoạt động; tôn giáo, học vấn, kinh tế. Tôn giáo là nòng cốt của tinh thần dân tộc. Ai nghịch lại với tôn giáo sẽ bị coi là nguy và bị trừng phạt nặng. Học vấn được coi là nền tảng công việc cai trị và văn hóa. Quan lại tuyển chọn theo trình độ học thức.

2. Nhưng Nhà nước chú trọng vấn đề kinh tế hơn hết. Ngoại thương rất phát đạt nên trong đế quốc có những thương cảng rất lớn.

Chính sách kinh tế chỉ huy được áp dụng. Nhà nước giữ độc quyền những kĩ nghệ căn bản như kĩ nghệ dệt lụa, kĩ nghệ chế tạo khí giới. Những ngành hoạt động do chủ trương thì có nhà nước hạn định. Mỗi kĩ nghệ phải hợp thành phường (corporation), nhân viên tự cử lấy chủ tịch nhưng do nhà nước kiểm soát. Phường tự mua lấy nguyên liệu rồi phân phát cho người chế tạo. Hàng hóa đem bán với giá nhà nước đã định sao cho lợi cả hai bên: kẻ tiêu thụ và người sản xuất. Phẩm chất của hàng hóa cũng do nhân viên nhà nước kiểm soát và đóng dấu bảo đảm. Nhờ sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước và phường mà nạn trung gian tránh được. Trong địa hạt thương mại mọi người được tự do, nhưng số chứng khoán và lợi xuất bị hạn định.

3. Về mặt xã hội nhà nước lo cho mọi người đều có công ăn việc làm. Những kẻ thất nghiệp được nhà nước thu dụng trong các công sở công tác hay được các cơ quan từ thiện tìm cho việc làm. Về tiền tệ nhà nước chỉ dùng độc thứ huỳnh kim và thế kỉ thứ 4 đến thứ 10 giá tiền tệ được giữ vững.

Sống giữa những giống dân dã man, đế quốc vì lẽ an ninh phải canh phòng chặt chẽ những thương nhân ngoại quốc. Các thương nhân này được phép lưu trú tại đô thành Byzance ba tháng. Quá thời hạn ấy họ phải bán hết hàng hóa và ra khỏi nước. Những người có đặc quyền lưu trú lâu dài phải có hiệp ước kí kết đảm bảo.

Ngoài vòng đô thị, các nhà phú hộ có quyền mua đất, nhưng nhà nước cố sức ngăn ngừa bọn quý tộc địa chủ lấn đất của nông dân tự do. Thế kỉ thứ 9, nền kinh tế phục hưng làm cho số đại địa chủ giảm bớt một số nông nô được giải phóng, và nhiều vùng tiểu nông nghiệp nhờ chính phủ bảo vệ thoát khỏi sự chi phối của lực lượng phong kiến lúc ấy đã bắt đầu phát triển.

Trừ vài cuộc bạo loạn người Byzantin nhờ đời sống tương đối dễ dãi mà có một tinh thần ôn hòa bình tĩnh. Phong trào quần chúng gần như không xảy ra ở kinh thành, cho nên phương pháp trừng phạt cũng không nghiêm khắc. Chỉ có kẻ phạm tội mưu phản thì bị lên án chặt tay chặt chân mà thôi.

Người Byzantin không thích chiến tranh, nhưng họ tổ chức sự tự vệ rất chu đáo. Ở những phiên trấn, nhà nước

bắt nông dân đảm đương quân dịch để phòng khi hữu sự thì việc trưng mộ dễ dàng. Kể cả những đội lính chuyên nghiệp, số quân trong nước được chừng 12 vạn, có đủ các số quân nhu, y tế và công binh.

Nhưng thủy binh quan trọng hơn bộ binh. Nhờ có đội chiến thuyền mạnh, đế quốc Byzantin mới làm bá chủ được mặt biển và giữ cho sự cường thịnh vững bền.

Kinh thành Byzantin, với dân số một triệu người là một đô thị đẹp nhất thế giới. Nghệ thuật kiến trúc một phần chịu ảnh hưởng của La Mã một phần của các nước Cận đông, tổng hợp được mọi vẻ mỹ lệ, huy hoàng. Trong lúc ở phần nhiều đô thị lớn Tây Âu, nhà cửa lụp xụp, tối tăm, đường sá chật hẹp bẩn thỉu thì tại Byzance đã có một hệ thống đường cống và những công viên rộng rãi sắp đặt đúng thể thức một đô thị văn minh ngày nay.

4. Đến thế kỉ thứ 11, đế quốc Byzantin bắt đầu suy vong. Nguyên nhân đầu tiên là người Thổ Nhĩ Kỳ xâm lấn nam bộ nước Nga làm cho sự giao thương với các đô thị Nga gián đoạn. Kết quả là tài chính trong nước thiếu hụt, bắt buộc vua Basill đệ nhị phải giảm bớt các phí khoản quốc gia. Kế đến trận giặc chống người Bảo Gia Lợi (1018) gây nhiều tổn thất quá. Triều đình không đủ sức bảo tồn đội chiến thuyền để cho quyền bá chủ mặt biển Adriatique lọt vào tay người Venise. Thương mãi bị khủng hoảng nặng. Giai cấp quý tộc địa chủ chiếm dần ưu thế, bỏ hẳn mặt biển quay về phía đại lục tức là nguồn lợi căn bản của họ. Văn hóa cũng theo với kinh tế mà trụt xuống. Học vấn bị coi

như là một xa xỉ phẩm tốn kém và nguy hiểm cho quốc gia. Trường đại học Constantinople đóng cửa.

Từ đó ánh sáng văn minh Byzantin mờ dần trước bóng tối của chế độ phong kiến tràn dần tới.

TÓM TẮT

1-2-3. Thế kỉ thứ 9, 10 trong lúc các nước Tây Âu đã hoàn toàn suy đọa thì ở phía Đông đế quốc Byzantin còn cầm vững ngọn đuốc văn minh. Chính phủ áp dụng chính sách kinh tế chỉ huy, giữ cho dân chúng một mức sống dễ dàng. Chính thể chuyên chế, nhưng vua quan đều làm đúng phận sự, cho nên tình hình trong đế quốc tương đối an ninh. Bạo loạn ít xảy ra, hình phạt không hà khắc lắm. Dân chúng sống trong cảnh tương đối thái bình giữa một thế giới đương biến chuyển.

4. Đến thế kỉ 11 người Thổ Nhĩ Kỳ xâm lấn Nam bộ nước Nga, làm cho nền ngoại thương, nguồn sinh lực của đế quốc Byzantin, bị tổn hại, do đó đế quốc này phải suy bại dần.

CHƯƠNG VI

TÌNH HÌNH XỨ GAULE Ở TÂY ÂU

1. Giòng Caroligien thay giòng Mérovingien làm vua ở Gaule.

2. Vua Charlemagne và công việc chinh phục toàn cõi Tây Âu.

3. Chính trị, xã hội, văn hóa Tây Âu trong thời kì Charlemagne.

4. Đế quốc Charlemagne suy.

5. Triều Capétien thay triều Carlingien ở Gaule.

1. Khi các Rợ xâm lăng Tây đế quốc La Mã thì Clovis cầm đầu Rợ Franc chiếm cứ xứ Gaule, dựng nên triều Mérovingien. Giòng Mérovingien truyền ngôi cho nhau đến thế kỉ thứ 7 thì suy nhược. Sau khi vua Dagobert chết (639) chính quyền lọt vào tay bọn cung quan (maires du Palais tức là quan cai quản cung điện).

Đầu thế kỉ thứ 8, một trong những cung quân này là Pépin d'Héristal về mặt thực tế đã làm chủ vương quốc Franc. Con trai Pépin d'Héristal là Charles Martel nhờ

ngăn được quân Á Rập tấn công thành Poitiers (732) mà được giáo hội Da Tô tin nhiệm. Các giáo hoàng liền giúp cho giòng Carolingien thay thế giòng Mérovingien, cũng như trước kia họ từng giúp Clovis thắng những kẻ địch của đạo Da Tô.

Năm 751, Pépin le Bref con Charles Martel bắt Childéric, ông vua cuối cùng của giòng Mérovingien giam vào tu viện rồi xưng làm vua. Từ đó giòng Carolingien được giáo hội Da Tô ủng hộ thành lập một nền quân chủ chuyên chế tồn tại mãi cho tới ngày cách mạng Pháp.

Pépin le Bref đem đất đai chia cho hai con là Charles và Carloman; Carloman chết (771), Charles tập trung quyền binh trong nước vào tay mình và lên làm vua tức là Charlemagne.

2. Charlemgne là một vị quốc vương danh tiếng nhất thời Trung cổ.

Háo chiến và xâm lược, trước hết ông lo mở rộng lãnh thổ. Trong khoảng thời gian 45 năm trị vì, ông đánh dẹp hơn 55 lần. Chiến tranh ông gây ra phần nhiều có tính cách tôn giáo và chính trị. Quan trọng nhất là những trận xảy ra trên đất Ý, Y Pha Nho, Germanie, tại đó Carlemagne đánh thắng được người Lombard, Sarrzin và Saxon.

Charlemgne tỏ ra một ông vua tàn bạo. Để trả thù cho những giáo sĩ hay người Saxon giết, ông cho xử tử trong ngày tại Verdun đến 4.500 tù nhân. Nhiều bộ lạc bị ông đày ải.

Khi chiếm cứ xứ Germanie, Charlemagne gặp giống

rợ khác là Slave đóng bên kia sông Elle, Danois hay Normand ở bán đảo Julard Avars từ châu Á sang đóng tại xứ Hung Gia Lợi. Để chặn rợ Slaves, Charlemagne tổ chức tại Germanie nhiều vùng quân sự sau này là những yếu tố lập thành xứ Phổ Lỗ Sĩ. Một vùng quân sự khác được tổ chức ở Danube để ngăn Rợ Avars và sau này lập thành nước Áo.

Năm 800, chiếm cứ được toàn thể Tây Âu rồi, Charlemagne xưng là hoàng đế La Mã và được coi như là lãnh tụ tín đồ Da To uy thế rất lừng lẫy.

3. Charlemagne vốn là người ít học, nhưng siêng năng, can đảm và có tài tổ chức. Ông lập triều đình. Đình thần gồm có những vị sau này:

Một vị coi về toàn thể việc cai trị gọi là quan *Chấp chánh* (Comte du Palais), một vị coi về việc tín ngưỡng, tôn giáo gọi là quan *Tư tế*. Dưới hai vị này có quan *Đại pháp* coi về văn thư quan *Thị tụng* cai quản phòng ngân khố⁽¹⁾. Ngoài những chức vụ quan trọng ấy còn có quan coi việc ăn uống của vua gọi là quan *Ngự thiện*, quan giữ rượu của vua gọi là quan *Tửu giám*, quan coi ngựa và lính hầu gọi là quan *Đốc quân*. Bao nhiêu chức vụ nói trên đều giao phó trong tay những nhân vật quan trọng nhất của triều đình.

Charlemagne tàn bạo trong khi chinh chiến, cương quyết việc cai trị. Nhưng ông lại không tỏ ra chuyên chế. Trong mọi vấn đề công lí, quân sự, giáo dục, tôn giáo, mỗi

(1) Ngân khố thuộc quyền vua.

năm nhà vua đều cho mở đại hội trưng cầu ý kiến của dân chúng. Về việc cai trị địa phương, Charlemagne chia nước thành khu vực gọi là “comté” giao cho quan lại do vua bổ nhậm và bãi truất, gọi là comte⁽¹⁾, Viên quan lại này kiêm cả quyền hành chính và quân sự, pháp lí và tài chính. Việc tôn giáo, tín ngưỡng thì giao cho một giáo sĩ cũng là một quan lại của nhà nước.

Để kiểm soát việc làm của các “comte” và giáo sĩ, Charlemagne lo chấn chỉnh việc học vấn trong dân gian để các giáo sĩ tiện truyền bá tôn giáo. Nhờ đó mà văn học nghệ thuật dưới thời Charlemagne có một hưng khởi lại.

Mỗi tu viện nhà vua bắt phải mở một lớp học, các giáo sĩ, tăng lữ phải dạy cho dân tụng kinh, hát, tính toán, luyện văn pháp, tập viết chữ tốt. Nhiều tu viện hồi ấy đã sản xuất được sách viết tay rất dễ đọc. Nhà vua lại cho mở cạnh mỗi giáo đường một trường học cho dân chúng vào học không lấy tiền.

Về nghệ thuật thì không có gì đáng kể trừ một số đền đài cung điện, phần nhiều phỏng theo lối kiến trúc Byzantin⁽²⁾.

(1) “Comté” ở Âu châu vào thời Trung cổ có lẽ cũng tương tự như “lộ” “đạo” ở ta ngày xưa. Ngày nay là quận tỉnh. Chức *comte* đây không phải là bá tước dưới đời phong kiến mà là chức quan lại như ngày xưa là *Hành khiển*, nay là *Tổng đốc*.

(2) Xem lại chương: Đế quốc Byzantin.

4. Nhưng không bao lâu đế quốc Charlemagne bị qua phân.

Louis Le Débonnaire người kế vị Charlemagne phải cắt đất chia lại cho ba con là Lothaire Louis và Charles Le Chauve để lập thành vương quốc riêng.

Năm 839, sau khi Louis De Débonnaire chết, ba quốc vương ấy xung đột nhau. Rồi đến 843, do hiệp ước Verdun họ chia đế quốc ra làm ba: Lothaire xưng đế trên một lãnh thổ gồm có nước Ý và các vùng sông Rhône Meuse; Charles xưng vương ở Tây bộ xứ Franc lưu vực Escaut, sông Seine, sông Loire, sông Garonne, Louis chiếm giữ vùng đông sông Rhin xứ Germanie.

Suốt hai thế kỉ thứ 9 và thứ 10, biên giới của đế quốc lại bị các rợ đánh phá. Phía Đông rợ Slave, người Tiệp và người Hung đánh phá xứ Germanie. Phía Nam rợ Sarrazin, người Hồi giáo châu Phi đánh phá miền duyên hải Ý và cùng Provence. Phía tây, người Normand do đường biển kéo tới xâm lấn.

Các vua giòng Carolingien và chỉ lo tranh giành đế vị mà trở thành suy nhược. Họ không đủ sức bảo vệ dân chúng nữa. Trong nước lại bày ra một tình trạng hỗn loạn mà nạn nhân bao giờ cũng là kẻ yếu. Các đại địa chủ, tức là các lãnh chúa, bắt đầu tổ chức quân lực riêng trong lãnh thổ của mình để tự vệ. Thành trì phong kiến từ đó mọc lên như nấm. Dân chúng đua nhau đến xin lãnh chúa che chở. Ai muốn được che chở phải kí tờ cam kết chịu lệ thuộc kẻ che chở mình.

Đối với lãnh thổ nằm trong tay lãnh chúa nhà vua mất hết uy quyền. Lãnh chúa thu địa tô không phải cho vua mà cho mình; chỉ huy chiến tranh không phải vì vua mà vì mình. Đất đai nước Pháp bị chia xẻ thành vô số thái địa.

Vào thế kỉ thứ 9 và thứ 10, một tổ chức xã hội mới thành lập, trong đó người này tùy thuộc người kia: dân thôn quê và thành thị trong mỗi thái địa tùy thuộc một lãnh chúa; lãnh chúa này làm chư hầu một lãnh chúa khác mạnh hơn; lãnh chúa sau này lại làm chư hầu cho một lãnh chúa khác nữa hoặc cho nhà vua. Quyền lợi và trách nhiệm của mỗi hạng người đã được định sẵn trong một tờ hợp đồng do hai bên đều kí.

Tổ chức xã hội mới này gọi là chế độ phong kiến.

Tại Gaule trong lúc giòng Carolingien suy nhược thì một giòng khác nổi lên. Nhờ có công chống lại người Normands đến xâm lấn mà giòng này được nhiều uy tín, thế lực trong dân gian. Người đầu tiên là Robert Le Fort một lãnh chúa mạnh đóng ở vùng đất giữa sông Seine và sông Loire. Con Robert le Fort là Eudes lãnh chúa ở Ba Lê, vì có công phòng thủ thành này chống lại người Normand đến vây đánh (885), nên được tôn làm vua năm 888.

Đến lúc này vua xứ Gaule không còn chút uy lực nào nữa. Quyền phế lập nằm trong tay đàn bà, quyền thần và giáo sĩ. Họ muốn cho ai làm vua thì cho, bỏ ai thì bỏ. Khi thì họ tôn lên ngôi một ông thuộc giòng Carolingien, khi thì họ tôn một ông thuộc giòng Robertien tức con cháu Robert, nếu người được tôn lên đó biết hành động hợp ý

muốn và quyền lợi họ. Ngôi vua không còn thế lập nữa mà lại do bầu cử.

Cuối thế kỉ thứ 10, giòng Carolingien bị bỏ và giòng Capetien lên thay. Đế quốc Charlemagne tan rã.

Năm 987, các hoàng tử Carolingien vì không trả nổi tiền công bầu cử nên bọn đại thần tôn Hugues Capet một lãnh chúa Pháp, lên ngôi. Từ đó giòng Carolingien bị dứt hẳn. Hugues Capet mở đầu triều Capétien trị vì nước Pháp từ 987 đến 1792 mới dứt.

Đế quốc Charlemagne, như vậy, đã hoàn toàn phân liệt. Ở Ý các lãnh chúa xứ Frioul và Spolète đánh nhau để tranh ngôi. Xứ Bourgogne và Provence tách ra để thành vương quốc độc lập.

Trong lúc ở Pháp chế độ phong kiến bành trướng như vậy thì ở nước Đức nền quân chủ còn đứng vững. Các vua nước Đức còn điều kiện làm chủ ở lục địa một cách tương đối trong vòng vài thế kỉ nữa, nhưng họ không đủ sức bảo tồn nền văn minh thượng cổ lưu lại.

TÓM TẮT

1. Giòng Mérovingien suy, Pépin le Bref trong họ Pépin làm cung quan xứ Austrasie chiếm ngôi vua và thành lập triều Carolingien (751).

2. Charlemagne, con Pépin Le Bref là một tay xâm lược. Ông chi phối gần trọn tây bộ châu Âu và được giáo hoàng làm lễ tấn phong hoàng đế.

3. Charlemagne, là một nhà cai trị giỏi. Ông thường họp hội nghị để trưng cầu ý kiến của dân, công bố các pháp lệnh, phái khâm sai kiểm soát các quan lại và giáo sĩ ở địa phương. Ông chú ý đến sự học hành chăm lo giáo hóa dân chúng. Ngôn ngữ và văn tự được tu chỉnh. Mầm văn minh dưới đời Charlemagne như muốn phục hưng.

4. Không bao lâu hiệp ước Verdun (843) chia đế quốc Charlemagne làm ba vương quốc: Lotharingie, Germanie Francie, những vương quốc này lại bị các giống Rợ, nhất là người Normand tàn phá. Các lãnh chúa phải xây dựng thành trì để bảo vệ. Người không đủ sức tự vệ phải nhờ lãnh chúa che chở, vì vậy mà chế độ phong kiến thành hình.

5. Vương quyền đến lúc này suy nhược tới nỗi quyền phế lập do bọn quý tộc nắm giữ. Họ truất giòng Carolingien, lúc ấy đã kiệt quệ, và bầu Hugues Capet lên làm vua (987).

CHƯƠNG VII

CHẾ ĐỘ XÃ HỘI TRONG THỜI TRUNG CỔ CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN

1. Chế độ phong kiến xuất hiện.
2. Đẳng cấp trong xã hội phong kiến.
 - a. Giai cấp quý tộc;
 - b. Giai cấp nông dân;
3. Đời sống nông nô.
4. Thương mại, kỹ nghệ phát đạt; giai cấp thị dân ra đời.

1. Chế độ phong kiến là một chế độ xã hội tất nhiên phải xuất hiện trong một thời kì lịch sử nào đó để giải quyết những vấn đề xã hội trong những khảng định lịch sử nhất định. Thời đại lịch sử ấy, ở Tây Âu các đế quốc tan rã, văn minh thượng cổ suy nhược, trật tự xã hội đổ nát. Con người chỉ biết đánh nhau, giết nhau. Chính trong cảnh hỗn loạn ấy một trật tự xã hội mới được thành lập. Thoạt tiên những kẻ yếu, vì bản năng sinh tồn, cảm thấy sự cần thiết phải tự vệ, tìm tới một người cầm đầu. Người ấy có

thể là một tù trưởng rợ, một giáo sĩ, một quan lại, một tay địa chủ hay một tên gian hùng. Bất cứ người nào có đủ sức mạnh, can đảm cũng được họ tôn lên để dẹp loạn, lập lại an ninh trật tự. Người yếu tôn người mạnh, người mạnh ấy lại phục tùng người mạnh hơn nữa. Cứ như thế sự đoàn kết tự nhiên giữa người mạnh và người yếu, người bảo hộ và người lệ thuộc biến thành cái hệ thống phong kiến.

Buổi đầu, người yếu muốn được người mạnh che chở phải đóng góp một phần tài sản hoặc một phần huê lợi để nuôi võ sĩ, sắm khí giới, phải nộp một phần công xây đắp thành trì. Thành trì này khởi đầu là chỗ mọi người tới ẩn núp hoặc cất của cải khi có giặc. Như vậy là tự vệ mà buổi đầu mọi người bằng lòng tôn người cầm đầu, đóng góp để cho người ấy tổ chức binh đội và xây đắp thành thành trì. Dần dần số người lệ thuộc càng đông, uy quyền người cầm đầu càng lớn. Rồi trải qua một thời gian, người này đánh dẹp được người kia, đất đai tập trung vào một số ít người thật mạnh khi ấy đã thành ra hoàng đế, quốc vương, lãnh chúa, người này tùy thuộc người kia và dưới cùng hết là đại đa số nông dân.

Đó là uy nguyên chế độ phong kiến. Nhưng cái quá trình thì mỗi nơi một khác, cho đến cái thể dạng của nó cũng vậy. Thể dạng thích nhất là quân chủ, nhưng có nơi như ở Pháp, sau khi đế quốc Charlemagne tan rã một thời kì rất lâu, vua gần như không có, thế mà chế độ phong kiến cũng rất thịnh hành. Còn như ở Anh khi chế độ phong kiến mới thành lập, Anh đã là một quốc gia quân chủ kiên

cổ dưới triều Guillaume Le Conquérant.

Nhưng cái thể dạng chính trị không quan trọng lắm. Phần quan trọng ở nơi các mối liên quan kinh tế trong chế độ phong kiến.

2. Giai cấp quý tộc lại chia ra chủ tể và chư hầu. Chủ tể là một lãnh chúa mạnh hơn hết có nhiều đất đai hơn hết và đã cắt một mảnh đất đai ấy làm thái địa (hay phong địa) cho một lãnh chúa khác yếu hơn để đổi lấy công việc. Người nhận đất của chủ tể là chư hầu. Nhưng trên vị chủ tể này có thể có một chủ tể khác mạnh hơn nữa, cho nên một lãnh chúa có thể vừa là chủ tể vừa là chư hầu.

Một chư hầu muốn làm chủ chính thức một thái địa phải chịu thần thuộc một lãnh chúa. Ngược lại lãnh chúa phải tấn phong chư hầu, giao cho chư hầu một vật gì có thể tiêu biểu cho thái địa⁽¹⁾. Từ đó lãnh chúa phải binh vực, che chở chư hầu. Khi nào chư hầu phản nghịch thì lãnh chúa mới có quyền thu hồi đất (thái địa) lại. Đổi lại, chư hầu phải phục dịch vị chủ tể của mình, phải cùng chủ tể của mình đi đánh giặc, phải nộp thuế, phải triều cống.

Làm chủ một thái địa, lãnh chúa (chủ tể, hoặc chư hầu) có uy quyền của một ông vua trong thái địa ấy: thu địa tô, xử đoán, đánh giặc, đúc tiền. Lãnh chúa có thể lập triều riêng, xây dựng lâu đài, thành quách riêng.

a) Lãnh chúa trước hết là một tướng giặc. Muốn có

(1) Vật ấy là tờ khế ước chẳng hạn.

đủ tư cách làm lãnh chúa, người quý tộc khi còn thiếu niên phải cỡi ngựa, bắn cung, cầm gươm, giáo và phải học săn bắn. Lớn lên, phải theo hầu vua tập cách phò tá. Sự giáo dục đến đó mới được hoàn thành và người quý tộc mới được vua phong làm hiệp sĩ.

Ba việc làm cốt yếu của nhà quý tộc là đánh giặc, săn bắn và cỡi ngựa đấu gươm. Một lãnh chúa muốn khai chiến với lãnh chúa lân cận mình lúc nào cũng được. Mục đích chiến tranh là bắt người, cướp của. Chiến tranh giữa lãnh chúa thường xảy ra luôn: nó là một tai họa bất tuyệt cho dân gian sống dưới chế độ phong kiến.

Những lúc thái bình thì các lãnh chúa dùng các cuộc kị đấu (cỡi ngựa đấu gươm) để so tài với nhau. Đó là một cách tập nghề chinh chiến: các lãnh chúa lấy chiến tranh làm một nghề. Ngoài ra họ săn bắn: săn bắn là một phương tiện cung cấp vật thực.

Các lãnh chúa thường mở yến tiệc để tiêu khiển. Họ lấy sự đả đàng nhau làm một vinh dự và quan khách thường đông vô kể. Nhiều lãnh chúa mang nghèo vì yến tiệc. Để giữ mực sống xa xỉ ấy, họ đi vay nợ, bóc lột nông dân, tổ chức những cuộc cướp giết kẻ đi đường.

Cảnh khổ của dân chúng không kể xiết. Chế độ xã hội ấy đứng vững được một phần lớn nhờ có giáo đường. Tôn giáo lo điều hòa những mâu thuẫn xã hội. Giáo đường đứng ra làm cho tập tục phong kiến bớt tàn bạo, dã man: đặt ra lệ “Thiên chúa hưu chiến” (Trêve De Dieu), định lại qui chế chiến tranh và ngăn bớt sự bành trướng của nó.

Giáo đường bảo rằng người hiệp sĩ xứng danh hiệp sĩ, trước khi xuất chinh, phải thề ăn ở trong sạch, ngay thẳng, bảo vệ người tu hành, đàn bà, trẻ con, người già yếu, cô quả.

b) Hạng người đông hơn hết và bị dày dọ hơn hết dưới chế độ phong kiến là nông dân. Họ bị liệt vào hạng hạ tiện, chỉ có bốn phận cày bừa, trồng tía để cung cấp vật thực cho xã hội. Tuy sống nhờ họ, giai cấp quý tộc đối với họ chỉ biết khinh khi bạc đãi.

Nông dân cũng chia ra từng hạng: nông nô và nông dân tự do. Trong chế độ phong kiến nông nô phải tùy địa chủ và không được rời bỏ miếng đất họ cày. Về mặt kinh tế mối tương quan giữa họ và địa chủ không có gì gắt gao chặt chẽ lắm. Miếng đất nằm trong tay, họ đem công sức ra làm, rồi ăn một phần, còn một phần đem nạp địa chủ. Làm ít làm nhiều, làm hay làm dở tùy ở sức mình, miễn là nạp đủ địa tô. Nhưng về mặt pháp luật thì mối tương quan giữa họ và địa chủ gắt gao lắm. Pháp luật là một phương tiện rất mạnh để đàn áp, bóc lột nông dân. Dầu cực khổ đến bực nào đi nữa nông nô không có quyền bỏ đất của lãnh chúa (địa chủ). Nông nô thuộc quyền sở hữu của địa chủ: họ có thể bị bán đợ hoặc làm quà biếu theo với miếng đất họ cày. Nếu miếng đất ấy thuộc quyền nhiều địa chủ thì các chủ nhân miếng đất ấy có thể đem con cái nông nô chia cho nhau. Tóm lại nông nô đối với địa chủ chỉ là món đồ dùng, người chủ muốn dùng cách nào cũng được.

Nông dân tự do khác với nông nô là không thuộc quyền lãnh chúa, có thể tự do kết hôn, dời chỗ ở và lưu tài sản lại cho con.

Nhưng cả nông nô lẫn nông dân tự do đều phải làm tròn những nhiệm vụ sau này đối với địa chủ:

- Nộp cho địa chủ một số địa tô và một phần mùa màng, gia súc của mình để đền bù miếng đất lãnh chúa giao cho mình hưởng;

- Nộp một số thuế thân;

- Chịu một số ngày công sưu tức là những ngày làm thí công cho lãnh chúa hoặc để cày đất, chở rượu hoặc vét hào chung quanh thành trì;

- Phải đem nho, lúa và bột đến ép xay và nướng tại bàn ép, cối xay và lò của lãnh chúa để rồi phải trả một món thuế.

Riêng đối với nông nô, địa chủ muốn bắt làm lao dịch hay sưu thuế đến mực nào cũng được.

3. Từ buổi đầu chế độ phong kiến, nông nô đã dính khắn với miếng đất. Và ở miếng đất ấy họ gặp toàn khổ nhục. Tất cả sự hoạt động bèn bĩ, khó nhọc rút cuộc chỉ nuôi được cái mạng sống, một mạng sống không hơn mạng sống con vật bao nhiêu.

Nhà ở là túp lều tranh thiếu khí trời, thiếu ánh sáng, giường là một tấm ván và một bị rom, ghế ngồi là một bó rạ, đồ bếp núc toàn bằng gỗ; thức ăn là những rau cỏ tự mình trồng lấy. Nạn đói kém xảy ra không ngớt. Người ta phải giết chóc, cướp giết lẫn nhau để sống. Bọn cướp đường tung hoành khắp nơi. Bọn lãnh chúa, bọn quý tộc giỏi ăn chơi và bóc lột mà không biết binh

vực những kẻ phục dịch mình. Càng quá, nông dân nổi lên làm loạn. Một lần làm loạn họ bị đàn áp thẳng tay⁽¹⁾.

Nhưng cuối thời Trung cổ giai cấp quý tộc thấy rằng điều kiện sinh hoạt ấy, nông dân khó làm việc đắc lực được khiến quyền lợi của họ thiệt thòi và địa vị, sinh mạng của họ không vững. Họ tìm cách cải thiện đời sống của nông dân, để nông dân được yên ổn làm ăn, cho phép nông nô được dùng tiền chuộc lại tự do và trả một món thuế thân nhất định. Đối với nông dân tự do họ cũng giảm địa tô, bớt chiến dịch.

4. Dưới chế độ phong kiến thành thị cũng phải lệ thuộc lãnh chúa. Giai cấp thị dân (dân ở thành thị) cũng như nông dân phải nộp địa tô, thuế thân, làm sưu dịch, chịu quyền xử phạt của lãnh chúa.

Nhưng trong lúc nông dân rời rạc ở thôn quê thì bọn phú hào biết tổ hợp thành các đoàn thể tôn giáo, bọn thủ công biết liên kết trong đoàn thể công nghệ, bọn thương nhân biết qui tụ trong các đồng minh thương nghiệp. Nhờ vậy giai cấp thị dân thành một lực lượng mà lãnh chúa không dám khinh thường. Vào thế kỉ 12, nhân có chiến tranh thập tự (croisades) thương mại phát đạt mạnh và tăng gia thế lực của thành thị. Trên đường tiến hóa của xã hội, thương mại và công nghệ là những mâu thuẫn giết chết chế độ phong kiến sau này.

Khi đã giàu và mạnh rồi giai cấp thị dân do phú hào cầm đầu tìm cách hạn chế quyền độc đoán của lãnh chúa. Hầu hết, họ kết chặt hàng ngũ, và hợp thành liên minh.

Hoặc dùng tiền để chuộc, hoặc dùng võ lực để đòi, nhiều thành thị giành lại được quyền tự trị. Quyền tự trị ấy do một hiến chương bảo đảm, những thành thị đã thoát khỏi uy quyền lãnh chúa rồi thì gọi là thành thị tự trị hoặc thành thị tư sản (*ville bourgeoise*).

Các vua và lãnh chúa hồi thế kỉ 11 muốn dụ dân tới làm cho đất đai mình tăng thêm giá trị, tự ý thảo hiến chương bảo đảm quyền lợi cho họ. Do đó nhiều thành thị tự trị được thành lập thêm.

Tiến lên một bước nữa giai cấp phú hào tranh đấu đòi quyền mình cai trị lấy mình. Họ thành lập những đô thị có tính cách cộng hòa dân chủ. Họ tự cử những vị trưởng quan để cai trị thành thị. Các trưởng quan ấy họp thành hội đồng thị xã do một thị trưởng chủ tịch. Thị xã có quyền khai chiến hay kí hòa ước, quyền tổ chức quân đội và vệ binh, quyền dùng cờ xí, huy hiệu, ấn tử riêng. Nó vẫn tùy thuộc một vị chủ tể, nhưng cũng có thể thâm nhận chủ hầu. Tóm lại nó y như một thái địa phong kiến.

Nhờ sự phát đạt của thương mại, bọn thương nhân mạnh dần lên. Họ bành trướng giữa giai cấp quý tộc và giai cấp nông dân và sau này họ làm thành giai cấp tư sản, cũng gọi là đệ tam cấp (*tiers état*).

(1) Thời Trung cổ ở châu Âu ngoài những cuộc bạo loạn nhỏ thường xảy ra có những cuộc lớn có tiếng trong lịch sử như phong trào *Jacquerie* ở Pháp, chiến tranh nông dân ở Đức, phong trào *Pougatchew* ở Nga...

TÓM TẮT

1. Chế độ phong kiến là chế độ xuất hiện trong một thời kì lịch sử nhất định. Trong thời kì ấy xã hội thiếu trật tự, thiếu an ninh, dân chúng phải tôn lên người cầm đầu và góp tài sản sức lực để tự vệ chung. Lâu ngày người cầm đầu ấy biến thành lãnh chúa, quốc vương, hoàng đế, và quay lại thống trị người tôn mình lên.

2. Xã hội phong kiến chia ra nhiều giai cấp mà giai cấp căn bản là quý tộc, nông nô.

a) Công việc quan trọng của giai cấp quý tộc là đánh giặc. Ngoài ra, họ cỡi ngựa, đấu gươm, và săn bắn. Họ gây nhiều thống khổ cho nhân dân. Giáo đường phải ra lệ «Thiên chúa hưu chiến» (Trêve De Dieu) để hạn chế chiến tranh và cải cách tập tục trong cấp đẳng cấp võ sĩ.

b) Giai cấp sanh sản là nông nô. Họ phải làm việc để phụng sự giai cấp quý tộc: nộp địa tô, thuế thân và gánh mọi đảm phụ chiến tranh.

3. Đời sống của nông nô thật là khổ cực. Ngay từ buổi đầu, họ phải dính khấn vào miếng đất. Họ bị bóc lột một cách tàn nhẫn. Lắm khi họ nổi loạn, nhưng để rồi bị đàn áp thẳng tay. Về sau giai cấp quý tộc cho họ được dùng tiền mua chuộc lại tự do.

4. Ở thành thị giai cấp phú hào biết đoàn kết tranh đấu, bắt lãnh chúa trả lại tự do (tự do ấy được hiến chương bảo đảm). Trong các thị xã họ đòi được quyền tự trị.

CHƯƠNG VIII

GIÁO HỘI TRONG CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN

1. Xã hội công giáo và phong trào cải cách trong giáo hội.

2. Uy quyền tôn giáo thời Trung cổ.

3. Chiến tranh Thập Tự.

a) Nguyên nhân.

b) Các cuộc chiến tranh.

c) Kết quả.

1. Từ thế kỉ 11, uy quyền giáo hoàng một ngày một lớn. Giáo hoàng chỉ huy toàn thể xã hội Công giáo, tổ chức việc cai trị theo kiểu một quốc gia quân chủ, trong đó ông là vua.

Giáo hoàng lấy tăng lữ làm lợi khí cai trị, và tăng lữ là người suốt đời chỉ biết phụng sự tôn giáo. Tăng lữ chia ra làm hai hạng.

Hạng tăng lữ thế tục gồm có tổng giám mục

(archevê que) coi giáo đồ trong một tỉnh: dưới tổng giám mục có giám mục coi một giáo khu; giám mục lại có giáo sĩ phụ tá; sau hết là linh mục coi giáo đường trong làng hoặc trong thành phố. Uy quyền và sinh hoạt của các vị giám mục cũng tương tự như các lãnh chúa.

Hạng chính thức gồm tất cả tu sĩ sống trong tu viện, tịnh xá theo một giáo qui nhất định đặt riêng cho mỗi thứ tu viện, mỗi tịnh xá. Những tu viện cùng theo một giáo qui hợp thành một đoàn thể (ordre). Đoàn thể phổ cập hơn hết là đoàn thể giòng Bénédictin. Từ thế kỉ 10 đến 12, nhân sự cải cách trong giáo hội có nhiều đoàn thể như đoàn thể giòng Cluny, giòng Chartreux v.v... ra đời nhằm mục đích cải cách tập tục, bình vực giáo lí⁽¹⁾.

Phong trào cải cách này không bền. Dần dần các đoàn thể nói trên đều suy đọa hết. Đến đầu thế kỉ 13, hai đoàn thể khác, đoàn thể giòng Franciscain và dòng Dominicain ra đời để tiếp tục công việc cải cách. Khác hẳn với các đoàn thể trước, hai đoàn thể này chống lại đời sống xa hoa của giáo sĩ, tuyên truyền lối sống đạm bạc, nghèo khổ. Các tu

(1) Trong chế độ phong kiến tôn giáo đã thành ra một lợi khí bình vực quyền lợi quý tộc, tăng lữ. Vì vậy mà trong dân chúng, trong giới tu hành phát ra một lực lượng cải cách, cố giữ lại đạo đức trong sạch. Phong trào cải cách Cluny do đó mà ra. Phong trào này bắt đầu từ Bỉ ở vùng Flandre và Hainaul rồi tiến triển mạnh ở Cluny (Bourgogne). Phong trào lan rộng cả nước Pháp, tràn sang Ý và La Mã. Về phương diện văn hóa phong trào này đã làm sống lại nghệ thuật kiến trúc roman trong những tu viện, giáo đường thuộc phái Cluny. (*Les grands courants de l'histoire Universelle* của Jacques Pirenne).

sĩ trong đoàn thể không được giữ tài sản riêng. Họ phải làm lấy mà ăn hoặc sống nhờ của bố thí. Bởi vậy đoàn thể họ cũng được gọi là đoàn thể hành khất (orde des mendiants); họ rời tu viện, lẫn vào trong dân chúng để giảng kinh như các sứ đồ đạo Da Tô buổi đầu. Họ chủ trương phải thương yêu kẻ bần khổ, và lo mở mang tri thức cho mọi người. Họ chiếm một địa vị trọng yếu trong các đại học đường. Chính đoàn thể hành khất này đã sản xuất được những nhà đại tư tưởng như Roger Bacon và Thomas d'Aquin.

2. Trong chế độ phong kiến, vai trò giáo hội quan trọng lắm. Đẳng cấp tăng lữ chẳng những kiểm soát đời sống của tín đồ mà còn chi phối cả các thị xã, một phần tòa án, bệnh viện và trường học.

Kỷ luật giáo hội rất nghiêm khắc. Đối với kẻ phạm tội nhẹ thì giáo hội bắt phải sám hối, nhịn đói trong một thời gian hoặc dài, hoặc ngắn, vào ở tu viện, đi lễ bái một nơi xa. Kế đến là bị phóng trục. Kẻ phạm tội bị loại bỏ ra ngoài đoàn thể tôn giáo: không được dự thánh lễ, có khi không được giao thiệp với các tín đồ khác. Nếu tội nhân là một quốc vương hay lãnh chúa thì giáo hội ra lệnh cấm chỉ mọi sự lễ bái trong lãnh thổ của vua hay lãnh chúa đó.

(1) Lịch sử thuật lại cuộc xung đột lí thú giữa hoàng đế Henri 4 xứ Germanie và Giáo hoàng Grégoire VII. Hoàng đế không kể đến lời ngăn cấm của Giáo hoàng, tự tiện bán tu viện và phong giáo sĩ. Năm 1075, Hoàng đế hạ chiếu bãi chức cả Giáo hoàng. Được tin ấy Giáo hoàng phóng trục hoàng đế và hủy bỏ lời tuyên thệ của các chư hầu đối với hoàng đế.

Đó là một cách xúi giục tín đồ ép buộc vua hay lãnh chúa phải qui phục giáo hội⁽¹⁾.

Đối với những tà đạo (tôn giáo, tín ngưỡng hay tư tưởng trái với đạo Da Tô) thì giáo hội dùng tới tôn giáo pháp đình. Tín đồ tà đạo thường bị các thứ khổ hình rất ghê gớm và sau cùng bị hỏa thiêu. Đối với một vùng hay một nước theo tà giáo thì giáo hội chủ trương chiến tranh chinh phạt gọi là thánh chiến⁽¹⁾.

3. Từ năm 1096 đến 1270, có tám cuộc thánh chiến lớn tức là chiến tranh thập tự.

a) Những cuộc chiến tranh này do tín đồ đạo Da Tô

Việc này quan hệ lắm vì trật tự phong kiến căn cứ vào lời thề. Các lãnh chúa nước Đức li khai với hoàng đế và hạng một năm hoàng đế phải qui thuận giáo hoàng. Lãnh chúa xứ Souabe toan khai chiến với hoàng đế nữa. Thấy nguy, Henri 4 đến tại thành Canossa để xin lỗi giáo hoàng. Hoàng đế bắt vợ và con trai ba tuổi đi bộ qua núi Alpes, chịu mọi sự đau khổ. Đến nơi, hoàng đế phải đứng chum không trong tuyết ba ngày xin giáo hoàng cho yết kiến. Khi giáo hoàng chịu tiếp, hoàng đế nằm dưới đất dang tay như thập tự giá. Giáo hoàng động lòng tha tội. Nhưng thời Trung cổ, người ta khinh thường sự trừng phạt nhục nhã. Henri 4 khi trở về xứ thì đánh dẹp vua xứ Souabe và khi thấy mình mạnh thế rồi, bỏ luôn lời cam kết với giáo hoàng.

- (1) Vào thế kỉ thứ 12, 13 ở miền Nam nước Pháp có nhiều thứ tôn giáo trái với đạo Da Tô, ra đời và gieo nhiều ảnh hưởng. Như dân thành phố Albi tin rằng có thần Thiện và thần Ác, linh hồn người ta có thể đầu thai vào thú vật và cấm ăn thịt thú vật. Để bài trí tà giáo, giáo hoàng Innocent III quyết định thánh chiến (1028) và trong vòng 18 năm cả vùng Nam nước Pháp bị ngập trong máu lửa.

Tây Âu chủ trương để giải thoát thánh mộ chúa Jésus-Christ lúc ấy bị tín đồ Hồi giáo chiếm cứ.

Vậy nguyên nhân đầu tiên gây ra chiến tranh thập tự là đức tin. Nguyên thánh địa Jérusalem trước kia thuộc về tín đồ đạo Da Tô. Nhưng vào thế kỉ 11 ở Đông Âu xuất hiện một dân tộc theo Hồi giáo gọi là người Thổ Seljoucides. Từ Tân Cương đến, họ tiêu diệt đế quốc Ả Rập ở Bagdad, chiếm Tiểu Á của Hi Lạp, chiếm Syrie và hăm dọa Constantinople. Năm 1071, họ chiếm Jérusalem.

Làm chủ xứ này, họ nghiêm cấm tín đồ đạo Da Tô tới thánh địa và giết hại những kẻ đi hành lễ. Ngoài lí do thuộc tín ngưỡng ấy, còn những lí do khác không kém phần quan trọng là các lãnh chúa muốn nhân cơ hội chiếm đất, bọn võ sĩ thích phiêu lưu tới những nơi xa lạ; hạng nông dân muốn tìm tới những nơi họ có thể cày cấy tự do; lí do sau cùng là tín đồ đạo Da Tô ở Phi Châu bị người Thổ đánh đuổi, nay phản công lại người Thổ⁽¹⁾.

Giáo hoàng Urbain II đề xướng chiến tranh tại hội nghị

(1) Các sử gia coi việc người Thổ xâm lăng Châu Á cũng như người Germain xâm lăng Đế quốc La Mã. Kết quả là văn minh suy sụp. Công thương nghiệp sa sút và nông nghiệp phong kiến mạnh lên tiêu diệt tinh thần tôn trọng cá nhân của văn minh Hồi giáo. Với người Thổ văn minh Hồi giáo không còn khoan hồng đối với các tôn giáo độc thần như hồi thế kỉ 9, 10 mà trở thành cuồng tín hẹp hòi. Vì cuồng tín mà người Thổ Hồi giáo đóng cửa Jérusalem, khiến tín đồ Da Tô hăng hái vào chiến tranh thập tự thứ nhất.

công giáo Clermon ngày 27 tháng 11 năm 1095, và Pierre l'Ermite lãnh công việc hô hào quần chúng.

b) Trong một thông tri gửi các giáo sĩ, giáo hoàng hứa xá tội cho những tội nhân nào tham dự chiến tranh. Vợ con, tài sản của chiến sĩ được giáo hội bảo vệ. Những kẻ đói khổ, thất nghiệp, bọn lưu manh thừa cơ hội kéo từng đoàn đi cướp giết. Đến đâu họ bị xua đuổi, nguyên rửa đến đó. Họ chết đường chết sá rất nhiều. Qua tới Tiểu Á ít người thoát khỏi tay người Thổ.

Trong cuộc chiến tranh thập tự đầu, ngoài các lãnh chúa, nhất là các lãnh chúa nước Pháp, không có một quốc vương nào tham dự.

Số lính chánh qui gồm một triệu người. Họ đến tụ họp trước thành Constantinople năm 1097 theo sự chỉ huy của một ông hoàng Bỉ, công tước Godefroi de Bouillon. Từ đó họ tiến sang Châu Á. Khi tới Jérusalem họ chết gần hết, phần bị quân Thổ giết, phần thiếu nước uống. Số quân còn lại chỉ độ 40 ngàn người. Nhờ đức tin thúc đẩy, họ tấn công Jérusalem và khi chiếm được, họ tổ chức tỉnh này thành một quốc gia phong kiến theo khuôn mẫu chế độ phong kiến châu Âu, chia thành thái địa bao gồm các lãnh Thổ Edesse Antioche và Tripoli. Nhưng các thái địa này lại xung đột nhau. Quốc vương Jérusalem không đủ quyền lực chế ngự các chư hầu; bọn này đeo đuổi mỗi người một đường lối chính trị riêng.

Trong lúc ấy thì kẻ địch hăm dọa tứ phía. Hoàng đế Alexis ở Constantinople dùng đủ mọi cách giành lại xứ

Antioche, còn người Hồi giáo thì toan lấy lại những đất đai họ mất.

Không bao lâu người Thổ phản công, đánh phá các vùng la tinh. Năm 1146, họ chiếm xứ Edesse, đuổi tín đồ Da Tô ra khỏi một phần xứ và hăm dọa xứ Antioche. Nhiều cuộc chiến tranh thập tự khác vì thế mà xảy ra nữa⁽¹⁾.

Năm 1202-1204 cuộc chiến tranh thứ tư khai diễn. Lần này thập tự quân không tiến vào Ai Cập và Palestine mà lại đánh phá Constantinople, hủy hoại đế quốc Hi Lạp, thành lập một đế quốc La Tinh phía Đông. Đế quốc này tồn tại được trên nửa thế kỉ, đến 1261.

Trong lúc đánh Constantinople, quân thập tự tỏ ra tham tàn, man rợ. Họ đập phá các di sản nghệ thuật để lấy vàng, bạc, châu báu, nấu cả tượng đồng, những kiệt tác điêu khắc của Thượng cổ lưu lại để đúc tiền.

Lần thứ năm, thập tự quân đánh xứ Ai Cập, nhưng không kết quả. Lần thứ sáu, hoàng đế Frédéric II không đánh mà lại thương nghị với tín đồ đạo Hồi, xin cho tín đồ đạo Da Tô đi

-
- (1) Ban đầu những người tham dự chiến tranh Thập tự đều có một đức tin hồn nhiên đối với đạo Da Tô. Họ hưởng ứng tiếng gọi của giáo hoàng một cách thành thực và sẵn sàng nhận giáo hoàng làm hướng đạo hoàn toàn. Nhưng, những người tiếp tục tỏ ra thiếu tư cách, lợi dụng đức tin một cách không xứng đáng, làm cho nó phải yếu đi. Các cuộc chiến tranh thập tự sau thiên về chính trị, kinh tế nhiều hơn. (*Esquisse de l'Histoire Universelle* H. G. Wells).
 - (2) Lần thứ bảy, Thập tự quân gặp lụt ở sông Nil và bị dịch, chết rất nhiều, Saint Louis bị bắt và phải trả một số tiền lớn mới được thả. Lần thứ tám Saint Louis bị dịch chết dưới chum thành Tunis.

hành lễ ở Jérusalem. Lần thứ bảy và thứ tám do Saint Louis điều khiển đều bị thảm bại⁽²⁾. Đó là những lần sau cùng.

c) Chiến tranh Thập tự phát sinh vì lí do tín ngưỡng nhưng kết quả tám cuộc chiến tranh ấy chỉ làm cho đức tin của tín đồ Da Tô giảm đi mà thánh địa Jérusalem không được giải thoát. Về phương diện chính trị cũng kể như thất bại đối với người chiến tranh và người tham dự. Quốc gia Jérusalem vừa được thành lập thì các thái địa phong kiến, thành phần quốc gia này, và các đô thị duyên hải Antioche, Tyr, Acre đã xung đột nhau. Hơn nữa, chiến tranh gián tiếp tiêu diệt chế độ phong kiến. Hàng ngàn lãnh chúa và vô số võ sĩ phải bỏ mạng. Nhiều quý tộc bị khánh tận và một số lớn trở thành nghèo nàn. Trái lại giai cấp thương nhân thành thị nhờ chiến tranh mà trở nên giàu có. Họ đã bỏ tiền ra cho lãnh chúa đánh giặc, tất nhiên họ chi phối được lãnh chúa hay ít nhất cũng thoát li được thế lực bọn này và tổ chức uy quyền riêng của họ. Đồng thời chính phủ lãnh chúa yếu thì chính phủ quân chủ trung ương bành trướng và củng cố.

Về kinh tế quân thập tự chiếm hải cảng lớn ở Syrie, tạo điều kiện cho các đô thị Venise, Gê-nơ, Pisc phát triển mạnh. Các hải cảng Marseille, Barcelone hoạt động lại được, nhờ có con đường hàng hải Tây phương và Đông phương khai thông. Thương nghiệp các nước chung quanh Địa Trung Hải hưng vượng và lấn át các trung tâm thương mại ở đại lục. Các sản phẩm Đông phương tràn về Âu châu, nhất là do các hải cảng Ý.

Thương nhân tải về phương Tây nào là thảm, gương soi, đồ đạc, khí giới chạm cần, vải quý, lụa, nhung. Các giống Rợ Tây phương, sau khi tiếp xúc với người phương Đông văn minh hơn, đã học được lối sống phong lưu, cao nhã nên rất ưa thích những xa xỉ phẩm này.

Đó là những kết quả quan trọng đặc biệt. Nếu kết quả chính trị làm cho chế độ phong kiến suy yếu thì chính kết quả kinh tế mới đẩy chế độ ấy vào chỗ diệt vong. Công thương nghiệp chính là những mâu thuẫn chính sanh ra trong lòng nó để sau này giết chết nó. Với chiến tranh thập tự, công thương nghiệp phát triển, tạo thành một giai cấp thị dân đương đầu lại với lãnh chúa. Giai cấp này một mặt xây dựng nền kinh tế tư bản, lũng đoạn nền kinh tế nông nghiệp phong kiến, một mặt tổ chức một lực lượng chính trị mới lấn át chính quyền phong kiến để một ngày kia gây thành cách mạng lật đổ chính quyền này, thành lập một chế độ xã hội khác mà nền tảng kinh tế là công thương.

TÓM TẮT

1. Thời đại phong kiến, giáo đường được tổ chức rất kiên cố, giáo hoàng có đủ uy quyền như các đế vương. Nhiều đoàn thể tôn giáo trung thành với giáo hội La Mã được thành lập như đoàn thể Cluny, Clairvaux v.v... Các đoàn thể này suy đạo dần. Đến thế kỉ thứ 13 có đoàn thể Franciscain và Dominicain cũng gọi là đoàn thể hành khất (*ordres des mendiants*) xuất hiện chủ trương sống nghèo nàn và lấy sự truyền đạo làm mục đích.

2. Trong xã hội phong kiến giáo hội đóng một vai trò quan trọng. Giáo hội dùng khí giới tinh thần bắt tín đồ phục tùng; đối với tà đạo, nó dùng tôn giáo pháp đình hoặc chiến tranh thập tự.

3. Lịch sử ghi lại 8 lần chiến tranh thập tự lớn. Lần đầu, quan trọng nhất, tín đồ Da Tô lấy lại được thánh địa Jérusalem (1099) và thành lập quốc vương La Tinh ở Palestine. Nhưng các lần sau không đem lại kết quả đáng kể. Lần thứ tư họ chiếm được Constantinople, thành lập Đông Đế quốc La Tinh. Nhờ chiến tranh thập tự mà thương nghiệp Địa Trung Hải phát triển mạnh và chế độ phong kiến sớm tiêu diệt.

CHƯƠNG IX

SỰ TIẾN HÓA CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN

1. Mâu thuẫn trong chế độ phong kiến.

2. Thể dạng chính trị của dpk; chính phủ lãnh chúa và chính phủ quân chủ trung ương tập quyền.

1. Chế độ phong kiến xuất hiện trong một tình hình xã hội hỗn loạn. Vì lẽ tự vệ mà ai cũng thấy cần phải tôn người cầm đầu và tạo cho người cầm đầu ấy một lực lượng để giữ gìn an ninh chung. Nhưng khôn thay, chế độ xã hội mới này lại chất chứa đầy mâu thuẫn tai hại hơn nữa. Giai cấp quý tộc, với danh nghĩa binh vực nhân dân đặt dưới quyền mình, quay lại đàn áp bóc lột họ một cách quá đáng và đẩy họ vào những cuộc chiến tranh phong kiến thảm khốc. Chính phủ lãnh chúa (gouvernement seigneurial) thật là một tổ chức bóc lột, độc đoán, tàn bạo, một chính phủ không có thực quyền vì không đủ kiên cố để bảo vệ trật tự chung và quyền lợi của mỗi người. Dân chúng không tìm được an ninh và công lí trong chế độ ấy, dần dần qui tụ lại một nơi khác, hoặc trong các liên hiệp hội ở thành

thị, hoặc tìm tới một ông vua có đủ uy quyền hơn.

Nhờ sự phát triển thương mại và kĩ nghệ, các tổ chức ở thành thị mạnh lên, chi phối các lãnh chúa và buộc họ phải trả lại quyền tự chủ.

Chiến tranh Thập tự một mặt làm cho kĩ nghệ thương mại phát triển, tức là làm cho lực lượng các thành thị tăng gia, một mặt tiêu diệt bớt các lãnh chúa cùng các đoàn võ sĩ tham gia chiến tranh, tức làm cho địa vị quân chủ củng cố. Chế độ phong kiến từ đó đã suy vong. Nhà vua lần lần đàn áp được các chư hầu ương ngạnh, thành lập được một chính thể trung ương tập quyền khá mạnh và một tổ chức cai trị đều đặn có thể giúp cho nhân dân tránh được hành vi tàn bạo địa phương. Trong chế độ phong kiến khi gần tới lúc cáo chung, tập tục bớt tàn bạo, đời sống nhân dân dễ chịu hơn. Nông nô không phải người góp phục dịch nhiều như trước. Họ có thể dùng tiền thay thế mọi sự lao dịch. Nông dân tự do có thể mua lại đất đai lãnh chúa. Một số đông lãnh chúa vì chiến tranh phải suy sụp và bị thành thị chi phối phải chịu giải phóng nông nô. Hơn nữa, đứng trước những phong trào bạo loạn giết quý tộc, địa chủ, đốt phá thành trì, lãnh chúa thấy uy quyền tuyệt đối của họ không còn chỗ đứng vững, nên tỏ ra nhân đạo hơn. Chiến tranh phong kiến bớt dã man và được hạn chế nhờ những tổ chức hòa bình của giáo đường.

Những cải thiện ấy có làm cho bộ mặt phong kiến bớt hung dữ, nhưng ác tính của chế độ lãnh chúa chỉ có thể mất được là khi nào chính thân nó bị tiêu diệt mà thôi.

2. Lực lượng tiêu diệt được chính quyền lãnh chúa là chính quyền quân chủ trung ương tập quyền. Cuộc tranh đấu của hai chế độ ấy hoặc dài hoặc ngắn, nhưng rốt cuộc nhà vua một mặt dựa vào lực lượng có sẵn trong chế độ lãnh chúa, một mặt khác dựa vào giai cấp phú hào, tầng lớp và một phần các chư hầu quý tộc ở các thái địa lớn, tổ chức được một chính phủ thích hợp hơn và lật đổ được chính quyền lãnh chúa.

Vào mặt thời của chế độ lãnh chúa, uy quyền vua loại bỏ uy quyền chư hầu. Giai cấp quý tộc lệ thuộc trực tiếp vua. Lực lượng quân chủ bảo vệ an ninh trong nước. Nhất là sau khi thuốc súng ở Trung Hoa được người Âu châu đem áp dụng vào chiến tranh, pháo binh và bộ binh lấn át hẳn giai cấp võ sĩ phong kiến.

Giai cấp này biến thành địa chủ và hoặc người đánh giặc mướn, hoặc phiêu lưu đây đó, giết người cướp của. Họ không còn là yếu tố của quân đội nữa.

Tóm lại, khi chế độ lãnh chúa đã chết thì tính cách quân sự của giai cấp quý tộc và sứ mạng xã hội của nó cũng mất theo luôn. Nhà quý tộc không còn là kẻ cầm đầu xã hội mà trở thành một người chủ đất thường. Xã hội không còn qui tụ chung quanh va⁽¹⁾ nữa. Va hết là một chủ tớ. Tài sản cá nhân và tự do cá nhân càng phát triển thì nền tảng xã hội của giai cấp quý tộc phải sụp đổ.

Nhưng khi chính phủ trung ương tập quyền thành lập,

(1) Va: Đại danh từ ngôi thứ ba số ít (NXB).

củng cố, chế độ phong kiến đã tiêu diệt hẳn chưa? Trong chính phủ trung ương tập quyền, nhà vua mới thu tóm hết quyền chính trị của các lãnh chúa vào tay mình mà thôi. Các đặc quyền xã hội khác thì phần nhiều được nhà vua để nguyên và còn tăng gia thêm nữa là khác. Một số công hầu còn được trọn quyền trong thái địa mình. Như vậy, bọn quý tộc phong kiến tuy mất quyền chính trị, nhưng vẫn còn giữ các đặc quyền kinh tế và xã hội. Nhà vua khi đánh đổ đpk chỉ nhắm vào mục đích thay thế bọn lãnh chúa, giành lấy quyền chủ tể, tập trung các địa phương lại để làm thành một chính quyền duy nhất mà tính cách thế tập vẫn không thay đổi. Đạt được mục đích ấy rồi, nhà vua không biến cải chút nào tình trạng thổ địa. Những mối liên quan sanh sản còn y nguyên. Địa chủ vẫn bóc lột nông dân, và nông dân phải nộp địa tô cho địa chủ. Phần cốt yếu của đpk là kinh tế nông nghiệp với sự bóc lột nông dân. Kinh tế ấy còn thì phong kiến còn. Bởi vậy mà dưới chính phủ trung ương tập quyền, chế độ phong kiến bị tiêu diệt về mặt chính trị còn về mặt kinh tế xã hội nó vẫn được duy trì.

Như vậy chế độ quân chủ trung ương tập quyền chỉ là một thể dạng chính trị khác cao hơn của chế độ phong kiến mà thôi. Trong thể dạng này, quyền chính trị ở trong tay một ông vua duy nhất, khác với thể dạng lãnh chúa, quyền chính trị ở trong tay nhiều lãnh chúa. Từ thể dạng này sang thể dạng kia, chế độ phong kiến đổi thể dạng chứ không bị tiêu diệt.

Nó bị tiêu diệt là khi nào nền kinh tế phong kiến biến đổi.

TÓM TẮT

1. Chế độ phong kiến xuất hiện với sứ mạng bảo vệ an ninh cho những người thành lập ra nó. Nhưng khi lãnh sứ mạng ấy, giai cấp thống trị lấy sự bóc lột và chiến tranh làm mục đích và gây ra tai họa liên miên. Dân chúng phải tìm tới một uy quyền khác. Do đó chính phủ trung ương tập quyền ra đời.

2. Chính phủ sau này chỉ là một thể dạng cao hơn hết của chế độ phong kiến. Trong chính phủ này quyền chính trị thuộc về vua, nhưng đất đai vẫn còn trong tay quý tộc, địa chủ nông dân vẫn bị bóc lột như xưa. Chế độ phong kiến chỉ bị tiêu diệt khi nào nền kinh tế tác thành nó thay đổi mà thôi.

CHƯƠNG X

**VĂN MINH TÂY PHƯƠNG TRONG
THỜI KÌ ĐẠI TRUNG CỔ**

1. *Nông nghiệp: sinh hoạt nông dân.*
2. *Công nghệ: sinh hoạt công nhân và cách tổ chức trong ngành thủ công.*
3. *Thương nghiệp phát triển – Uy thế các thương nghiệp đồng minh – Các cơ sở thương mại Bắc Âu và Địa Trung Hải.*
4. *Thành thị trong thời Trung cổ.*
5. *Đời sống các vương giả và phú hào.*
6. *Đời sống tinh thần của xã hội – giáo dục, học thuật, văn nghệ, kiến trúc.*
7. *Nghệ thuật kiến trúc: nghệ thuật «roman» và nghệ thuật «gothique».*
8. *Tình hình văn nghệ các xứ lân cận Pháp, Anh, Đức, Ý, Ý Pha Nho.*

1. Từ thế kỉ 11 trở về trước, đời sống kinh tế còn thô lậu, lấy nông nghiệp làm căn bản; nông nghiệp cũng còn lạc hậu, không nuôi nổi dân chúng.

Đất đai của lãnh chúa mà ta gọi chung là thái địa gồm có hai phần: một phần lãnh chúa giữ và bắt nông nô cày; một phần nhường lại cho nông dân tự do làm để trả thuế. Ngoài việc ruộng nương, người ta còn làm các thứ đồ dùng tại chỗ: y phục, dụng cụ. Kinh tế có tính cách cá nhân, tự túc và tự nhiên.

Nhưng dần dần có lẽ vì nạn cướp giết do người Normand gây ra khi họ đến xâm lấn, mà nông dân tụ họp lại chung quanh thành trì lãnh chúa hoặc các tu viện. Mục sống của họ rất thấp vì dụng cụ sinh sản còn thô sơ, số sản xuất không kịp với nhu cầu. Phân tro lại không đủ. Một năm trồng lúa, họ phải cho đất nghỉ hai năm. Số huê lợi phải sụt nhiều lắm.

Đến thế kỉ 12, dân số tăng lên. Lãnh chúa cải thiện điều kiện làm việc để khuyến khích dân lao động khai khẩn mở thêm đất mới. Những đất đai bấy lâu bỏ hoang biến thành đất phì nhiêu. Nghề chăn nuôi phát triển súc vật thêm nhiều. Giai cấp quý tộc thấy rằng nông dân càng được no đủ thì càng làm việc đắc lực nên họ cũng nới tay hơn trước.

2. Kỹ nghệ phát triển cùng một mực như nông nghiệp. Thợ thủ công qui tụ về các thành thị. Họ không còn làm những công việc báo tạp mà chuyên mỗi người một nghề, nghề nào theo nghề nấy. Để bình vực quyền lợi cho nhau,

họ tổ chức thành hội, thành phường (corporation) gồm cả thợ và chủ. Người chỉ huy phường là một giám định có tuyên thệ với phận sự phân xử hội viên khi xảy ra xung đột, đặt qui luật hạn định công việc làm và phạt vạ những người không tuân theo qui luật ấy.

Ai muốn làm thợ phải có chum trong phường. Ai muốn gia nhập phường phải tập sự một thời gian từ ba tới mười hai năm, tùy theo nghề. Thợ có thể thành chủ, nếu được người chỉ huy phường chấp thuận và phải chịu sự thi hạch về lí thuyết lẫn thực hành. Về thực hành người thợ ấy phải làm một món đồ thật tinh xảo thuộc nghề mình gọi món đồ khéo (chef-d'oeuvre). Giữa chủ và thợ không có gì là cách biệt lắm; họ cùng làm việc trong một xưởng và sống một cảnh sống tương tự.

Mỗi xưởng họp từng nhóm bốn năm người. Xưởng ấy đồng thời cũng là tiệm bán hàng. Làm xong món nào họ bán ngay món ấy. Có khi khách mua đến tại chỗ xem họ làm và chực để lấy hàng. Món nào chưa bán được thì họ trưng bày ngay tại chỗ làm việc. Thì giờ làm việc không nhất định, thường thì từ mặt trời mọc tới mặt trời lặn.

Các ngành thủ công họp lại thành phường hay thành đường phố. Bởi vậy ngày nay có những đường còn giữ lại tên ngành thủ công⁽¹⁾.

(1) Như ở bên Pháp có đường phố gọi là *rue des Bouchers* (phố hàng thịt) *d.s. Tisserands* (phố thợ dệt) *des Orfèvres* (phố thợ bạc v.v...) như ở Hà Nội có phố *hàng lọng*, *hàng trống*, *hàng buồm*, *hàng đồng* v.v....

Sự cạnh tranh giữa phường cũng thường xảy ra lắm. Vì binh vực quyền lợi, tiệm thợ may kiện tiệm bán đồ cũ tại sao lại bán quần áo mới. Ngay trong một phường giữa chủ và thợ bán cũng thường có sự xích mích; chủ hay làm khó thợ trong lúc thi hạch để thợ không thể trở thành chủ được mà cạnh tranh với mình. Qui luật hạn định sự chế tạo tỉ mỉ quá làm cho óc sáng kiến của thợ khó mở mang.

3. Sở dĩ nông nghiệp và công nghệ phát triển được là nhờ thương mại phát triển. Trước thế kỉ 12 tình trạng thương mại rất đình trệ. Người thợ làm ra món hàng nào thì bán ngay tại chỗ. Nghề tiểu thương chưa có. Thương nhân đi tới các xứ xa, mua và bán các sản phẩm lạ, quý hoặc nguyên liệu cần thiết cho kĩ nghệ. Nhưng cách thức buôn bán ấy cũng không đủ điều kiện mở mang. Đường giao thông đã hiếm mà giặc giã lại nhiều. Thương nhân qua lại địa phận các lãnh chúa phải trả thuế rất cao, tiền tệ từ nước này qua nước khác không nhất định, kim khí dùng làm tiền tệ như vàng, bạc chưa được sản xuất nhiều. Từ thế kỉ 12 trở đi, điều kiện thương mại mới được cải thiện. Đường giao thông mở mang; những nơi đèo núi có chỗ trú ngụ; các đô thị có khách sạn. Phương tiện chuyên chở cũng được sửa đổi. Người ta biết đóng móng sắt vào chân ngựa, biết thắng từng đoàn ngựa và xe, và thay vì buộc dây vào cổ làm cho ngựa nghẹt thở, người ta ràng vào bả vai để sức ngựa không giảm bớt.

Trung tâm mậu dịch là chợ phiên họp ở những nơi nhất định và vào ngày nhất định. Các thương nhân tụ họp tấp nập tại đó.

Để binh vực quyền lợi cho mình, bọn thương nhân họp thành đoàn thể gọi là thương nghiệp đồng minh. Họ thường dùng sông ngòi: vận tải bằng đường sông đã mau mà lại yên ổn, chắc chắn. Các thương nghiệp đồng minh mạnh nhất thường tổ chức vận tải hàng hóa bằng đường sông. Họ chiếm độc quyền từng con sông. Thương thuyền nào không được đồng minh muốn qua lại con sông ấy phải nộp thuế.

Việc buôn bán bằng đường biển cũng phát triển mạnh như đường bộ. Từ thế kỉ thứ 12 trở đi nhờ có hải đăng dọc theo ven biển, nhờ địa đồ, nhờ sự thông dụng kim chỉ nam và sự cải thiện bánh lái tàu⁽¹⁾ mà sự chuyên chở đường biển bớt nguy hiểm. Các thương cảng ở Pháp, nhất là ở Đức, Ý phát đạt rất mau.

Thương nghiệp đồng minh mạnh nhất là La Hanse. Tầm hoạt động của nó bao trùm khắp Bắc Âu. Thành lập năm 1283, mà đến cuối thế kỉ 14. Đồng minh ấy đã chi phối được 90 đô thị, tổ chức một đội thương thuyền và chiến thuyền, lấn át cả các vua chúa. Nó bắt vua Đan Mạch phải nhường ngai, bắt người Thụy Điển, Na Uy phải nhận nó làm trung gian trong mọi việc mậu dịch. Ở các nước Nga, Na Uy, Flandre, Anh, nó đều mở hội buôn lớn. Nó làm chủ Bắc Hải và biển Baltique. Thủ đô của nó là Lubeck. Nhưng chính Bruge mới là chỗ tụ tập đủ mặt các thương nhân

(1) Ngày xưa bánh lái tàu là một mái dầm tra vào một cây gọng đóng phía sau hoặc bên hông tàu. Sự điều khiển rất khó và tàu không thể đi ngược gió.

châu Âu và là trung tâm điểm của nền thương mại Bắc Âu, Bruges là một địch thủ đáng sợ của La Hanse.

Công cuộc thương mại Địa Trung Hải còn quan trọng hơn nữa.

Khi người Á Rập xâm lăng Đông đế quốc La Mã thì con đường Địa Trung Hải nằm trong tay rợ Sarrazin. Các xứ phía tây không thể mua được các thứ nguyên liệu cần thiết cho kỹ nghệ dệt. Nhưng từ khi người Normand chiếm đảo Sicile và quân Thập tự mở lại đường giao thông với phương Đông thì các thương nhân, Ý, Languedoc, Ý Pha Nho đến Alexandrie, Chypre, Beyrouth, Byzance mua các thứ gia vị, đường, hương liệu, thuốc nhuộm, tơ lụa, vải, sa, thảm, ngọc trai, đồ thủy tinh, đồ sành, cá, lúa mì, da, nô lệ... và các sản phẩm phương Tây, kim thuộc, vàng, bạc, rượu, khí giới, nhất là nỉ của xứ Flandre và Ý. Hai thành phố thương mại thịnh vượng nhất là Gènes và Venise.

Venise có một đội thương thuyền đến 3300 chiếc. Xưởng đúc tàu qui tụ tới 16.000 thợ. Kỹ nghệ Venise cũng rất phát đạt. Sản phẩm chế tạo là gương soi mặt danh tiếng nhất châu Âu, đồ ren, thêu, nữ trang, đèn bạch lạp, dược phẩm chế tạo theo phương pháp người Hồi giáo. Đến thế kỷ 15, khi người Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm Constantinople, cắt đứt đường giao thông giữa Venise và phương Đông thì nền thương mại thành này cũng bắt đầu sa sút.

4. Các đô thị thời Trung cổ còn nghèo nàn lắm. Đường phố quanh co, chật hẹp, sát với thêm nhà, và đầy người qua lại ồn ào. Bao nhiêu rác đều đổ vào đó để làm chỗ heo ủi,

gà bươi; tiếng rao bán hàng rong rộn rập; đất thì sinh lầy; ban đêm không đèn đóm, kẻ gian qua lại tấp nập. Nghĩa địa ở ngay giữa châu thành, chung quanh các giáo đường.

Nhà thì cất bằng gỗ, chen chúc nhau. Tầng trên chồm ra ngoài từng dưới khiến cho mái nhà hai bên đường giao lại với nhau, ánh sáng ít khi lọt tới đất.

Trong những đô thị ấy, tai họa đáng sợ nhất là hòa hoạn và bệnh truyền nhiễm. Trong khoảng 25 năm (từ 1200 – 1225), thành phố Rouen bị hòa hoạn sáu lần⁽¹⁾. Năm 1348 dịch hạch giết chết một phần ba dân số châu Âu. Bệnh cùi cũng tàn hại dân chúng không ít. Bệnh viện không đủ cho bệnh nhân nằm.

Thuốc men hồi ấy chưa có gì đáng kể. Người bệnh phải nhờ đến lang băm, thầy pháp, dùng các thứ thuốc kì dị mà họ tin là thần dược, linh đơn như rễ cây mandragore⁽²⁾, sừng con kì lân⁽³⁾, các thứ châu ba khác mà họ cho là linh nghiệm. Ốc mê tín rất nặng, không những thường dân ngu dốt mà giai cấp quý tộc, vương giả cũng không hơn gì⁽⁴⁾.

(1) Tuy nhiên cũng có nhiều đô thị lớn. Năm 1250 dân số Châu thành Rouen lên tới 70.000 người. Châu thành Ba Lê vào năm 1328 có đến 300.000 người: đường sá đã lát đá. Dưới triều Philippe Auguste, điện Louvre một kiến trúc vĩ đại dùng làm vừa thành trì vừa lao ngục.

(2) Cây có rễ như củ nhân sâm, giống hình người, người thời ấy tin rằng khi bị bứt thì nó biết kêu la.

(3) Giống thú hoang đường.

(4) Một võ sĩ đến ngày làm lễ tuyên thệ, nhất định không hành lễ chỉ vì vị quốc vương mình hôm ấy có một lần nháy mũi. Họ cho đó là một điềm rất xấu.

5. Đời sống vật chất của giai cấp quý tộc từ thế kỉ 11 đến 14 thêm nhiều tiện nghi. Trong các đền đài, đường đều sơn phết hoặc bọc thảm. Nền nhà lát gạch đánh bóng hoặc lát đá. Ngày lễ bái, người ta tùy mùa mà rải hoa hoặc cỏ tươi. Ánh sáng thì có nến cặm trên chum đèn bằng gỗ, bằng đồng, hoặc thau. Trên trần nhà có cả đèn nhiều ngọn. Ở đô thị, nhờ sự phát triển của thương mại, bọn thương nhân, phú hào tranh đua với quý tộc trong việc trang hoàng nhà cửa và lối sống kiêu sa.

Họ bắt đầu chú ý đến những bữa ăn thịnh soạn dọn trên bàn có trải khăn. Họ biết dùng muỗng; nhưng nửa thì đến thế kỉ 16 vẫn chưa có, nên họ dùng ngón tay. Do đó, mà có thói quen rửa tay trước và sau bữa ăn. Họ dùng gia vị để làm cho món ăn thêm đậm đà, kích thích: hồ tiêu và hạt cải được họ thích nhất.

Đồ đạc thì to lớn nặng nề. Trước kia, chỗ ngồi chỉ có thứ ghế đầu, rồi đến trường kỉ chạm trổ tỉ mỉ, có lót nệm; tủ thì có những cái thùng, cái rương rất lớn gắn bản lề sắt, ống khóa kiên cố dùng cất các vật quý; giường từ treo màn. Nhưng đến thế kỉ thứ 14 người ta biết dùng nệm hoặc giường lót lông chim.

Y phục cũng thành ra phiền phức, mỗi thế kỉ một thay đổi tùy theo địa vị xã hội của mỗi hạng người. Đến thế kỉ thứ 15, cách ăn bận đã sang trọng lắm. Người ta biết dùng da lông của các giống chồn, hắc điều thừ, sóc, để kết vào cổ áo.

Đời sống xa xỉ ấy làm tăng thêm nhu cầu. Kỹ nghệ,

thương mãi đều phát triển mạnh để thỏa mãn các nhu cầu ấy.

6. Thời đại Trung cổ, vào thế kỉ 11, học thuật và văn nghệ cũng bắt đầu phát triển. Sự phát triển ấy đi song với chiến tranh Thập tự và phong trào kinh tế.

Công việc giáo dục do tăng lữ đảm đương. Giấy phép dạy học do giáo sĩ cấp. Bực sơ học thì dạy tại các trường nhỏ ở giáo khu; bực cao hơn thì dạy ở các tu viện hoặc thành thị. Từ thế kỉ 11 trở đi mới có những trường học lớn nhưng thuộc quyền giáo hội như tăng viện Notre Dame⁽¹⁾.

Những nơi dành riêng cho sự dạy dỗ vẫn chưa có. Ai muốn dạy phải tự mượn lấy chỗ, và lương thầy giáo học trò trả. Phần đông học trò đều nghèo khó. Có người ăn xin để học. Đến cuối thế kỉ 12, học viện mới được thành lập. Lúc đầu học viện ấy là trụ sở của sinh viên nghèo, giáo sư đến đó để giảng dạy. Mãi về sau, đến thế kỉ 15, trụ sở ấy mới thành ra trường học chính thức.

Trong các trường lớn, thứ ngôn ngữ dạy dùng làm chuyển ngữ là tiếng La Tinh và bài học chỉ giảng bằng miệng. Sách học rất hiếm, và lẽ tất nhiên là rất đắt. Nghề in chưa có, người ta phải viết lên da thuộc mỏng. Phương

(1) Tại đây sinh viên ngồi trên những bó rơm lát giữa đường ngoài trời để nghe thầy giảng. Đồng thời, nhiều trường học kiểu ấy mọc lên, nhưng không bao lâu, vì tăng viện phản đối, thầy trò kéo nhau lên đóng trên triền núi Sainte Gènevière, giữa đồng ruộng và vườn nho.

pháp dạy là phương pháp kinh viện. Thầy giáo chỉ bình giảng những sách chuyên về mỗi khoa. Sách của nhà triết học Hi Lạp Aristote được trọng dụng nhất.

Cuối thế kỉ 12 và thế kỉ 13, đại học đường mới xuất hiện. Nổi danh nhất các đại học đường Ba Lê, Montpellier ở Pháp, Bologne ở Ý, Oxford. Cambridge ở Anh.

Trong các đại học đường ấy, sinh viên phải học bốn khoa Thần học⁽¹⁾, Tôn qui, Y học và Văn nghệ. Văn nghệ được dạy trước nhất vì đó là môn học phổ thông, căn bản. Văn nghệ lại chia ra làm tam khoa gồm có *văn phạm, biện luận pháp, hùng biện thuật*, và tứ khoa gồm có: *toán học, hình học, thiên văn học, nhạc học*.

(1) Vào thế kỉ 13 thần học còn được coi là môn học chính vì giáo dục trước hết phải nhắm vào mục đích tôn giáo. Nhưng ảnh hưởng triết học thượng cổ vẫn mạnh. Nhiều bậc thầy dụng ý hỗn hợp tư tưởng triết học với tư tưởng tôn giáo, nhưng có người lại đặt tôn giáo vào phạm vi đức tin và dùng kinh nghiệm quan sát để khảo cứu thiên nhiên. Nhưng khoa học vẫn còn ấu trĩ vì thiếu khí cụ tính xác. Công việc khảo cứu khoa học và triết lí lan rộng ra ngoài dân gian. Nhiều người không thuộc hạng giáo sư, thông thái, cũng tìm đọc những sách bàn về nguyên tố: trời, đất, không khí, lửa, thú vật, cây cỏ, đá. Ngoài những tài liệu chính xác, vẫn có những lối giải thích ngây ngô do tin tưởng dị đoan đời thượng cổ để lại. Vào thời kì đại Trung cổ, người ta biết trái đất tròn, nhưng trên địa cầu họ chỉ biết có châu Âu, một phần châu Á và phía Bắc châu Phi. Họ tin rằng trung tâm châu Phi có giống kì lân sừng dài mọc giữa trán, có giống người không đầu, miệng và mắt mọc ở giữa ngực; có giống tai thật lớn có thể phủ kín toàn thân khi họ gặp tai họa và có giống đứng một chun. (*Le Moyen âge* A. Boussuat).

Đồng thời sự mở mang học thuật, tác phẩm văn chương được sản xuất, hầu hết viết bằng tiếng La Tinh. Danh tiếng nhất là tác phẩm của Thomas A'Aquin và Roger Bacon.

Bên cạnh văn chương La Tinh, văn chương bình dân cũng phát triển. Tác phẩm danh tiếng là những áng anh hùng ca (*Les Chansons de geste*) miêu tả lại phong tục khắc khổ của các hiệp sĩ thời phong kiến. Bài «*La Chanson de Roland*» được dân chúng ưa thích nhất. Ngoài ra còn những thi phẩm dài ca tụng các anh hùng thượng cổ như vua Alexandre, vua Priam v.v...

Phong tục về sau trở nên thuần thực dần. Cùng với phong trào hiệp sĩ, một thứ nhã thi xuất hiện ca ngợi đời sống phiêu lưu và tình yêu. Văn chương hồi này không chuyên tả những trận giao phong nữa mà rón lo phân tích tình cảm⁽¹⁾. Đến thế kỉ thứ 13 có những tiểu thuyết phúng thích, hài kịch, chuyện ngụ ngôn ra đời⁽²⁾. Trong cuốn tiểu thuyết «*La Conquête de Constantinople*» (Chinh phục thành Constantinople) viết bằng thứ văn xuôi thông dụng, tác giả Geoffroy de Willehardouin thuật lại trận chiến tranh Thập tự thứ 4. Cũng trong thời gian ấy, ở Đức, Ý nhiều bản anh hùng ca khác viết bằng thổ ngữ ra đời.

7. Thời đại Trung cổ, nghệ thuật kiến trúc trước hết

-
- (1) Trong xã hội phong kiến, đến lúc ấy, người võ sĩ phải là người phong nhã và tinh thần hiệp sĩ phải lấy đạo đức làm nền.
 - (2) Xã hội phú hào đã mạnh. Những tay phú hào giàu có thích truyện tích và ngụ ngôn. Tác phẩm *Roman De Renard* chế giễu các tầng lớp xã hội từ vua tới cung đình, được họ hoan nghênh.

phải phụng sự tôn giáo. Nghệ thuật kiến trúc được phổ cập nhất ở Tây Âu là nghệ thuật roman.

Nghệ thuật này phát triển vào khoảng 1060 đến 1350. Đặc điểm của nó là hình nửa ống tròn và vòng cung bán nguyệt. Những vòng cung ấy tựa vào cột mập lùn; đầu cột xòe ra như chiếc nón rộng. Bên ngoài những cột áp vách thật kiên cố. Toàn thể ngôi nhà có vẻ chắc chắn, nhưng nặng nề.

Nghệ thuật Roman tùy từng vùng mà biến thể, ít hoặc nhiều. Nhà kiến trúc phải để ý tới khí hậu, nguyên liệu xây cất và phong tục của mỗi vùng mà chằm chế, sửa đổi.

Vào cuối thế kỉ 12 và trong vòng thế kỉ 13 tình hình xã hội lại biến chuyển. Phái tăng lữ không độc quyền văn nghệ nữa. Những đoàn thể tôn giáo cũ đã suy đọạ. Những đoàn thể mới không ẩn náu trong tu viện mà xen lẫn vào thế tục, chủ trương đời sống đạm bạc. Bởi vậy thứ kiến trúc lộng lẫy không được họ ưa thích.

Từ đó nghệ thuật “Gothique” ra đời thay thế cho nghệ thuật Roman. Bản đồ kiến trúc giáo đường vẫn như cũ, nhưng đặc điểm nghệ thuật gothique là vòm nhà có gân, hình tròn nhọn đầu treo lên nhau và cột xây cuốn vòng cung. Vòm nhà nhẹ hơn, cột chống bên ngoài được giảm bớt. Toàn thể có vẻ thanh bai. Tường vách được thay thế bằng những cửa kiếng nhiều màu.

Nghệ thuật Gothique được công chúng hoan nghênh và nhờ họ giúp đỡ mà trong một khoảng thời gian ngắn,

nhiều giáo đường được xây dựng theo nghệ thuật này. Những giáo đường danh tiếng nhất là Notre Dame de Paris Chartres, Rouen, Reims, Bourges, Amiens. Kiến trúc Gothique xuất hiện đầu tiên ở Pháp nên người ta cũng gọi là kiến trúc Pháp.

So với các giáo đường kiểu Roman, giáo đường kiểu Gothique cao rộng hơn. Nhưng các kiến trúc sư vẫn chưa vừa ý, về sau họ còn tiếp tục cải thiện thêm kỹ thuật xây cất. Vào thế kỉ 13 và 14, giáo đường càng ngày càng cao thêm. Đó là kiến trúc rục rờ.

8. Các nước Anh, Đức, Ý Pha Nho, Ý đều chịu ảnh hưởng trào lưu văn nghệ Pháp. Những áng anh hùng ca, nhã thi của Pháp được họ đem ra dịch, và các thi nhân Ý, Đức đều phỏng theo thi ca Pháp để sáng tác.

Nhưng đến thế kỉ 13 và đầu thế kỉ 14, nước Ý chiếm được một địa vị quan trọng trong sự phát triển văn nghệ châu Âu. Các di sản của đế quốc La Mã được lưu truyền ở Ý đầy đủ hơn nước nào cả, và cố nhiên ảnh hưởng lớn đến văn nghệ nước ấy.

Về văn chương nước Ý sản xuất ba văn nhân danh tiếng: Dante, Boccace và Pétrarque.

Về nghệ thuật, người Ý chịu ảnh hưởng nghệ thuật Byzantin (tức Hi Lạp). Những tác phẩm nghệ thuật thời thượng cổ lưu lại trong xứ rất nhiều và chi phối các kiến trúc sư và các nhà điêu khắc. Cuối thế kỉ 13 với Giotto di Bondone 1267-1337 hội họa Ý tiến triển mạnh, Giotto thoát li ảnh hưởng Byzantin và tìm cái gì đó có tính cách nhân

loại và cảm động nhất trong tôn giáo để làm cho họa phẩm mình có một vẻ đẹp trịnh trọng. Nhìn vào thái độ và bộ điệu ta thấy được cả cái tâm trạng của nhân vật, các nhà hội họa xứ Florence đều noi theo đường lối của ông vạch ra để sáng tác.

TÓM TẮT

1. Thế kỉ 11 trở về trước, mực sống của xã hội Tây phương còn thấp lắm. Lối sản xuất còn lạc hậu, dụng cụ còn thô sơ. Người ta làm ra chỉ đủ nuôi thân mà thôi. Từ thế kỉ 12 về sau mực sống mới bắt đầu tăng lên, nhờ người ta biết trồng tía chăn nuôi hơn trước.

2. Kỹ nghệ lúc ấy cũng phát triển. Thợ bắt đầu làm nghề chuyên môn và biết tổ chức thành nghiệp đoàn, có người cai quản và có qui luật hẳn hoi. Công việc làm không vất vả lắm, và đời sống cũng dễ chịu hơn.

3. Thương mại là động lực chính của sự phát triển kỹ nghệ. Thế kỉ 12 về sau đường giao thông tiện lợi, sự chuyên chở được cải thiện, thương mại bành trướng rất mau. Các thương nhân tổ chức những trung tâm mậu dịch quốc tế rất lớn, tức là các thương nghiệp đồng minh. Trung tâm thương mại quan trọng nhất là La Hance và Bruges ở Bắc Âu. Gêne và Venise ở Địa Trung Hải.

4. Đô thị thời Trung cổ phần nhiều còn chật hẹp do bản, thường hay bị bệnh truyền nhiễm và hỏa hoạn tàn phá. Con người chưa biết phép vệ sinh và còn đặc óc dị đoan mê tín.

5. Thế kỉ 11 trở đi, đời sống vật chất tiến bộ rất nhiều. Bọn quý tộc và thương nhân biết trang hoàng nhà cửa, biết thưởng thức các món cao lương. Từ đồ đạc trong nhà đến y phục và đồ ăn thức uống đều sang trọng hơn trước.

6. Mục sống tinh thần cũng lên cao. Người ta chú ý tới học vấn, và sự học tập do đó mà ngày một mở mang. Ở các trường đại học, tiếng La Tinh dùng làm chuyển ngữ và các sinh viên phải học bốn khoa: Thần học, Tôn qui, Y học, Văn nghệ. Học thuật và văn nghệ đều tiến bộ và nhiều tác phẩm danh tiếng ra đời.

7. Nghệ thuật kiến trúc thì có nghệ thuật Roman xuất hiện vào cuối thế kỉ 11 và đầu thế kỉ 12. Cuối thế kỉ 12 thì có nghệ thuật Gothique giản dị hơn nghệ thuật Roman và được công chúng ưa thích hơn.

8. Văn nghệ nước Anh, Ý Pha Nho, Ý đều chịu ảnh hưởng văn nghệ Pháp. Nhưng đến thế kỉ 14, nghệ thuật Ý chiếm một địa vị quan trọng ở châu Âu, nhất là về hội họa.

CHƯƠNG XI

CHIẾN TRANH TRĂM NĂM

1. Nguyên nhân chiến tranh.
2. Tình hình nước Pháp dưới triều Jean Le Bon và Charles V.
3. Dưới triều Charles VI, nước Pháp bị qua phân.
4. Jeanne d'Arc giải phóng nước Pháp.

1. Nguyên nhân chính trị gây ra chiến tranh Trăm năm là hai vua Anh, Pháp tranh ngôi. Vua Edouard III nước Anh tự cho mình là người thừa kế của Philippe le Bel vua nước Pháp vì ông là cháu ngoại⁽¹⁾.

(1) Trước thế kỉ 11 nước Anh là một thuộc địa của người La Mã trong 400 năm, kể đến lọt vào tay người Saxon (425-426), người Angles (547-584). Đến thế kỉ 11, người Đan Mạch đến chiếm một phần lớn nước Anh và dựng thành vương quốc của Kanut. Kanut truyền được hai đời thì năm 1042 người Anglo Saxon đánh đuổi người Đan Mạch và lập Edouard le Confesseur lên ngôi (1043-1066). Edouard de Confesseur chết, một lãnh chúa xứ Normandie là Guillaume le Conquérant (người Pháp) chiêu mộ võ sĩ xứ Normandie, Bretagne, Flandre, vượt biển tới xâm chiếm nước Anh và làm vua. Ngôi truyền tới Edouard III đã mười đời. Khi xảy ra trận giặc Trăm năm, chế độ quân chủ Anh đã mất dần tính cách chuyên chế, và chính thể đại nghị đã mạnh nha.

Nguyên nhân kinh tế là hai nước Anh, Pháp tranh giành quyền lợi ở Flandre. Từ trước, nước Anh giao thiệp mật thiết với Flandre, một thái địa thuộc vương quốc Pháp, Anh bán cho Flandre len và mua lại nỉ. Sau vì các thị xã Flandre nổi loạn, vua Philippe VI đánh dẹp và tiêu diệt được loạn quân (1328) tái lập ảnh hưởng Pháp ở Flandre, làm cho thương mại Anh chịu thiệt. Để trả đũa, vua Edouard III cấm chở len qua Flandre. Không bao lâu người Flandre thấy mất nhiều quyền lợi nên bỏ Pháp theo Anh.

Chiến tranh xảy ra, nước Anh thắng thế vì tuy các quốc vương Pháp dũng cảm, nhưng không bằng quốc vương Anh mưu lược và quả quyết. Quân đội Anh lại khéo tổ chức hơn quân đội Pháp.

Năm 1340 khi chiến thuyền Pháp bị liên quân Anh và Flandre phá rối, quân Anh tràn lên đất Pháp như vào chỗ không người.

Năm 1346, vua Edouard đệ tam xâm chiếm và tàn phá xứ Normandie, đánh bại quân Pháp ở Crécy, chiếm hải cảng Calais đuổi dân chúng Pháp ra khỏi hải cảng này, cho bọn phú hào Anh sang ở.

2. Chiến tranh tới đây tạm định, vì Âu châu lúc ấy bị bệnh dịch hạch tàn phá. Năm 1355 thì chiến tranh tái diễn.

Khi quân Anh đổ bộ lên Normandia, ngân khố nước Pháp trống rỗng. Vua Jean II Le Bon vì cần 3 vạn người và một số chiến phí rất lớn là năm triệu đồng nên phải triệu tập quốc hội. Giai cấp phú hào phải đóng góp nặng hơn hết nên đòi vua phải giao quyền kiểm soát tài chính cho những

người do quốc hội cử lên. Từ đó nước Pháp noi theo nước Anh đi vào con đường đại nghị lập hiến (parlementarisme constitutionnel).

Năm 1356 ở trận Maupertuis quân Pháp thất bại, Jean Le Bon bị cầm tù. Triều đình Pháp càng nguy ngập thêm. Người ta thấy cần phải thiết lập hiến pháp để đưa toàn thể dân tộc ra chống giặc. Tại Ba Lê, hoàng thái tử Charles V nhiếp chính. Giai cấp phú hào cương quyết tổ chức thành chính đảng. Nhưng tại quốc hội ý kiến không thống nhất làm cho sức hoạt động của giai cấp ấy không nhất trí và liên tục. Etienne Marcel chủ trương biến đổi vương quốc Pháp thành một liên bang thị xã dân chủ, gây ra một phong trào cải cách chính trị do Ba Lê cầm đầu. Nhưng hoàng thái tử chống lại. Quân chúng nổi loạn chiếm đền vua, đem màu xanh đỏ đội lên đầu hoàng thái tử và cho đem những tên cố vấn của ông ra giết.

Cuộc bạo động này gây ảnh hưởng khắp xứ. Ở Vendée phong trào Jacquerie⁽¹⁾ chống quý tộc nổi lên rất mạnh. Một

(1) Jacques Bonhomme là tên dùng chế nhạo nông dân Pháp thời Trung cổ, Jacquerie là phong trào bạo loạn do bọn Jacques (tức là nông dân) gây ra chống lại bọn quý tộc, bọn vô sĩ, bọn cướp đường bóc lột họ. Phong trào bị đàn áp rồi thì bọn vô sĩ, chuyên nghề đánh giặc mướn không kiêng nể ai nữa. Nhân hòa ước Brétigny kí xong, “chiến tranh dứt, chúng không có việc làm và kết thành từng đoàn gọi là “Compagnie”, bắt cóc người rồi cho chuộc. Người bị chúng bắt thường bị tra tấn tàn nhẫn nếu không chịu chỉ chỗ giấu tiền. Khắp nước Pháp bây giờ không một nơi nào tránh khỏi tay bọn ấy.

luồng gió cách mạng dân chủ thổi tràn khắp nước Pháp, nhưng quân bạo động bị giai cấp quý tộc tàn sát thẳng tay. Nhà vua trốn khỏi Ba Lê, và tại Compiègne ông triệu tập quốc hội, được quốc hội chấp thuận cho số quốc dụng cần thiết Etienne Marcel bị ám sát. Nhà vua đánh bại được phong trào cách mạng.

Lúc ấy thì quân Anh đã tiến tới Bourgogne và quân Pháp đã bị đại họa. Vua Jean II bị cầm tù ở Anh chịu kí tờ qui hàng. Nhưng Charles được quốc hội ủng hộ không chịu buông bỏ khí giới. Rốt cuộc nước Pháp phải kí hòa ước Brétigny (1360) để chấn chỉnh lại nội tình. Theo hòa ước ấy, Pháp phải nhượng lại cho vua Anh Edouard II vùng Gascogne, Guyenne, Poitou. Calais và một số chiến phí 3 triệu liu trả bằng vàng, ngược lại vua Anh không tranh ngôi vua ở nước Pháp nữa.

Jean Le Bon chết (1364) hoàng thái tử Charles lên ngôi tức là Charles V.

Charles V lo cứu vãn nguy trạng của nước Pháp, giao công việc chống người Anh cho Bertrand Duguesclin. Ông này hàng được quốc vương Navarre, dẹp được những toán cường đạo chuyên cướp đường. Đối với quân Anh, Duguesclin cố tránh những trận đánh lớn, áp dụng chiến thuật đánh lẻ tẻ cốt làm cho kẻ địch mệt mỏi. Nhờ chiến thuật này ông chiếm lại những đất đai nhường cho Anh theo hòa ước Brétigny, tiêu diệt được ba đạo quân Anh khi quân này kéo xuyên qua nước Pháp.

Năm 1380, khi Duguesclin và Charles V chết, người Anh chỉ còn giữ được Bayonne, Bordeaux và Calais mà thôi.

3. Người kế vị cho Charles V là Charles VI mới có 12 tuổi. Chính quyền bị phân chia giữa chú, bác của vua là các ông tước xứ Anjou Berry, Bourgogne. Bọn hoàng thân này có tài ăn chơi hơn là cai trị. Tài sản nhà nước không bao lâu đều đổ vào yến tiệc. Trong nước thường có loạn và loạn thường bị đánh dẹp một cách tàn nhẫn. Năm 1388 Charles VI đuổi bọn hoàng thân sửa lại triều chính, nhưng đến năm 1392 vua mắc bệnh điên. Bọn hoàng thân lại lên cầm quyền; cảnh trụy lạc trong triều lại tái diễn.

Đồng thời công tước xứ Orléans và công tước xứ Bourgogne tranh quyền nhau. Công tước xứ Orléans bị giết. Trong nước lại diễn ra cuộc nội chiến giữa hai phe Bourguignon của công tước xứ Bourgogne và phe Armagnac của công tước xứ Orléans. Dân chúng không chịu được thống khổ lại nổi lên làm loạn. Năm 1413 có một lúc bọn dân nghèo Cabocchien, tức là phe đảng của Caboche làm chủ thành Ba Lê.

Nhân tình hình ấy, Vua Henri IV nước Anh xua quân qua Pháp và thắng trận Azincourt năm 1415.

Dựa vào quân Anh, Jean Sans Peur⁽¹⁾ thủ lĩnh phái Bourguignon muốn chiếm giữ cả nước, nhưng không bao lâu bị hoàng thái tử giết trong một cuộc hội kiến. Con của

(1) Phiên âm theo nghĩa có tính cách đùa Jǎng Vô Ủy, (Không biết sợ) NXB.

Jean Sans Peur là Philippe le Bon⁽¹⁾ liên minh với quân Anh để chống Pháp. Hoàng hậu phải kí hiệp ước Troyes, bỏ con mình đi để nhận vua Anh (Henri V) nối ngôi vua Pháp. Nước Pháp vì hiệp ước Troyes thành ra lệ thuộc nước Anh.

4. Khi Charles VI chết (1422) nước Pháp đã lâm vào một tình trạng hết sức thảm khố. Đất đai bị phân chia, nạn đói, nạn cướp tàn hại dân chúng. Trong nước có đến hai vua: Henri VI chiếm giữ miền Bắc nước Pháp và vùng Guyenne, còn Charles VII vua chính thức của Pháp bị phế vì hiệp ước Troyes thì ngự trị trên các lãnh thổ miền Nam sông Loire. Địa vị Charles VII không lấy vì làm vững lắm.

Năm 1428, quân Anh vây Orléans, thành trì bình phong của lãnh thổ Charles VII, và khi họ sắp hạ thành thì Jeanne d'Arc xuất hiện⁽¹⁾.

Ngày 30 tháng 4, Jeanne vô thành Orléans thì ngày 8

(1) Philip Nhân từ.

(2) *Jeanne d'Arc' là con một gia đình nông phu ở vùng biên giới tỉnh Lorraine và Champagne nước Pháp. Năm 13 tuổi, trong lúc chặn cừu nàng nghe tiếng nói thiêng liêng giục nàng cứu hoàng tử (Charles VII) và giải nguy nước Pháp. Có người hoài nghi Jeanne d'Arc là một nhân vật tưởng tượng. Trong chuyện Jeanne d'Arc người ta cố bịa ra một phần nào để lợi dụng lòng ái quốc của người Pháp lúc ấy chăng? Và Jeanne d'Arc là tượng trưng của nông dân Pháp, một tượng trưng trong sạch từ thể xác đến tinh thần. Nàng ra đời để chứng tỏ rằng sự mạng của bọn quý tộc phong kiến và bọn võ sĩ đã hết. Việc cứu nước chỉ còn trông cậy vào nông dân mà thôi.*

tháng 5 quân Anh bị đánh lui. Từ đó khắp nước Pháp nổi lên một luồng gió hi vọng.

Kể đó Jeanne rước vua về Reims để chịu lễ tấn phong theo tục lệ bấy giờ. Nhưng không bao lâu trận đánh Ba Lê thất bại, vua phải trở về phía Nam.

Năm 1430, không chịu được thái độ ganh tị của bọn cận thần và cũng chán cảnh sống an nhàn, lười biếng, suy đọa của một triều đình phong kiến, Jeanne lại ra quân đánh giải vây thành Compiègne. Nàng bị quân Bourguignon bắt bán lại cho người Anh, bị giam cầm rất khổ sở. Sau cùng tôn giáo pháp đình, dưới quyền điều khiển của người Anh, kết nàng về tội tà giáo, xử nàng phải hỏa thiêu, và ngày 30 tháng 5 năm 1431, nàng bị đem lên giàn lửa tại Rouen. Năm ấy nàng được 19 tuổi.

Năm 1435, lãnh chúa xứ Bourgogne cùng Charles VII, kí hòa ước Arras phân định ranh giới lãnh thổ của mỗi bên. Quân Anh vì hiệp ước này phải yếu thế. Khắp xứ Pháp dân chúng nổi lên chống lại họ. Năm sau người Pháp chiếm lại Ba Lê (1436). Năm 1444, người Anh xin ngưng chiến.

Khi chiến tranh tái diễn (1449), Charles VII khôi phục xứ Normandie, rồi Guyenne. Năm 1453, quân Anh rút khỏi Bordeaux. Đến đây Chiến tranh Trăm năm kết liễu. Trên đất Pháp người Anh chỉ còn giữ được hải cảng Calais.

TÓM TẮT

1. Vì vua Anh Edouard III đòi ngôi vua nước Pháp và vì sự tranh giành quyền lợi ở Flandre giữa hai nước mà sinh ra Chiến tranh Trăm năm. Pháp bại trận ở Crécy (1346) và ở Poitiers (1356) phải kí hiệp ước Brétigny nhường cho Anh gần trọn Tây bộ nước Pháp.

2. Pháp lâm vào tình trạng nguy khốn. Nông dân (Jacquerie) bạo động; bọn cường hào (Compagnie) cướp phá, giai cấp phú hào đòi kiểm soát chính quyền (1357). Nhưng hoàng thái tử Charles vẫn làm chủ được tình thế (1358).

3. Dưới triều Charles VI (138-1442) bọn vương thân tranh giành địa vị gây thành nội chiến. Nước Pháp suy yếu bị bại binh ở Zicourt phải kí hiệp ước Troyes (1420) chịu lệ thuộc nước Anh.

4. Khi vua Charles VII, lúc ấy chỉ giữ được Nam bộ nước Pháp, sắp bị đánh thì Jeanne d'Arc xuất hiện, giải vây Orléans, cứu vua rước về làm lễ tấn phong ở Reims. Nhưng trận Compiègne nàng bị bắt và bị hỏa thiêu tại Rouen (1431). Kế đó, lãnh chúa xứ Bourgogne bỏ Anh, kí hiệp ước Arras (1435) với vua Pháp. Nước Anh thất thế, bại trận liên tiếp. Về sau khi chiến tranh dứt. Anh chỉ còn giữ được Calais mà thôi.

KẾT LUẬN PHẦN THỨ NHẤT

Các Rợ phương Tây khi tràn vào đế quốc La Mã, đã chấm dứt thời Thượng cổ và mở đầu một thời kì khác trong lịch sử, thời kì Trung cổ. Chế độ xã hội trong thời kì này là chế độ phong kiến. Điều đáng chú ý trong thời kì này là các dân tộc Tây Âu khi bị dồn ép trong cương vực lãnh thổ mình thì hướng sự tiến hóa xã hội đi vào bề sâu. Không thể tràn vào các vùng đất hoang, rừng rú, để tiến theo bề rộng như các dân tộc phía đông sống giữa đại lục mênh mông, họ chen chúc tạo lập những vùng kinh tế, văn hóa của những thành thị kĩ nghệ. Kết quả những phần tử nông dân giàu óc sáng kiến, tháo vát biến thành thương nhân, thủ công, sau này kết tụ thành đệ tam giai cấp tức là giai cấp thị dân hay tư sản giai cấp.

Vai trò giai cấp thị dân trong sự tiến hóa của xã hội quan trọng vô cùng. Nhờ có giai cấp ấy mà lịch sử Tây phương vượt qua giai đoạn phong kiến để tiến tới giai đoạn tư bản hùng cường. Vì thiếu giai cấp ấy mà lịch sử Đông phương đứng mãi một chỗ để rồi chịu lệ thuộc Tây phương. Triều đại có thay đổi, nhưng trạng thái xã hội trước sau như một. Đó là một sự thật lịch sử phải ghi lại để nhận rõ những bước đường biến hóa

sắp tới ở thời Cận đại và Hiện đại.

Giai cấp tư sản sau này là một trong những yếu tố chủ động trong các cuộc biến đổi thúc đẩy xã hội tiến lên.

*

Dưới gót các Rợ, văn minh Tây Âu vào thế kỉ thứ 6 về sau đã suy đọa lăm. Trong đám Rợ ấy, người Franc gồm có nhiều phần tử quả quyết và thuần nhất hơn cả. Quốc gia Franc thoát được tình trạng lụn bại chung và về sau tạo nên những cường quốc Đức, Pháp. Từ thời Clovis qua Charlemagne đến chiến tranh thập tự, thời kì quân chủ chuyên chế, người Franc và sau này người Pháp mở rộng con đường tiến hóa. Cuộc đại cách mạng thế kỉ 18, Pháp đã thay đổi một chế độ xã hội trên khắp lãnh thổ châu Âu. Và cuộc cách mạng ấy do giai cấp tư sản đảm nhận.

PHẦN THỨ HAI

**TRUNG HOA TỪ
NGŨ ĐẠI ĐẾN NGUYÊN**

CHƯƠNG I

NHÀ BẮC TỔNG

1. Nhà Bắc Tống diệt thập quốc, thống nhất Trung Hoa, thành lập chính thể trung ương tập quyền.

2. Sự phát triển của xã hội Trung Hoa dưới triều Tống: kinh tế, chính trị, văn hóa.

3. Nhà Tống dưới áp lực của Bắc Liêu và Tây Hạ.

4. Kế hoạch cải cách của Vương An Thạch.

5. Người Kim diệt Bắc Tống.

1. Sau loạn Hoàng Sào, nhà Đường suy nhược. Tiết độ sứ các trấn nổi lên chống lại triều đình, mỗi người tự tạo một địa vị độc lập.

Rốt cuộc Chu Toàn Trung, ở trấn Đại Lương, cướp

được ngôi Đường, lập lên nhà Hậu Lương. Nhưng không bao lâu ngôi vua lại về tay kẻ khác và cứ như thế trải qua 53 năm (từ 907-960) gồm có năm đời Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Hán, Hậu Tấn, Hậu Chu, tổng cộng 13 vua: sử gọi là Ngũ đại.

Thời Ngũ đại, những người xung hùng dựng thành mười nước độc lập; sử gọi là Thập quốc.

Đời Hậu Chu, vua Thế Tôn mất, con là Tôn Huân lên ngôi xưng là Cung Đế. Vua Cung Đế mới có bảy tuổi, bọn quân nhân muốn nhân đó cướp ngôi. Triệu Khuông Dẫn được lệnh đem quân đi dẹp giặc. Đến Trần Kiều, Khuông Dẫn gây thành cuộc binh biến khiến tướng sĩ đem hoàng bào mặc cho mình rồi xưng đế, đem binh trở về Biện Kinh bỏ Cung Đế lập thành nhà Tống tức là Tống Thái Tổ.

Lên ngôi xong, Thái Tổ lo bình định Thập quốc: phía Đông nam đánh Nam Đường và Ngô Việt, phía Nam, đánh Nam Bình và Nam Hán; phía Tây đánh Hậu Thục; phía Bắc đánh Bắc Hán. Các nước ấy đều thua cả, trừ Bắc Hán đến Thái Tôn mới dẹp xong. Từ đó nước Tàu được thống nhất.

Muốn tránh cái họa tiếm đoạt thường xảy ra. Thái Tổ tìm cách giải trừ binh quyền của công thần, triệt để lập chế độ trung ương tập quyền, đem tất cả đất đai, binh lực, tài chính của các phiên trấn ngày trước qui tụ vào triều đình trung ương cả. Đồng thời Thái Tổ tổ chức quyền trung ương thành Trung thư sảnh coi việc chính trị, khu mật viện coi việc binh lính, Tam ti sự coi việc tài chính và đặt

chức Ngự sử trung thừa giữ quyền giám sát. Các cơ quan này đối với nhau thì độc lập nhưng đều họp lại trong tay hoàng đế⁽¹⁾. Chính sách này tuy nhất thời làm cho địa vị hoàng đế vững chắc hơn, nhưng trái lại cũng gây ra nhiều hậu quả tai hại. Một là những người tài năng không được dùng ở biên trấn đều tụ về kinh đô, mà ở đây thì chức vụ cao trọng có hạn. Người thừa chỗ thiếu, họ kết bè lập đảng tranh giành địa vị của nhau khiến chính trị trong nước phải hư nát. Hai là quân lính luân phiên mãi thì sự luyện tập không chu đáo; các quan văn thay tiết độ sứ thì kinh nghiệm không đủ chỉ huy; khi có giặc sức đương cự với quân địch tất nhiên phải thiếu. Ba là lúc mất mùa đói kém chính phủ dùng chính sách chiêu mộ những người thất nghiệp, lưu manh vào quân đội quá đông làm cho tài chính trong nước vì phải nuôi một số lính quá lớn mà phải hao hụt. Ba cái kết quả ấy về sau hãm nhà Tống vào một tình thế hết sức nguy ngập.

2. Ngoại trừ những khuyết điểm nói trên, chế độ trung ương tập quyền và sự thống nhất lãnh thổ làm thành một

(1) Ở phiên trấn có tiết độ sứ nào từ chức hay chết thì triều đình cho quan văn đến thay. Việc quân chính và dân chính có thông phán xem xét và tâu lên triều đình. Lực lượng các tiết độ sứ đều tập trung về trung ương. Ở các lộ có quan chuyển vận sứ kiểm điểm việc thu xuất tài chính, số thừa phải nộp về triều đình, mỗi năm triều đình cho quân sĩ ở kinh ra thay quân sĩ biên trấn để không ai được ở lâu một chỗ có thể gây tình quen thân với nhau và tạo thành một sức mạnh. Vua lại dùng chức của tể tướng Triệu Phổ hãm dọa các công thần có uy thế, buộc họ phải từ chức.

sức tiến triển mạnh của Trung Hoa.

Về kinh tế thì công nghệ phát đạt hơn đời Đường. Số thợ dùng trong xưởng dệt, xưởng nấu sắt, xưởng binh khí của tư nhân và của nhà nước lên tới số trăm, số ngàn, số vạn. Công nhân làm thuê ngày càng đông; số công nhân bắt buộc và nô tì thì giảm bớt. Điều ấy chứng tỏ công nghệ đã có một nền tảng vững chắc. Thủ công nghiệp cũng hợp thành những tổ chức cộng đồng rộng lớn không lấy khu vực lại lấy tinh đồng nghiệp làm tiêu chuẩn.

Đồng thời thương nghiệp cũng phát triển mạnh. Sự đi lại buôn bán không còn bị hạn chế trong khu vực nhỏ hẹp của các tay quân phiệt phong kiến ngày trước mà lại được thông suốt toàn cõi. Nền kinh tế đến đây đã có tính cách quốc gia. Một giai cấp thương nhân xuất hiện, trong đó có nhiều tay giàu lớn. Người ngoại quốc đến buôn bán ở các thương cảng Đông Nam nước Tàu như Quảng Châu, Tuyên Châu và Hàng Châu rất nhiều. Nhiều đô thị lớn được thành lập, dân số có đến hàng trăm ngàn người.

Tiền tệ thì ngoài vàng, bạc, tơ lụa, người Tống đã biết dùng tiền giấy do các nhà phú hào làm ra gọi là *giao tử*. Đến đời Nhân Tôn chính phủ giữ lấy quyền phát hành giao tử, nhưng mỗi kì số phát ra không được quá 1.256.340 quan. Giao tử là thứ tiền giấy cổ nhất.

Nông nghiệp thì nhà Tống lo cứu vãn lại tình hình nguy ngập của thời Ngũ đại để lại. Thời ấy vì loạn lạc mà ruộng đất một phần phải bỏ hoang, một phần lọt vào tay quý tộc, quan liêu, địa chủ thương nhân. Vì lẽ ấy mà

sang đời Tống, lúc đầu nông nghiệp không theo kịp công nghiệp và thương mại. Nông dân không đủ ruộng đất cấy cày, mặc dầu nhà nước chú ý khai khẩn thêm nhiều. Đã vậy mà nông dân còn phải chịu lắm phụ đũa. Ngoài thuế ruộng họ còn nộp những món thuế phụ gia đình (tức là thuế đặc biệt ngoài thuế chính) thuế đình và các tạp thuế khác. Đời Nam Tống chiến tranh càng nhiều hơn, nhân dân phải gánh thêm những số chiến phí lớn. Có năm họ phải đóng góp tới gần 100 triệu quan.

Phương diện trí thức thì Nho giáo được dùng làm một lợi khí thống trị của bọn quan liêu. Các học giả đời Tống đem tư tưởng Lão, Trang pha lộn tư tưởng Khổng Tử tạo thành một thứ Tân Khổng giáo nhằm mục đích vừa chế ngự bọn anh hùng phong kiến muốn thoát li quyền lực hoàng đế như thời Ngũ đại, vừa dập tắt tinh thần quật cường của nông dân phần uất, vừa chi phối áp lực của người ngoại tộc Liêu Kim, đã chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc rất nhiều⁽¹⁾.

Các triết gia Trung Quốc đồng thời là những tay văn chương lỗi lạc vừa là học giả uyên thâm, tận lực chú giải học thuyết Khổng Tử, dựng lên một học phái duy lí và tự nhiên. Người đại diện của phái này là Chu Hy. Về Tống học trong sách *Trung Hoa sử cương* ông Đào Duy Anh có nói: “Tống học có tinh thần suy cứu bản thể Vũ trụ và bản

(1) Chu Liêm Khê, Trương Hoàn Cừ, Trình Minh Đạo, Trình Y Xuyên, Chu Hy là những học giả đề xướng Tống học.

tính nhân loại. Chu Tử giải thích câu “Trí tri tại cách vật” trong sách Đại học rằng: “Trí là suy đến tột mực, muốn cho không cái gì là không biết đến nơi đến chốn; cách là đến, vật là sự vật, tìm cho đến lí của sự vật, muốn chỗ đến chỗ cùng cực”. Điều ấy biểu thị một phương pháp qui nạp gần với khoa học. Song phương pháp qui nạp ấy không phát triển được đầy đủ, cho nên tự nhiên khoa học không phát triển được. Tống nho lại tinh về học huấn hữ và biểu hiện được tinh thần phê bình. Cái tinh thần tự do tư tưởng ấy mạnh nha được là nhờ ảnh hưởng kinh tế thương nghiệp phát đạt...”.

Về nghệ thuật đời Tống được coi như là thời đại quang vinh nhất. Văn nhân Tống vừa giữ lễ lối cổ điển từ Hán Dũ để lại, vừa làm cho văn thể được phóng thích, uyển chuyển, lưu loát hơn. Họ thi vị hóa văn xuôi, gạn bỏ những điển cổ đã làm cho lời văn nặng nề, tư tưởng tối tăm. Thơ đời Tống tự do hơn đời Đường. Đặc biệt nhất là loại từ, âm điệu phong phú, phổ vào nhạc được. Trong thơ ngoài cái đẹp nghệ thuật còn hàm súc tư tưởng triết lí nữa⁽¹⁾.

Hội họa Tống cũng đã đạt đến chỗ tinh vi. Họa sĩ không kể đến nguyên tắc viễn thị (principes de perspective) và thuật cho bóng. Bị người Tây phương chỉ trích, họa sĩ Trung Quốc bảo rằng thuật cho bóng làm cho bức

(1) Âu Dương Tu, Tô Tuân, Tô Thức, Tô Triệt, Tăng Củng, Vương An Thạch là những văn nhân thi sĩ danh tiếng nhất của nhà Tống và của Trung Hoa.

tranh mất vẻ đẹp, nguyên tắc viên thị làm hồng tinh thần nghệ thuật. Theo ý họ, họa phẩm không cốt diễn tả đúng sự thật mà làm bật nổi tinh thần của sự thật ấy. Phải chăng khuynh hướng nghệ thuật đã thiên về tượng trưng và ấn tượng? Một đặc điểm nữa là họa sĩ không dùng nhiều màu. Nước mực (thủy mặc) đủ cho họ tạo nên một bức tranh có sức cảm xúc phi thường. Họ bảo rằng đứng trước bức tranh thủy mặc khán giả có thể dùng tinh thần của mình mà thấy đủ màu sắc được.

Về đồ sành người Tống ghi được một tiến bộ tối quan trọng là họ tìm được nước men. Từ đời Thuấn, người Tàu đã biết nung đất để làm đồ dùng. Đời Đường đồ đất nung có phần tinh luyện, da mịn và không rịn nước. Sang đời Tống mới phát minh được nước men và vẽ được hình. Nhưng hình vẽ ấy chưa được tinh vi như đồ sành, đồ kiểu đời Minh. Trên nước men trắng ngà họ mới vẽ được những cành hoa, những dấu hiệu màu gạch thúi (ocre). Đồ sành có tiếng đời Tống để lại là đồ da rạn và đồ nước men màu lục lợt (céladon).

3. Nửa thế kỉ đầu, nhà Tống thúc đẩy được nước Tàu tiến mạnh trên đường thịnh vượng. Nhưng đời sống thái bình làm cho quân lính trở thành vô dụng, mất hết năng lực chiến đấu. Cho nên khi vua Thái Tôn đem quân lên phía Bắc toan khôi phục lại đất Vân, đất Yên bị người Liêu chiếm thì chẳng những cả ba đạo quân của ông đều bị thua to mà người Liêu còn thừa cơ hội ấy xâm lấn miền Bắc, làm cho nhân dân phải khốn khổ.

Năm 1125, người Liêu vượt qua biên giới, chiếm thủ đô

Khai Phong ở hạ vực sông Hoàng Hà. Quân đội nhà Tống không đủ sức ngăn cản nên triều đình phải xin nghị hòa, phải nộp cho Liêu mỗi năm 10 vạn lạng bạc, 20 vạn tấm lụa để quân Liêu rút về⁽¹⁾.

Từ đó nước Tống yếu thế. Tiếng thì trăm năm sau hai nước Liêu Tống vẫn giao hảo với nhau mà sự thật thì Tống bị Liêu bức sách đủ điều.

Lãnh thổ của Liêu hồi ấy gồm cả Đông Tam Tỉnh, Mông Cổ, Tân Cương và đất Yên, đất Vân tức là bắc bộ tỉnh Hà Bắc, Sơn Tây ngày nay⁽²⁾.

Ngoài áp lực của Bắc Liêu, Tống còn bị áp lực của Tây Hạ⁽³⁾ một nước ở phía Tây Bắc Tàu, giáp ranh với Liêu. Tây Hạ trước kia, dưới triều Đường cũng lệ thuộc Trung Quốc, và đòi Tống sơ cũng còn xưng thần. Nhưng sang đời Tống Chân Tôn, vua Tây Hạ là Nguyên Hạo biết hướng việc tổ chức xã hội Tây Hạ theo khuôn mẫu xã hội Trung Hoa, tự tạo lấy một sức mạnh rồi đánh lấy 18 châu Hà Tây tức là Bắc bộ các tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc, Tuy Viễn và đất Tây Sào, Mông Cổ ngày nay, lập thành một nước hùng cường,

(1) Trong sách *«Les grands courants de l'Histoire universelle»*, ông Jacques Pirenne nói Tống phải nộp cho Liêu mỗi năm 175.000 kí lô vàng và một triệu tấm lụa.

(2) Người Liêu nguyên là giống rợ Khiết Đan đến ở phía Bắc nước Tàu từ năm 836, chiếm cứ Bắc Kinh, lập thành một cường quốc và đến năm 1125 tiến quân về phía Nam đánh thắng được nước Tống.

(3) Người Tây Hạ là giống Tây Tạng.

hằng năm vào đánh phá Trung Quốc.

Nhà Tống vì còn phải đối phó với nước Liêu nên đành phải cầu hòa với Tây Hạ và chịu cống nạp trà 25 vạn rưỡi cân, và bạc 25 vạn rưỡi lạng như đã nộp cho Liêu.

4. Ngoài áp lực Bắc Liêu, Tây Hạ bên ngoài, triều đình Tống còn phải đối phó với những phong trào biến loạn bên trong. Nông dân vì không kham nổi thuế má và sự bóc lột của bọn địa chủ, bọn cho vay nặng lãi, nổi lên phản đối chính phủ. Họ nêu lên khẩu hiệu “chia của” để thúc đẩy phong trào⁽¹⁾. Tình trạng nhà Tống mỗi ngày một nguy ngập, nhưng triều đình không biết phải xử trí cách nào.

Lúc ấy có Vương An Thạch đưa kế hoạch cải cách gọi là *Tân pháp* gồm có mấy điểm sau này:

Phép thanh miêu. Chính phủ cho dân vay tiền khi lúa còn xanh, đến khi lúa chín thì trả lại với hai phân lời, (Vay của địa chủ phải trả đến 100 phân lời) mục đích giúp nông dân tránh nạn cho vay nặng lãi.

Phép miễn dịch. Người nào không làm sưu dịch được thì lấy tiền nộp thay. Nhà nước lấy tiền ấy mướn người thất nghiệp, mục đích thêm công ăn việc làm cho dân.

Phép thị dịch. Nhà nước mua lại các nhà buôn những

(1) Đòi Thái Tôn nhà Bắc Tống Vương Tiểu Ba khởi loạn ở Tứ Xuyên giết hại quan lại và phú hào rất nhiều (993). Đòi Huy Tôn nhà Bắc Tống, Phương Lạp phản loạn ở Chiết Giang tàn phá cả miền Giang Nam (1120). Đòi Cao Tôn nhà Nam Tống, Chung Tương và Dương Yên nổi loạn ở Hà Nam. Ở Hoài Nam, Tống Giang chiếm cả vùng Kinh Đông và Giang Bắc. Truyện bọn Tống Giang được viết thành tiểu thuyết, tức bộ *Thủy Hử*.

hàng hóa không bán được để bán, còn các nhà buôn cần tiền, thì nhà nước cho vay với số lời nhẹ, mục đích là giúp tiểu thương và tiểu công nghệ đứng vững được.

Phép phương điền, quân thuế. Đo ruộng đất cho đúng để đánh thuế cho đều.

Phép bảo giáp. Dùng dân thay cho lính để tập cho họ biết phòng vệ địa phương, đến khi hữu sự họ có thể đi lính được.

Vương An Thạch sa thải quân sĩ già yếu, mộ thợ giỏi để chế tạo binh khí, cốt ý tổ chức một đội binh hùng hậu đủ sức giữ gìn bờ cõi.

Phép bảo mã. Giao ngựa cho dân nuôi, và miễn thuế cho người nào nuôi được, mục đích là khuyến khích sự nuôi ngựa, phòng khi chiến tranh có nhiều ngựa mà dùng.

Phép nông điền thủy lợi. Nhắm vào mục đích làm cho đất ruộng sanh sản được nhiều.

Vương An Thạch có đặt một cơ quan chính lí tài chính tại kinh đô gọi là Tam ti điều lệ ti có nhiệm vụ ghi chép những món tiêu phí của quốc gia hàng năm, biên thành sách tịch để ban bố khắp nước. Nhờ sự chính lí ấy mà số tiền tiêu phí vô ích được giảm đến bốn phần mười. Số tiền lợi ra đó, được dùng để tăng lương bổng cho quan lại hầu tránh nạn những nhiều dân.

Vương An Thạch còn cho lập trường học khắp nơi; cho dạy các khoa học chuyên môn như luật học, y học và dùng người có chân tài làm thầy dạy.

Chương trình cải cách của Vương An Thạch kể ra

có lợi rất nhiều cho nhà Tống và nước Tàu bây giờ. Nhưng bọn quan lại thủ cựu, bọn địa chủ, phú hào, bọn cho vay nặng lãi hết sức phản đối. Trong triều chia ra làm hai phe: *cựu đảng*⁽¹⁾ và *tân đảng*⁽²⁾ kình chống nhau không ngớt, khiến cho chính trị trong nước càng thối nát thêm. Những kẻ có phận sự thực hiện cải cách lại không làm đúng, nên kết quả không ai thỏa mãn được, mọi người đều bất bình.

Giữa lúc ấy thì nước Liêu xâm lấn cương giới phía Tây, lấy mất bảo trăm dặm đất, phía Nam cuộc viễn chinh đánh Giao Chỉ (Việt Nam) bị thất bại làm cho Trung Hoa thêm hao binh tổn tướng.

Tống Thần Tôn mất, Triết Tôn còn nhỏ. Triều đình qui tội làm lụn bại quốc gia cho các nhà “cải cách”. Bà Thái hoàng hậu Cao Thị cầm quyền chánh cho vòì Tư Mã Quang thủ lãnh cựu đảng ra làm tể tướng thay Vương An Thạch và bãi bỏ hết Tân pháp.

Không bao lâu, Tư Mã Quang mất, cựu đảng lại chia làm ba phái⁽³⁾ tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau. Nhưng khi Triết Tôn thân chinh thì ông lại dùng người của tân đảng. Bọn này đem Tân pháp của Vương An Thạch ra dùng và

(1) Cựu đảng gồm có Tư Mã Quang, Hàn Kỳ, Phú Bật, Âu Dương Tu v.v...

(2) Tân đảng gồm có Lã Huệ Khanh, Chương Đôn v.v...

(3) Phái Lạc do Trình Hy cầm đầu, phái Thục do Tô Thức cầm đầu, phái Sóc do Lưu Chi cầm đầu.

giết hại người của cựu đảng ngót ngàn nhà.

Đến đời Huy Tôn, thì chính quyền lại lọt vào tay đàn bà, tức là Thái hậu Hường Thị. Thấy cái họa đảng tranh làm cho quốc gia càng ngày càng suy nhược thêm, Thái hậu muốn dung hòa hai phe tân, cựu. Hàn Trung Ngạn cựu đảng và Tăng Bố tân đảng, cùng được cử làm Tướng quốc.

Nhưng kết quả cái họa bè đảng không dứt được. Hai người được vua Huy Tôn tin dùng là hoạn quan Đồng Quân và Sài Kinh thuộc tân đảng. Tuy Sài Kinh theo Tân pháp của Vương An Thạch, nhưng cốt dùng Tân pháp làm lợi khí chống lại phe địch chớ không cốt lo sửa sang việc nước. Về sau, bỏ cả Tân pháp, ông chỉ biết xài phí của nước, đục khoét nhân dân, làm cho nước thêm nghèo, dân thêm khổ. Triều đình còn phạm lỗi chính trị rất lớn là muốn gây uy thế mà nghe lời Đồng Quân liên minh với nước Kim đánh nước Liêu, để sau khi dẹp Liêu Tống bị Kim xâm lấn.

5. Người Kim nguyên là các giống rợ Nữ – Chân gọi là Sinh nữ chân và Thục nữ chân ở khoảng thượng du sông Hắc Long. Thời Ngũ đại rợ này lệ thuộc nước Liêu. Đến đời vua Tôn Chân nước Liêu, tù trưởng rợ Sinh nữ chân nổi lên, xưng vương, đặt tên nước là Đại Kim và đem quân xâm lấn nước Liêu, chiếm được Trung Kinh. Vua Liêu là Thiện Tộ phải trốn.

Triều Tống tưởng có thể nhân tình thế suy nhược của Liêu hợp sức với Kim để lấy lại những đất đai bị Liêu chiếm ngày trước. Nhưng kết quả quân Tống đánh không

lại quân Liêu mà đất đai thì lọt vào tay Kim cả.

Diệt xong Liêu, Kim không chia cho Tống một tấc đất nào đã lấy được của Liêu, còn bắt Tống phải nộp mỗi năm một triệu quan tiền và 200 ngàn thạch lương mới chịu trả đất Yên Kinh (Bắc Kinh) và 6 châu lại cho Tống.

Nhưng Tống chưa kịp nộp tiền và lương thì Kim đã kéo quân sang vây hãm Biện Kinh, bắt Thượng hoàng Huy Tôn, vua Khâm Tôn cùng hậu phi, hoàng tộc hơn 3 ngàn người đem về Bắc.

Nhà Bắc Tống đến đây là dứt.

TÓM TẮT

1. Sau loạn Hoàng Sào, nước Tàu gặp loạn Ngũ đại. Trong khoảng 53 năm các nhà Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Hán, Hậu Tấn, Hậu Chu nối tiếp nhau. Đến đời Hậu Chu Triệu Khuông Dẫn cướp ngôi Cung đế lập thành nhà Tống và thống nhất Trung Hoa.

Lên ngôi, Triệu Khuông Dẫn liền bãi bỏ chế độ tiết độ sứ, thiết lập chính phủ trung ương tập quyền, làm cho quyền hoàng đế kiên cố hơn trước.

2. Kinh tế nước Tống phát triển mạnh. Công nghệ, thương mại đều sung thịnh hơn đời Đường. Giao dịch với ngoại quốc mở rộng; thương cảnh lớn thêm. Tiền

giấy đầu tiên gọi là giao tử được phát hành. Về nông nghiệp, chính phủ tu chỉnh tình hình hoang phế từ Ngũ Đại, nhưng đời sống nông dân còn kham khổ lắm.

Các học giả Trung Hoa do Chu Hy cầm đầu sửa đổi Khổng giáo làm thành một lợi khí đặc lực của chế độ quân chủ chuyên chế. Văn thơ Tống đến lúc cực thịnh. Văn thể phóng dật, uyển chuyển, nội dung thâm sâu, ý vị. Hội họa có lối thủy mặc là đặc biệt nhất. Đồ sành thì người Tống tìm được nước men.

3. Đến đời Thái Tôn, nước Tống bị Liêu và Tây Hạ áp bức. Triều đình phải nạp rất nhiều vàng và lụa cho hai nước ấy mới được họ để yên. Trong lúc ấy nông dân bị bóc lột nổi lên làm loạn.

4. Để cứu nguy, Vương An Thạch cho thi hành Tân Pháp để dân đỡ nghèo và nước đủ sức đương đầu với ngoại địch nhưng tân pháp bị bọn quan lại thủ cựu, địa chủ, phú hào phản đối và kẻ thừa hành không làm đúng.

5. Kết quả tình hình trong nước rối thêm. Về sau nước Tống kết liên với người Kim đánh Liêu. Nhưng khi diệt được Liêu, Kim quay lại xâm lấn Tống, bắt giam thượng hoàng và vua, dứt nhà Bắc Tống.

CHƯƠNG II

NHÀ NAM TỐNG (1131 – 1280)

- 1. Nam Tống, dưới áp lực người Kim.*
- 2. Người Mông Cổ mở cuộc xâm lăng.*
- 3. Mông Cổ tiêu diệt nước Kim và nước Tống.*

1. Quân Kim bắt Huy Tôn và Khâm Tôn đem về Bắc giam ở Ngũ Quốc Thành, rồi lập Trương Bang Xương làm Sở đế. Khanh Vương là em Khâm Tôn trốn thoát được chạy phía Nam xưng đế lấy hiệu là Cao Tôn.

Những người theo phò Cao Tôn chia làm hai phái, một phái chủ chiến gồm có bọn Lý Can, Tôn Trạch v.v... một phía chủ hòa gồm có bọn Hoàng Tiềm Thiện, Ưng Bá Ngạn. Vua nghe lời phái chủ hòa, ngăn trở sức chống giặc của phái chủ chiến. Lý Can làm tướng được hơn hai tháng thì bị bãi bỏ. Tôn Trạch cố sức cầm chum quân Kim ở đất Biện được ít lâu, nhưng không được vua nghe, cũng buồn mà chết.

Từ đó quân Kim lại tiến lên, khí thế càng ngày càng mạnh. Vua Cao Tôn phải chạy về Hàng Châu ra Lâm An Phủ dùng làm quốc đô và thành lập nước Nam Tống.

Không bao lâu, người Kim lại động binh nữa. Lần này họ gặp sức chống cự quyết liệt của Lưu Kỳ, Hàn Thế Trung, Nhạc Phi. Nhưng trong lúc Nhạc Phi đánh đuổi quân Kim gần tới Biện Kinh thì tể tướng Tần Cối nhất định chủ hòa cho triều Nhạc Phi về triều và lập mưu giết đi.

Từ đó Nam Tống lại phải cắt đất cầu hòa. Vua Tống phải xưng thần, chịu cho vua Kim sách phong và mỗi năm phải nộp cống 200 ngàn lạng bạc và 200 ngàn tấm lụa.

Cao Tôn mất, Hiếu Tôn có ý khôi phục lại nước, nhiều lần tuyên chiến với Kim mà không kết quả. Hiếu Tôn truyền ngôi cho Quang Tôn, nhưng Quang Tôn vì hay đau yếu phải truyền lại cho Ninh Tôn. Trong đời Ninh Tôn tể tướng Hà Sá Trụ nhân vua Thế Tôn nước Kim mất, trong nước nhiều nơi nổi loạn xua binh bắt phạt. Kết quả quân Tống lại thua, đành thần phải giết Hà Sá Trụ, cắt thủ cấp đem nộp cho Kim để cầu hòa.

Như vậy trước sau Tống không thoát khỏi áp lực của Kim, và từ Huy Tôn trở về sau áp lực ấy lại còn nặng hơn gấp bội.

2. Trong lúc Kim và Tống kinh chống nhau thì phía sau nước Kim có giống người Mông Cổ gọi là Oirat nổi lên. Khi nước Kim mới dấy, giống người này thường cho họ mượn binh, nhưng về sau vì có nước Kim thù báo không đúng lời giao ước nên họ quay lại chống Kim, lập thành một nước gọi là Đại Mông Cổ, xưng độc lập. Nước Kim nhiều lần đem binh đánh dẹp, nhưng bị thua, phải cắt đất nhường cho họ và hằng năm phải nộp thêm bò, dê, ngựa,

gạo. Đến cuối thế kỉ 12 thì trong một bộ lạc Oirat có Thiết Mộc Chân xuất hiện.

Nguyên là tù trưởng thị tộc rồi lên tù trưởng bộ lạc, Thiết Mộc Chân kết hợp được các bộ lạc Oirat, đánh dẹp được người Tartate, người Kerait, và năm 1206 nghiễm nhiên làm chúa đế quốc Mông Cổ tự xưng Thành Cát Tư Hãn tức là vua Thái Tổ nước Mông Cổ. Ông tổ chức được một đội kỵ binh rất lớn, gồm 15 ngàn người, rồi từ vùng núi Altai tràn xuống các tỉnh phía Bắc Trung Hoa do người Kim chiếm giữ, tàn sát hết dân chúng trên lãnh thổ chiếm cứ được. Năm 1215, thành Bắc Kinh bị tàn phá và dân trong thành bị tận diệt. Thiết Mộc Chân toan giết luôn mười triệu dân các tỉnh thành thuộc nước Kim, và làm cho đất đai trở thành hoang địa để nuôi súc vật thì có một hoàng thân nước Kim bị bắt ở Bắc Kinh khuyên nên để dân chúng sống và bắt họ nộp cống 500 ngàn lạng bạc, 80 ngàn tấm lụa và 400 ngàn hộ lương. Thiết Mộc Chân nghe theo và dựa vào nguyên tắc ấy cho đánh thuế. Từ đó sự giết chóc dã man bớt dần.

Giao việc chinh phục nước Kim cho bộ hạ, Thiết Mộc Chân quay sang phía Tây, bình định các nước miền Trung Á rồi một mặt cho người thẳng sang châu Âu, vòng biển Caspienne vượt núi Ural, tiến tới Crimée, và cửa sông Danube; một mặt khác ông quay về phía Đông diệt nước Tây Hạ, để rồi tiến đánh nước Kim. Nhưng chưa hạ được Kim thì mắc bệnh chết tại núi Lạc Bàn (năm 1226).

3. Oa Khoát Đài, con Thành Cát Tư Hãn, lên nối ngôi Đại Hãn tức là vua Thái Tôn nhà Nguyên, Oa Khoát Đài

liên kết với nước Tống đánh nước Kim. Thành Biện Kinh thất thủ, Kim chủ trốn thoát nhưng không bao lâu phải tự vận; vợ con bị quân giặc bắt cả. Đến đây nước Kim bị tiêu diệt, ngôi truyền được chín đời vua, cộng 20 năm.

Kim mất rồi, thanh thế Mông Cổ càng ngày càng lớn. Oa Khoát Đài một mặt sai Bột Đô sang đánh châu Âu, một mặt sai Đường Cổ đánh Cao Ly và con là Khoát Đoan đánh Tống. Giữa lúc ấy thì Oa Khoát Đài chết (1241), công cuộc chinh phục châu Âu lại phải đình.

Mông Kha lên ngôi Đại Hãn, sai em là Hốt Liệt Ngột đem binh tiến sang phía Tây chiếm Tây bộ Châu Á⁽¹⁾, và Hốt Tất Liệt bình định nước Đại Lý (Vân Nam) chiếm nước Thổ Phồn, còn mình thì đem quân đánh Tống (1252) chiếm tỉnh Tứ Xuyên, vây Hiệp Châu. Nhưng Hiệp Châu chưa hạ được thì Mông Kha chết. Hốt Tất Liệt tiếp tục cuộc chinh phục nước Tống. Thừa tướng Tống là Giả Tự Đạo phải cắt đầu để cầu hòa.

Hốt Tất Liệt lên ngôi, đổi quốc hiệu là Nguyên tức là Nguyên Thế Tổ, dời đô về Yên Kinh và gọi là Đại đô (1271). Công cuộc đánh Tống vẫn tiếp tục, quân Nguyên hạ thành Nam Kinh (1275), giết hại đến triệu người, chiếm thành Quảng Châu (1276). Năm 1279, Thế Tôn đem quân đánh Nam Tống. Định thần Tống không một ai lo chống giữ, nhà vua phải hạ lệnh cần vương, Văn Thiên Tường người

(1) Gồm nước Ba Tư, các nước Tiểu Á, các nước Ba Nhĩ Cán.

Giang Tây hưởng ứng, đem gia sản ra mộ quân lính đánh nhau với quân Nguyên. Vì thế yếu, Tường bị bắt, nhưng chịu chết chứ không chịu khuất phục nhà Nguyên. Quân Nguyên lại hạ thành Lâm An bắt luôn Cung Đế. Vua Đoan Tôn lên thay đóng đô ở Phúc Châu không bao lâu bị quân địch đuổi chạy ra đảo Can Châu và chết ở đấy. Quảng Vương, em vua Đoan Tôn, được lập làm vua ở đảo Nhai Sơn. Quân Nguyên lại kéo tới vây đánh nữa, thừa tướng Lục Tú Phu cõng vua nhảy xuống biển. Trương Thế Kiệt muốn theo đường thủy trốn sang Việt Nam, nhưng giữa đường gặp bão, thuyền chìm. Nhà Tống làm vua được 320 năm, ngôi truyền được mười tám đời.

TÓM TẮT

1. Khi người Kim bắt Huy Tôn và Khâm Tôn thì Khang Vương trốn về phía Nam lập thành nước Nam Tống. Tể tướng Tần Cối chủ trương hòa với Kim nên giết Nhạc Phi và tiêu diệt phe chủ chiến. Áp lực của Kim từ đó càng nặng nề hơn và nhà Nam Tống phải chịu lệ thuộc Kim.

2. Trong lúc Kim, Tống kình nhau thì người Mông Cổ do Thành Cát Tư Hãn cầm đầu lập thành nước Đại Mông Cổ, cho quân chiếm cứ các tỉnh miền Bắc Trung Hoa và tràn sang châu Âu.

3. Oa Khoát Đài, con Thành Cát Tư Hãn diệt được nước Kim rồi tiếp tục đánh châu Âu và Tống. Oa Khoát Đài chết, Mông Kha tiếp tục công việc chinh phục và sang đời Hốt Tất Liệt thì nhà Nam Tống cũng bị tiêu diệt.

CHƯƠNG III

NHÀ NGUYỄN (1279 – 1368)

- 1. Thành Cát Tư Hãn thành lập đế quốc Mông Cổ.*
- 2. Ảnh hưởng các nước văn minh, nhất là Trung Quốc, đối với người Mông Cổ.*
- 3. Chính sách thống trị của người Mông Cổ ở Trung Hoa.*
- 4. Đế quốc Mông Cổ sụp đổ.*

1. Diệt được Tống người Mông Cổ chiếm toàn bộ Trung Quốc. Đế quốc Mông Cổ bấy giờ mở rộng phía Đông đến Cao Ly, phía Bắc đến Tây Bá Lợi Á, phía Nam đến Hy Mã Lạp Sơn phía Tây gồm một phần bán đảo Tiểu Á và một phần nước Nga.

Giống Mông Cổ nguyên là một trong những giống dân du mục ở vùng hoang địa Bắc bộ châu Á từ biển Caspienne đến Trung Hoa. Đến thế kỉ 12, phần đông các giống dân ấy còn man rợ. Văn minh của họ là văn minh du mục từ xưa để lại. Xã hội chia thành giai cấp, trên là bọn tù trưởng cùng võ sĩ làm thành giai cấp quý tộc, dưới là giai cấp nô lệ gồm những bộ lạc bại trận bị bắt chăn nuôi súc vật và đi

lính. Giai cấp quý tộc bầu tù trưởng. Và các tù trưởng họp lại cử lên một Khả hãn⁽¹⁾.

Vì không ở yên một chỗ, các giống dân ấy dùng lều làm nhà ở, xê dịch bằng ngựa hoặc bằng xe. Chỗ nào có tù trưởng hoặc Khả hãn ở thì họ lập thành trại lớn. Họ đã man đến nỗi coi sinh mạng con người như cỏ rác. Khi nào chiếm cứ được một xứ văn minh hơn thì họ giết chết hết dân chúng, và để đất đai trở thành hoang địa dùng làm đồng nuôi súc vật.

Phía Tây hồ Baikal có giống người Mông Cổ “Oirat” (nghĩa là liên kết) sống kế cận người Tartare⁽²⁾ một giống du mục dã man nhất ở phía Bắc Mãn Châu. Người Oirat chia thành bộ lạc. Các bộ lạc này khi thì đánh nhau, khi thì hợp nhau để đi đánh nơi khác. Thành Cát Tư Hãn xuất thân từ một trong những bộ lạc man rợ này như chương trên đã nói.

2. Bởi vậy chiến tranh do Thành Cát Tư Hãn gây ra thường tàn khốc chưa từng thấy trong xã hội loài người. Nhưng dần dần tiếp xúc với giống người văn minh hơn, Thành Cát Tư Hãn nhiễm văn hóa của họ. Nhất là người Thổ Nhĩ Kỳ và Mông Cổ tiến bộ hơn. Sau khi làm cho máu người chảy thành, thác xương người chất thành non, Thành Cát Tư Hãn biết lo lập lại trật tự, an ninh trên một

(1) Vua hay tù trưởng các giống rợ Thát Đát, Mông Cổ.

(2) Rợ Thát Đát.

vùng đất rộng từ biển Caspienne tới Bắc Kinh, chấm dứt những cuộc xung đột tôn giáo giữa đạo Da Tô và đạo Hồi, và các cuộc chiến tranh phong kiến giữa người Thổ Nhĩ Kỳ ở Trung bộ châu Á.

Vừa chinh phục, Thành Cát Tư Hãn vừa lo việc tổ chức. Ngay từ lúc được cử làm Khả hãn các bộ lạc Mông Cổ, ông đã đem áp dụng hình luật xử tử những kẻ giết người, trộm cắp, oa trử, lừa dối, ngoại tình. Chính sách cai trị của ông là một chính sách hoàn toàn phong kiến. Vị *Khả hãn* đứng trên hết, rồi đến các vương thân quý tộc, tướng tá, mọi người đều phải trung thành với cá nhân Khả hãn. Quân đội cũng là quân đội phong kiến gồm có những người trong giai cấp quý phái và do những người quý phái cao cấp chỉ huy. Uy quyền của Khả hãn có tính cách thiêng liêng tuyệt đối, khác hẳn với uy quyền của quan lại. Vị *Khả hãn* thay trời mà trị dân, thể theo ý trời mà chinh phục. Tuy nhiên đối với tín ngưỡng địa phương, ông giữ thái độ dung hòa. Trong triều ông đặt chức đại phán quan và các bản án đều được ghi chép để làm nền tảng cho pháp luật trong nước.

Phong tục cũng thuần dân. Người Mông cổ không tàn sát, không cướp giết như buổi đầu mà biết bắt dân bị chinh phục nộp cống và triều đình đem cống vật chia cho bọn vương thân quý tộc tùy công trạng và địa vị mỗi người.

Khi Thành Cát Tư Hãn chết thì các con ông đã làm những ông vua có đủ triều đình, nghi lễ rồi. Về mặt lí thuyết, nguyên tắc bầu cử Khả hãn vẫn còn, nhưng về mặt thật tế thì ngôi vua có tính cách truyền nối. Thành Cát Tư

Hãn chọn con thứ ba là Oa Khoát Đài để truyền ngôi. Hội đồng quý tộc chấp thuận nhưng vì đế quốc Mông Cổ rộng quá nên phải chia đất đai cho các con khác: Sát Hãn Đài, Khâm Sát và Ý Nhĩ.

Oa Khoát Đài đóng đô ở trung tâm Mông Cổ, và tổ chức việc cai trị theo thể thức xã hội Trung Hoa. Để thành lập ngân khố, ông cho đánh thuế; người Tàu thuộc nước Kim trước kia phải nộp thuế từng gia đình, dân thành thị nộp từng đầu người; dân Mông Cổ cũng phải nộp 10% số súc vật họ chăn nuôi.

Các xứ bị chiếm giữ nên cai trị riêng của mình. Các thân vương Mông Cổ được phong thái ấp rất lớn tại đất Mông Cổ. Họ là phiên tướng hoặc đại diện Khã hãn ở các địa phương. Quân đội cũng trở thành một tổ chức thường trực chừng 12 vạn người.

Nhiều trường học được mở ở Bắc Kinh làm chỗ khai hóa con cái hàng quý tộc để họ theo kịp các dân tộc văn minh. Oa Khoát Đài muốn cho các nước trong đế quốc được hưởng trật tự, thái bình và thịnh vượng. Tuy nhiên những nước chưa chinh phục được vẫn bị tàn phá, các dân tộc chưa khuất phục vẫn bị đàn áp một cách tàn nhẫn.

3. Đời Mông Kha (Nguyên Hiến Tôn) thì đế quốc đã thịnh cường đến tột bậc. Bộ máy cai trị đã vững chắc, đều đặn. Vị Đại hãn chẳng những là một lãnh tụ chính trị mà là một lãnh tụ các giáo phái nữa. Đời Hốt Tất Liệt (Thế Tôn) thì đế quốc mở rộng về phía Nam. Thế Tôn gây ảnh hưởng đến Ấn Độ, Nam Dương quần đảo, Chiêm Thành,

Chà Và (Java). Trong cuộc xâm lăng ấy, quân Nguyên chỉ thua Nhật Bản và Việt Nam mà thôi. Năm 1274 Thế Tôn gọi một đội chiến thuyền 900 chiếc sang Nhật, nhưng không thắng nổi người Nhật, đến 1281 lại gọi 4000 chiếc nữa. Lần này hạm đội gặp bão giữa đường. Năm 1282 vua Nguyên cho thái tử là Thoát Hoan sang đánh Việt Nam, quân Nguyên cũng lại thua, và năm 1287, họ đại bại tại Việt Nam một lần nữa. Những lần thất bại này tất nhiên làm cho thế lực nhà Nguyên ở Trung Quốc giảm đi nhiều lắm và cũng là một trong những nguyên nhân suy vong của họ sào này.

Vì rộng lớn quá mà không bao lâu để quốc Mông Cổ bị phân liệt. Khi Thế Tôn xưng đế ở Trung Quốc, thì A Lý Bất Kha em vua, cũng tự lập làm vua ở Hòa Lâm, các thân vương khác giúp Hải Đô, cháu vua, nổi loạn ở phía Bắc. Chính lệnh của Đại Hãn không được mọi nơi tôn trọng và mỗi khi có việc truyền ngôi Đại Hãn thì mỗi lần xảy ra chuyện tranh giành làm cho cơ nghiệp nhà Nguyên phải sụp đổ.

Trong đời Thế Tôn lại hay xảy ra việc đánh dẹp, chinh phục khiến nhân dân phải chịu nhiều đảm phụ, nổi cơ cực vì thế mỗi ngày một chồng chất thêm.

Giữa người Mông Cổ và người Hán, triều đình có một thái độ chênh lệch. Bao nhiêu chức vụ cao trọng về chính trị, quân sự đều giao cho người Mông Cổ. Người Hán chỉ được giữ những địa vị phụ thuộc và luôn luôn bị đề phòng. Bởi vậy toàn thể dân tộc Hán từ quý tộc đến nông dân

không ai bằng lòng chế độ nhà Nguyên và họ chờ cơ hội để nổi dậy⁽¹⁾.

Đời Thuận đế chính trị nhà Nguyên gặp nhiều khó khăn về tài chính. Thuế mà không đủ cung cấp cho quân đội, bù đắp các khoản chi dùng quá độ của triều đình và quan lại. Các cuộc viễn chinh ở Nhật Bản, Nam Dương, Chiêm Tha²nh và Việt Nam hao tổn vô kể. Đầu thế kỉ thứ 14, cuộc giao thương với Ấn Độ, khi ấy bị người Thổ Nhĩ Kỳ xâm lấn, lại đình trệ thương mại ở Trung Hoa phải đình trệ theo. Ngân quỹ vì thế phải hao hụt. Để bù vào lỗ trống, nhà nước phát hành giấy bạc càng ngày càng nhiều, và không bao lâu vấp phải cái nạn lạm phát. Giá hàng lên

(1) Nhà Nguyên chia người trong nước làm bốn đẳng cấp: người Mông Cổ, người Sắc Mục (chỉ người Tây Vực và người Âu châu), người Hán (chỉ người Liêu và Kim còn sót lại) và người Nam (chỉ dân nước Tống trước). Trưởng quan các ti sảnh đều là người Mông Cổ hay người Sắc Mục, còn người Hán và người Nam chỉ làm những chức vụ phụ thuộc thôi. Nho sĩ bị người Mông Cổ miệt thị; họ thường có câu ví: “Thứ tám là đi, thứ chín là Nho, thứ mười là ăn mày”. Năm 1303, quan lại Trung Hoa bị bãi truất đến 18.473 người. Nhưng đến năm 1307, muốn mua chuộc phái nho gia để khỏi sinh biến loạn triều Nguyên giả đồ tôn Khổng Tử làm “Đại thành chí thánh tuyên vương”. “Muốn đề phòng nội loạn, họ cấm chỉ dân Giang Nam cầm binh khí, cứ 10 nhà đặt một giáp trường để giữ người Nam. Họ lại quý trọng bọn thầy tăng, để cho họ được tự do hoành ngược dân chúng. Khốn hại nhất là các vương công, và quan lại Mông Cổ tự do cướp ruộng đất của nông dân để làm mục trường và bắt người làm nô tì” (*Trung Hoa sử cương* Đào Duy Anh).

cao mặc dầu nhà nước dùng quyền lực hạn chế ở một mức nhất định. Dân chúng không sắm được nhu cầu cần thiết.

Sự lạm phát giấy bạc lại còn gây ảnh hưởng tai hại cho nền kinh tế trong xứ. Để cầm giá hàng hóa từ bên ngoài vào, nhà nước xuống chiếu bắt những người nhập cảng vàng, ngọc, hột trai đem những các thứ hàng này đổi lấy tiền giấy, nhưng tiền giấy chỉ dùng được trong xứ mà thôi. Trên thị trường ngoại quốc nó không có giá trị. Dần dần chính phủ chỉ huy kinh tế, thiết lập chế độ trao đổi hàng hóa. Kết quả trên thị trường quốc tế thương mại Trung Quốc bị sa sút, và trên thị trường trong xứ hàng hóa cũng không bán được. Sự xuất cảng nhập cảng đều bị đình trệ. Dân chúng không chịu dùng tiền giấy nữa; nền nội thương lâm vào một tình thế hết sức nguy ngập.

Hồi Nguyên mạt, nhân dân lại gặp nhiều tai ách. Nạn lụt và nạn sâu keo phá hoại mùa màng. Nhà nước lại không chăm lo việc thủy lợi, số nông sản không đủ nuôi dân.

Bao nhiêu họa hoạn ấy hợp với sự bức bách của quan lại địa chủ tạo thành một động lực cho phong trào nông dân bạo động và dân tộc tranh đấu.

4. Năm 1337, đời Thuấn Đế, Châu Quang Khanh nổi dậy ở Quảng Châu, Bạng Hồ ở Tín Dương Châu, và nông dân quật khởi nhiều nơi hoặc ở phía Nam hoặc ở phía Bắc.

Năm 1351, cha con Hàn Sơn Đồng lập Bạch Liên hội, lợi dụng tôn giáo để tổ hợp nông dân, gây nhiều ảnh hưởng ở Hà Nam và Giang Hoài. Hàn Sơn Đồng bị bắt. Con là Hàn Lam Nhi lại xưng đế. Đồng thời Trương Sĩ Thành chiếm đất

Ngô, Trần Hữu Lương chiếm Giang Châu, Châu Nguyên Chương chiếm Tập Khánh⁽¹⁾.

Tình hình nguy ngập đến như vậy mà trong triều Thuận Đế cứ ăn chơi dâm loạn, văn quan, võ tướng khuynh loát lẫn nhau, thái tử cũng mưu đồ soán đoạt nữa.

Trong đám hào kiệt làm loạn có thầy sãi Châu Nguyên Chương mạnh thế nhất. Năm 1367, Chương xưng vương, tuyên bố tranh đấu giải phóng dân tộc, thành lập chính phủ của người Trung Hoa, chiếm cứ vùng Giang Hoài, thống nhất phương Nam, tiêu diệt các anh hùng khác, rồi sai bọn Từ Đạt Thường, Ngô Xuân tiến lên phía Bắc, chiếm Bắc Kinh (1368) đánh đuổi Nguyên Thuận Đế về Mông Cổ, thu lại toàn bộ Trung Quốc, lên ngôi hoàng đế, định đô ở Tập Khánh (Nam Kinh) đổi quốc hiệu là Minh. Ấy là vua Minh Thái Tổ.

Nước Trung Hoa vào tay người Mông Cổ trong 89 năm (1279-1368) trải qua mười đời vua, nay lại trở về người Hán.

Vào giữa thế kỉ thứ 14, Tây bộ đế quốc Mông Cổ tan rã vì ảnh hưởng chế phong kiến Thổ Nhĩ Kỳ. Nền kinh tế thống nhất của Châu Á do Đại Hãn Mông Cổ thành lập, không thể đứng vững được. Khắp nơi, từ Tây sang Đông, các dân tộc dưới quyền đô hộ Mông Cổ đều nổi dậy. Sự quật khởi của dân tộc Hán ở Trung Hoa, năm 1368, là giai đoạn chót của đế quốc Mông Cổ.

(1) Bây giờ là Nam Kinh.

TÓM TẮT

1. Người Mông Cổ nguyên là một trong những giống dân du mục ở vùng hoang địa Bắc bộ Châu Á. Trong các giống du mục này có giống Oirat sống cạnh người Tartate. Thành Cát Tư Hãn là tù trưởng của một bộ lạc Oirat.

2. Khi bắt đầu cuộc chinh phục, người Mông Cổ tỏ ra hết sức tàn ác, nhưng dần dần họ biết theo kĩ cương của người văn minh để tổ chức đế quốc của họ.

3. Đời Mông Kha và Hốt Tất Liệt, đế quốc Mông Cổ cường thịnh đến cực điểm. Nhưng vì quá rộng lớn mà đế quốc ấy không bao lâu bị phân liệt. Chính sách cai trị của người Mông Cổ làm cho người Trung Hoa oán ghét và do đó phong trào dân tộc nổi dậy.

4. Đồng thời với phong trào nông dân bạo động các anh hùng đua nhau chiếm đất xưng vương. Trong bọn có Châu Nguyên Chương mạnh nhất. Chương biết được các anh hùng đuổi Nguyên Thuận Đế về Mông Cổ và thành lập nhà Minh.

CHƯƠNG IV

TRUNG HOA DƯỚI TRIỀU NGUYÊN

1. Kinh tế.

2. Chính trị, xã hội, văn hóa.

1. Nhà Tống mất, vị Đại Hãn Mông Cổ lấy Trung Hoa làm Trung tâm cho đế quốc Mông Cổ. Cho nên nói tới đế quốc Mông Cổ tức là nói tới Trung Hoa. Khi an ninh tái lập rồi, chính phủ lo mở mang đường sá, đào thêm sông ngòi, lập kho đụn, tóm lại là tạo những điều kiện phát triển đầy đủ cho quốc gia.

Các con đường giao thương từ Tây sang Đông bị gián đoạn từ trước được nối lại. Các thương nhân phương Tây đi lại dễ dàng. Trong số đó có Marco Polo, một thương nhân nước Ý từng lưu trú ở Trung Hoa mười bảy năm và theo những điều ông thuật lại thì về phương diện kinh tế. Trung Hoa không kém những nước phát đạt nhất Tây Âu chút nào.

Người Trung Hoa biết khai thác mỏ than đá trước hết. Tại miền Bắc dân chúng lấy than trong núi về đốt, than ấy được gọi là đá đen. Thứ đến, họ biết dùng sông ngòi trong

công việc vận tải. Con sông Dương Tử là mạch máu chủ yếu của kinh tế Trung Hoa. Marco Polo nói rằng thương thuyền và hàng hóa qua lại trên sông này nhiều đến nỗi tất cả thương thuyền và hàng hóa đi lại trên các biển và sông thuộc quyền Giáo hội Thiên chúa hợp lại cũng không bằng. Mỗi năm có đến hai trăm ngàn chiếc tàu chạy ngược dòng sông, không kể số tàu chạy xuôi.

Để chỉ huy nền nội thương khổng lồ ấy và để giao dịch với Ấn Độ, Nam Dương quần đảo, tại các thương cảng ở hạ lưu sông Dương Tử, Chiết Giang và vùng Quảng Châu có thành lập những thương đoàn đủ sức ganh đua với những trung tâm thương mại quan trọng nhất ở châu Âu như Flandre Florence.

Số phú thương ở Hàng Châu đông không kể xiết, và họ sống sang trọng như đế vương. Bắc Kinh là một trung tâm sản xuất tơ lụa. Mỗi ngày số lụa tải đến Bắc Kinh để dệt vải kim tuyến có đến ngàn xe. Giang Châu là thị trường buôn bán lúa lớn ở lưu vực Dương Tử; Hàng Châu là một thành thị lớn vào bậc nhất thế giới và là một hải cảng quan trọng nhất ở Trung Hoa. Marco Polo sánh Hàng Châu với Venice ở Ý. Vô số thương thuyền từ Ấn Độ, Nam Dương quần đảo tải tới đó các thứ gia vị rồi chở lụa qua Ấn Độ và các nước Hồi giáo. Các thương nhân Ả Rập, Ba Tư, Da Tô qui tụ lại đây đông lắm. Ngoài ra còn có những hải cảng quan trọng như Quảng Châu, Tuyên Châu, Ôn Châu.

Hải cảng Tuyên Châu là một trung tâm nhập cảng lớn nhất của Trung Hoa. Tất cả các thương thuyền Ấn chở gia

vị, ngọc trai, kim cương đều tới hải cảng này. Marco Polo nói rằng: trong lúc một chiếc tàu chở hồ tiêu từ Ấn Độ đến Alexadrie hay một hải cảng nào khác thì có trăm chiếc vào Tuyên Châu.

Marco Polo ca ngợi thứ tiền giấy (giao tử) mà ông cho là tiện lợi. Theo ông, các thương nhân đến Trung Hoa nhìn nhận thứ tiền ấy cũng có giá trị bằng vàng ròng.

Trên đại lục, các đường giao thông từ Đông sang Tây được khai thông. Nhà nước lo bảo vệ các đường quan, đặt trạm, tổ chức sự canh phòng nghiêm mật khiến thương đội qua lại khỏi nạn giặc cướp.

Một giáo sĩ danh tiếng, Odoric ca ngợi hệ thống bưu chính của người Mông Cổ như vậy: “Những kị sĩ cỡi những con “thiên lí mã” chạy dựng tóc. Khi gần tới trạm thì thổi còi lên báo hiệu. Thừa trạm nghe hiệu liền cho một kị mã khác hờm sẵn, chực người kia tới thì chụp lấy công văn, và cho ngựa phi tức khắc. Cứ như thế từ trạm này sang trạm khác. Tin tức từ những vùng cách ba ngày đi ngựa có thể tới tay Đại Hãn trong 24 tiếng đồng hồ.

Công nghệ cũng theo đà thương mại mà tiến triển. Nhà nước thành lập quan xưởng ở các địa phương, và dùng nô tì làm việc. Những xưởng của tư nhân thì chủ thuê thợ làm và trả tiền công. Công nghệ dật được phát đạt mạnh hơn hết.

2. Nếu về mặt kinh tế các vua nhà Nguyên đã để cho sự cố gắng và sáng kiến cá nhân được nảy nở tự do thì về mặt chính trị, họ tỏ ra chuyên chế. Quyền vua bao giờ

cũng tuyệt đối dựa trên một quân lực mạnh mẽ và pháp luật nghiêm khắc. Trong việc cai trị, Đại Hãn tin dùng người phương Tây hơn người bản xứ. Marco Polo làm quan với nhà Nguyên đến 17 năm và đảm nhận những chức vụ hết sức cao trọng⁽¹⁾.

Về phương diện tín ngưỡng, Đại Hãn Hốt Tất Liệt theo tục lệ Mông Cổ, dung dưỡng các tôn giáo.

Từ năm 1292, nhà nước tự chủ trương việc cúng tế, và miễn quân dịch cho các tu sĩ Phật giáo, Lão giáo⁽²⁾, Da Tô giáo, Hồi giáo. Da Tô giáo bắt đầu truyền bá sang Á Châu từ đó. Các giáo sĩ Da Tô theo chân các thương nhân sang Trung Quốc. Giáo hoàng Nicolas phái giáo sĩ Montcorvin sang Viễn Đông năm 1289 và được Đại Hãn Thành Tôn tiếp đón tử tế. Hai giáo đường Thiên chúa được thành lập ở Bắc Kinh. Không bao lâu hơn mười ngàn người Thát Đát theo đạo Da Tô.

Năm 1293 nhiều phái đoàn Da Tô giáo tới nữa. Họ được hoàng thành lập cơ sở truyền đạo khắp nước Tàu.

(1) Marco Polo làm thống đốc thành Giang Châu ba năm. Hình như ông được phái đi sứ ở Ấn Độ. Văn khố Trung Hoa có nhắc đến một người tên Polo từng tham dự vào hội đồng hoàng gia (H.C. Wells – *Esquisse de l'Histoire Universelle*). Marco Polo giữ những nhiệm vụ then chốt của Quốc gia (Jacque Pirenne – *Les grands courants de l'Histoire Universelle*).

(2) Có lẽ vì sự Lão giáo có ảnh hưởng đến nông dân, nên kinh sách của đạo này bị Đại Hãn truyền đốt hết. (*Les grands courants de l'Histoire Universelle*, J. Pirenne).

Một giáo sĩ Tuyền Châu được Đại Hãn cấp lương bổng, Giáo sĩ Odoric nói rằng Đại Hãn rất kính trọng đạo Da Tô và trong một cuộc hội kiến đã chân thành ôm hôn thập tự giá⁽¹⁾.

Ngoài ra các tôn giáo khác như Cảnh giáo, Hòa giáo, Hi Lạp giáo đều được tự do truyền bá. Nhưng chỉ có Phật giáo được tôn làm quốc giáo. Năm 1284, Thế Tôn cho sứ giả sang Tích Lan rước răng Phật và năm 1288, triều đình Nguyên đổi cung điện nhà Tống làm chùa.

Tóm lại, tại Mông Cổ qui tụ đủ các giống người Ấn Độ, Ý, Ba Tư, Ả Rập, Pháp, Trung Hoa, thuộc đủ giới giáo sĩ, tăng già, nghệ sĩ, thương nhân, thông thái.

Điều ấy chứng tỏ người Mông Cổ muốn đem yếu tố văn minh các nước truyền bá vào trong đế quốc mình.

Cùng với kinh tế, văn nghệ Trung Hoa dưới triều Nguyên cũng phát triển khá mạnh. Các tiểu thuyết gia bỏ dần những truyện thần tiên mà quay sang nghệ thuật tả chân.

(1) Theo H.G. Wells trong cuốn «*Esquisse de l'Histoire Universelle*» thì tại triều Mông Cổ đạo Da Tô bị thất bại... Các phái đoàn Da Tô tới Trung Hoa tỏ ra lợi dụng giáo lí của Jésus để củng cố sự thống trị của giáo hoàng trên thế giới. Vị sứ thần của giáo hoàng phái tới Bắc Kinh năm 1343 có vẻ là một nhà ngoại giao hơn là giáo sĩ. Khi nhà Nguyên đổ thì đạo Da Tô cũng mất hết thế lực. Dưới triều Minh và đến năm 1644, không ai nói tới đạo Da Tô ở Tàu nữa.

Nhưng thời đại Nguyên là thời đại của thuật hát tuồng⁽¹⁾, một thứ nghệ thuật thích hợp với đời sống kiêu sa của người Mông Cổ.

(1) Nghệ thuật hát tuồng hình như bắt đầu từ đời Đường. Tuồng hát đầu tiên là tuồng «*Đon hùng Tín tức Đường Thế Dân tại Lạc Dương Thành*». Sang đời Tống nghệ thuật đóng tuồng đã có sức cảm xúc mạnh đến nỗi khán giả tưởng sân khấu là đời thật. Đến đời Nguyên thì nghệ thuật này thịnh nhất và cũng được truyền sang nước ta từ đó.

TÓM TẮT

1. *Đẹp xong nhà Tống, người Mông Cổ lấy Trung Hoa làm Trung tâm cho đế quốc Mông Cổ. Dưới triều Nguyên kinh tế Trung Hoa phát triển mạnh, nhất là thương mại. Người ngoại quốc đem thổ sản tới Trung Hoa bán và mua tơ lụa chở về châu Âu. Marco Polo cho rằng Trung Hoa phồn thịnh không kém gì châu Âu mà còn có phần hơn nữa là khác.*

2. *Về chính trị, Nguyên vẫn tổ chức thành chế độ quân chủ chuyên chế. Nhưng về tín ngưỡng thì lại tỏ ra khoan hồng đối với các tôn giáo, có lẽ vì muốn dung hòa các lực lượng sống chung dựng trong đế quốc Mông Cổ. Các tôn giáo được tự do truyền bá nhưng chỉ Phật giáo được chọn làm quốc giáo. Về nghệ thuật, văn chương tả chân bắt đầu và nghệ thuật hát tuồng quan trọng nhất.*

CHƯƠNG V

ẤN ĐỘ VÀO THỜI TRUNG CỔ

1. *Lịch sử.*
2. *Văn minh.*
3. *Đạo Phật suy.*

1. Cuối Thượng cổ, Ấn Độ cũng như các đế quốc La Mã, Trung Hoa, Ba Tư, Saxe có một nền văn minh rất huy hoàng. Nhưng vào thời Trung cổ khi Đế quốc La Mã bị người rợ tới xâm lăng, tàn phá, khi đế quốc Trung Hoa chống đỡ một cách khó khăn áp lực của giống rợ phía Bắc đánh xuống, thì Ấn Độ không tránh khỏi làn sóng Hồi giáo từ phía Tây và phía Bắc tràn vào.

Hơn ba thế kỉ, tứ thế kỉ thứ 5 đến thứ 8, Ấn Độ ngăn được làn sóng ấy, nhưng đến năm 712, người Ả Rập chiếm đất Sind, rồi Mountan, mở rộng địa vực tới vùng hạ lưu Ấn Hà. Từ đó người Ả Rập hấp thụ khoa học Ấn, nhất là khoa thiên văn và y học. Nhưng không bao lâu quốc gia Ả Rập suy, người Ả Rập không còn giữ được tham vọng ở Ấn nữa. Những mối liên lạc tinh thần giữa hai giống người Ả Rập, Ấn Độ bị gián đoạn.

Tiếp theo người Ả Rập, một giống người khác, người Thổ Nhĩ Kỳ, từ vùng hoang địa Tân Cương tràn vào miền Tây Bắc Ấn Độ, và năm 933 chiếm cứ Glazna thành lập một vương quốc thuộc Hồi giáo.

Thế kỉ 11, các quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ đánh phá không ngớt Bắc bộ Ấn, xâm lấn tỉnh Penjab. Nhưng khi người Thổ Seljoucides xuất hiện ở Trung bộ châu Á thì vương quốc Glazna tan rã. Từ đó tỉnh Seistan và Penjab bị bọn phong kiến Thổ đánh phá, tranh giành không ngớt.

Năm 1192, một quốc vương xứ Glazna đánh thắng được quốc vương Hồi giáo ở Delhi đem một tên nô lệ, người Thổ, thay thế quốc vương này. Năm 1206 tên nô lệ ấy tự xưng là quốc vương Ấn. Các quốc vương Thổ ở Ấn chính là những người xây dựng nền đô hộ Thổ trên đất Ấn. Họ chia Bắc bộ Ấn thành ra thái địa và giao cho những người Thổ hoặc Ấn đã qui thuận họ cai trị. Bao nhiêu chùa chiền Phật giáo và Kỳ Na giáo (Djainismes) còn sót lại đều bị phá hủy hết. Lịch sử Bắc Ấn lúc này chỉ là một chuỗi dài kết bằng những cuộc âm mưu, bạo loạn, giết chóc.

Đến 1282, cao nguyên Dekan vẫn còn là bức bình phong ngăn người Thổ tràn xuống phía Nam và bảo vệ cho những nước Trung và Nam Ấn được thái bình, thịnh vượng trong lúc làn sóng Mông Cổ bao trùm cả đại lục châu Á.

Nhưng không bao lâu vương quốc Telingana bị quốc vương Delhi xâm chiếm. Người Thổ Nhĩ Kỳ tịch thu hết tài sản của người Ấn, chỉ chừa cho họ một phần đủ nuôi miệng. Quốc gia phân tán thành thái địa phong kiến. Từ

đó mở ra một thời kì tranh giành quyền thế, tài sản, giữa các lãnh chúa. Các quốc vương lại xa xỉ đến nỗi dân chúng đóng góp bao nhiêu cũng không đủ.

Nước Ấn Độ bị các lãnh chúa xứ Bengale, Djaupour, Cachemir, Goudjerat, Malva chia xẻ từng mảnh. Thế lực của quốc vương Delhi tràn xuống phía Nam. Như vậy toàn xứ Ấn bị đặt dưới quyền thống trị của người Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 1335, Delhi là thủ đô đế quốc phong kiến Thổ. Lần đầu tiên xứ Ấn được thống nhất thành một quốc gia. Nhưng không bao lâu quốc gia phong kiến ấy bị phân chia làm nhiều vương quốc độc lập.

Chế độ phong kiến Thổ Nhĩ Kỳ tràn vào Nam bộ nước Ấn, gây ra những kết quả tương tự như các nơi khác là xã hội lụn bại, trầm trệ. Người Dravidien mất quyền bá chủ ở vịnh Bengale mà họ chiếm giữ đã mười thế kỉ. Từ đó Ấn Độ bỏ mặt biển, quay về đại lục để bị nghẹt thở trong một thứ văn minh phong kiến dưới ách giai cấp quý tộc chỉ biết bóc lột nông nô và gây chiến tranh.

Trong khoảng thời gian từ đầu thế kỉ 12 đến đầu thế kỉ 14, ba triều đại kế tiếp nhau trị vì ở Delhi: Triều Nô lệ⁽¹⁾ bắt đầu từ 1206, triều Khalji, cuối cùng là triều Touglac chấm dứt năm 1412. Kế đó là thời phân tán kéo dài tới 1526.

2. Về mặt văn hóa thì vào cuối thế kỉ 14 ở Ấn Độ cũng như ở Ý, các vua chúa cho xây dựng những đền đài theo

(1) Dynastie des Eselaves, vị quốc vương đầu là một tên nô lệ người Thổ Nhĩ Kỳ.

lối kiến trúc Hồi giáo, biệt đãi thi nhân, kể cả thi nhân Ấn Độ và cho dịch sách chữ Phạn.

Vương quốc Jaunpoar dưới triều Sharqi là nơi qui tụ các văn nhân, nghệ sĩ bị quân Thổ, Mông đuổi đánh. Vương quốc Málva, ở khoảng giữa Delhi và Bombay ngày nay còn giữ nhiều đền đài hùng tráng xây dựng từ đầu thế kỉ 15.

Tóm lại nhờ các quốc vương thi nhau phô trương sự hùng thịnh của mình mà văn nghệ học thuật Ấn Độ được nảy nở, trong lúc về mặt chính trị xứ ấy bị phân tán.

Xét tổng quát thì tuy bị nạn chiến tranh xâm lấn. Ấn Độ vào thế kỉ 15 vừa giàu vừa có một nền văn minh khá cao. Kiến trúc, chạm trổ, hội họa, âm nhạc, thi ca và cả nền học thuật cùng những sản phẩm như sa, lụa, kim cương đủ chứng tỏ nền văn minh ấy. Người Ấn Độ tổng hợp một cách tài tình hai văn minh Ấn và Hồi. Các vua chúa Hồi thì dùng nghệ sĩ Ấn, ngược lại văn nhân Ấn hấp thụ tư tưởng Hồi. Như vậy người Hồi giáo chinh phục Ấn Độ có phá hoại văn minh của nước này, nhưng lại thúc đẩy nó tiến vào những con đường mới⁽¹⁾.

3. Trái lại Phật giáo lúc này bị ảnh hưởng nặng. Hồi đầu kỉ nguyên người ta không rõ Phật giáo phát triển như thế nào, hình như sách vở của Ấn Độ không nói tới. Nhưng bằng theo lời những vị tăng Trung Hoa sang Ấn Độ, lối thế kỉ thứ 4 sau Thiên chúa, thì hồi ấy Phật giáo từ Ấn Độ được

(1) Xem *Histoire de l'Inde* – Meile.

truyền bá rất mạnh. Đến thế kỉ thứ 5, Phật giáo thịnh nhất, lần ất được Ấn giáo và Kỳ Na giáo trên khắp lãnh thổ Ấn. Nhưng từ giữa thế kỉ thứ 7, thì nó bị đạo Bà La Môn đàn áp. Cuối thế kỉ thứ 7, nó để lộ ra nhiều dấu hiệu suy đồi. Sang thế kỉ thứ 8 phong trào phản cải cách của đạo Bà La Môn càng làm cho đạo Phật lụn bại thêm.

Đến thế kỉ thứ 9, Phật giáo chỉ còn sống được ở Bihâr và Bengale mà thôi, và tại đó, nó còn được tôn làm quốc giáo. Một trường đại học danh tiếng được dựng bên sông Hằng truyền bá Phật giáo qua Tây Tạng. Khi người Hồi giáo xâm nhập Ấn Độ thì Phật giáo bị bóp chết. Năm 1193, thủ đô tỉnh Bihâr bị chiếm, chùa chiền bị phá và tăng già bị giết sạch. Đến đây sứ mạng ngàn rười năm của Phật giáo trên đất Ấn đã cáo chung⁽¹⁾.

Tại sao Phật giáo phát triển mạnh mẽ khắp các nước Viễn đông mà suy tàn ở Ấn Độ, nơi đã sinh ra nó? Các nhà học giả đã đưa ra nhiều lí do. Có người cho rằng Phật giáo suy là tại phái tăng già suy. Họ không theo đúng con đường trung hòa của Phật dạy, thiên về một trong hai thái cực, hoặc là khắc khổ, hoặc là khoái lạc. Phần đông dễ bị vật dục lôi cuốn nên các tôn giáo đối lập là đạo Bà La Môn được dịp chỉ trích các tu sĩ Phật giáo được diễn tả như là sư hổ mang, khoác bộ áo cà sa để che đậy một xác thịt dâm ô, tàn ác.

(1) Theo bản thống kê hồi ấy thì trong 389 triệu dân chỉ còn có 232 ngàn tín đồ Phật giáo, tức là 6 phần 1.000.

Có người cho rằng lí do suy đọa chính là trong lúc tiến triển đạo Phật đi gần tới Ấn Độ giáo (tức Bà La Môn giáo) để rồi hỗn hợp với đạo này. Nhưng trong lúc tranh giành tín đồ. Ấn Độ giáo được nhiều uy thế hơn và thắng đạo Phật.

Có người lại viện ra lí do Phật giáo bị ngược đãi. Sự thật có lẽ không đúng. Vì đối với đạo Phật đạo Bà La Môn tranh đấu bằng lí thuyết hơn là bằng võ lực. Còn người Hồi giáo khi xâm lăng đất Ấn có giết tín đồ Phật giáo thật, nhưng họ có khoan hồng với tín đồ Bà La Môn đâu. Lúc ấy đạo Phật đã như ngọn đèn sắp tàn chỉ sống dựa vào triều đại Pála. Triều đại này ngã thì nó không làm sao đứng vững được.

Thế kỉ thứ 4, khi đạo Phật phát triển mạnh thì các vua triều Guptas tôn đạo Bà La Môn lên làm quốc giáo. Văn thơ, tuồng hát và các tác phẩm nghệ thuật chịu ảnh hưởng đạo Bà La Môn rất nhiều. Triều Guptas lại tỏ ra khoan hồng: các tôn giáo khác cũng được tự do truyền bá. Nhưng suốt trong thời Trung cổ chỉ có đạo Bà La Môn chống đỡ nổi sức tấn công của đạo Hồi và chế ngự được tinh thần người Ấn.

Tóm lại, xã hội Ấn Độ trong thời Trung cổ bị ảnh hưởng của chế độ phong kiến ngoại lai và từ đó trở về sau nó cũng như Trung Hoa, không tiến lên được để rồi làm nạn nhân cho các dân tộc xâm lăng khác.

TÓM TẮT

1. Trong thời Trung cổ, Ấn Độ cũng bị xâm lăng như đế quốc La Mã, tuy trễ hơn. Nổi gót Á Rập, người Thổ Nhĩ Kỳ, vào thế kỉ thứ 10, từ vùng Tây bắc tràn vào Ấn Độ, biến nước này thành một quốc gia phong kiến đặt dưới ách thống trị của người Thổ. Toàn thể xã hội Ấn, lúc này bị lụn bại, vì bọn phong kiến chỉ biết bóc lột nông nô vì lo thôn tính lẫn nhau.

2. Vào cuối Trung cổ, văn hóa Ấn Độ có mùi phát đạt. Các lãnh chúa cho xây dựng nhiều lâu đài tráng lệ, biệt đãi văn nhân thi sĩ. Người Ấn Độ biết dung hòa hai văn minh Hồi, Ấn.

3. Đạo Phật thời Trung cổ đã suy yếu, bị đạo Hồi đàn áp. Đến thế kỉ 12, bị loại ra ngoài ý thức hệ người Ấn. Duy có đạo Bà La Môn còn giữ được vai trò của nó.

KẾT LUẬN

**THỜI TRUNG CỔ, NGẢ BA ĐƯỜNG
CỦA ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY
PHƯƠNG**

Tại sao cuối thời Trung cổ TÂY PHƯƠNG tiến mà ĐÔNG PHƯƠNG lại thoái?

Đọc lịch sử nhân loại đến cuối thời Trung cổ ta thấy Đông và Tây bắt đầu rẽ ra hai đường. Ở phương Tây các giống rợ lợi dụng di tích của văn minh La Mã xây dựng lại xã hội và tạo thành một cái đà thúc đẩy sự tiến hóa tràn tới như thác đổ. Không bao lâu trên cảnh hoang tàn, họ kiến thiết một lâu đài văn minh tráng lệ hơn. Trái lại, Đông phương đứng đầu là Trung Hoa lại cơ hồ đứng yên một chỗ – mà đứng yên tức là thoái hóa – và về sau rơi hẳn vào địa vị thuộc Tây phương. Sự sai biệt ấy, chúng tôi thấy cần phải tìm hiểu ít nữa những nguyên nhân chính.

Các học giả hiện đại bảo rằng sở dĩ sự tiến hóa Tây phương khác Đông phương là tại trong lịch sử Tây phương có một yếu tố nhất định mà lịch sử Đông phương không

có, ấy là: *Tây phương có thành thị và giai cấp thị dân.*

Thật vậy, ngày xưa nước Tàu không có thành thị và tất nhiên không có giai cấp thị dân tức là tư bản giai cấp⁽¹⁾. Vậy tại sao trong lịch sử Trung Hoa ta thấy nói tới thành thị và hạng phú thương. Hạng phú thương ấy không phải là tư sản giai cấp đó sao?

Đọc qua lịch sử xã hội Tây phương chúng ta thấy rằng từ Trung cổ về sau thành thị chiếm địa vị trọng yếu trong sự phát triển quốc gia. Thành thị người Pháp gọi là “Com-mune” mà trong lịch sử Trung Hoa không thấy có.

Ở Tây phương có giai cấp thị dân đương đầu với địa chủ và nông dân làm thành một cuộc “tam giác đấu tranh”. Giai cấp thị dân ấy không phát sinh ở Trung Hoa. Ở Tây phương chức thị trưởng có từ mấy thế kỉ trước, còn ở Trung Hoa từ hồi Bắc phạt (1927) trở lên, trong quan chế nước Tàu không thấy ai nói tới chức ấy. Và cái gì đã không có tên tức không có thực. Những thành thị của Tàu trước kia chỉ là những trung tâm hành chính và quân sự mà thôi. Những thành thị theo thể thức Tây phương tuyệt nhiên không thấy xuất hiện.

Thành thị Tây phương thành lập như thế nào, ấy là một điểm mà chúng ta tưởng nên giải thích. Ở vào sơ kì

(1) Ông Đào Duy Anh trong sách «*Trung Hoa sử cương*» cũng nói: giai cấp thương nghiệp tư sản không chuyển thành giai cấp sản nghiệp tư sản được, cho nên không mở được đường cho tự nhiên khoa học như ở Âu Châu. Vậy tư sản giai cấp đây tức là sản nghiệp giai cấp.

thời đại phong kiến, Tây phương chưa có thành thị. Về sau nông dân tự do hoặc nông nô được giải thoát địa chủ, li khai với nông nghiệp, chuyên làm thủ công và thương nghiệp, kinh tế dần dần phát triển, lực lượng dần dần lớn lên, và lập thành một giai cấp thứ ba, ngoài giai cấp địa chủ và nông dân. Giai cấp này xung đột với giai cấp nông dân, vì quyền lợi của họ không nằm ở đất đai mà nằm ở công thương.

Nhưng đối với địa chủ thì giai cấp này xung đột kịch liệt hơn. Ban đầu địa chủ coi thường giai cấp thị dân, đãi như hạng nông nô, nhưng về sau vì áp lực của giai cấp ấy mỗi ngày một mạnh, địa chủ (lãnh chúa) phải từ từ nhượng bộ. Giai cấp thị dân từ đó trưởng thành và trở nên một lực lượng tự trị, tự mình đề cử đại diện cai trị thành thị. Cuối thời Trung cổ và đầu thời Cận đại, những cuộc tranh đấu như thế đầy dẫy trong lịch sử Tây phương và mỗi ngày một mạnh thêm. Thành thị mỗi ngày một thắng lợi, thanh thế thị trưởng mỗi ngày một bành trướng, thị dân mỗi ngày một lũy tích, khoa học mỗi ngày một lên cao. Cuối cùng giai cấp tư bản đứng ra làm cách mạng xây dựng xã hội tư bản ngày nay.

Xã hội Trung Hoa có một giai cấp thị dân tranh đấu như ở xã hội Tây phương không? Lẽ cố nhiên là không.

Ở xã hội Đông phương chỉ có một thiểu số địa chủ giàu có, còn ra là đám bần dân và vô sản. Lực lượng tiến hóa tự hai hạng người này mà ra chớ không tự giai cấp thị dân tháo vát và cấp tiến như ở Tây phương.

Mà cái lực lượng tiến hóa của các giai cấp xã hội Đông

phương so với giai cấp thị dân Tây phương như thế nào, sự thực đã chứng tỏ.

Tại sao Tây phương có thành thị mà Đông phương lại không? Nguyên nhân rất phức tạp, duy có nguyên nhân sau này học giả Trung Hoa Đường Ngu Thế cho là quan trọng. Sau khi chống đỡ được phái Hồi giáo từ Nam đánh lên và Thành Cát Tư Hãn từ Đông đánh sang, châu Âu không bị những cuộc chiến tranh to lớn phá hoại toàn bộ. Ở Tàu thì trái lại, mỗi lần có đại loạn, cả nước không chỗ nào khỏi bị ảnh hưởng khốc hại. Nhờ ít chiến tranh mà thanh thị Tây phương củng cố được cơ sở. Và khi đã có sức mạnh, thành thị lại hạn chế được chiến tranh, hay hạn chế được sự phá hoại của nó.

Đó là nguyên nhân sai biệt giữa Đông và Tây. Và đó là sự thật trên lịch sử tiến hóa. Sự thực ấy rất có quan hệ đến văn hóa Đông phương và Tây phương.

Lịch sử Tây phương là lịch sử tranh đấu giữa ba giai cấp địa chủ, nông dân và thị dân. Cơ sở kinh tế của thị dân không phải là thổ địa, mà là công thương nghiệp, hóa tệ. Lúc ấy tài phú chia ra làm thổ địa và hóa tệ thuộc quyền sở hữu của hai giai cấp khác nhau. Địa chủ không thể kinh doanh thương nghiệp, mà thị dân quý tộc, chiếu theo pháp luật, không thể có thổ địa. Pháp luật phong kiến cấm chỉ mua bán ruộng đất tự do. Về sau cách mạng bãi bỏ pháp luật ấy. Và lại bọn thương nhân có thể bỏ tư bản vào các công thương nghiệp, khuếch trương thị trường hải ngoại mà không cần thổ địa nhiều.

Giai cấp thị dân chỉ tranh đấu với địa chủ trên phương diện nào đó quan hệ đến quyền lợi của họ mà thôi. Họ đòi bãi bỏ pháp luật phong kiến làm trở ngại cho sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Bởi vậy ở Tây phương vấn đề điền địa có thể gọi là vấn đề riêng giữa địa chủ và nông dân. Vấn đề này khiến nông dân quật khởi chống địa chủ, nhưng thường thương bị thất bại. Nếu nông dân được thắng lợi, ấy là nhờ có giai cấp thị dân bắt buộc địa chủ phải nhượng bộ. Giai cấp thị dân đồng thời lợi dụng sức tranh đấu của nông dân, bãi bỏ hoặc tu cải những pháp luật hoặc tập quán phong kiến làm trở ngại sự phát triển của tư bản chủ nghĩa. Về sau nó lại lật đổ luôn giai cấp địa chủ, thừa hưởng cả chính quyền, sản nghiệp của giai cấp ấy, trong đó có cả thổ địa.

Ở Trung Hoa thì không thế. Trung Hoa chỉ có hai giai cấp địa chủ và nông dân. Phần nhiều đô thị Trung Hoa, trừ Thượng Hải, Thiên Tân, Thanh Đảo sau này biến thành trung tâm giao dịch thương mại, còn ra toàn là trung tâm quân sự và hành chính, như Nam Kinh, Bắc Kinh, Vũ Hán, Quảng Châu v.v... không có một đô thị nào là cơ sở kinh doanh công thương nghiệp phát đạt.

Nói cho đúng thì khi người Mông Cổ mở rộng đế quốc từ biển Trung Hoa tới biển Đại Trung, họ đã tạo ra ở Tàu một tình hình kinh tế, xã hội và văn hóa đầy hứa hẹn. Nhưng đầu thế kỷ thứ 14 thì sự thống nhất vĩ đại ấy bị gãy đổ. Châu Á từ đó chia thành từng vùng văn minh cách biệt hẳn nhau. Trung Quốc bị gián đoạn với Tây bộ Á Châu, chỉ còn quay về những nước nhỏ như Nhật Bản

và Đông Dương. Dưới triều Minh, Trung Hoa cũng có hội thịnh vượng. Cuối thế kỉ 14, thương thuyền Trung Hoa qua tới Tích Lan, Ấn Độ, vịnh Ba Tư, Hồng Hải và chạy dọc theo duyên hải Ấn Độ tới Phi châu. Nhưng sự tiến triển ấy mà có được là nhờ khoảng năm 1370, một lãnh chúa giòng Mông Cổ tên là Tamerlan thành lập tại Trung Á một đế quốc phong kiến⁽¹⁾ làm gián đoạn sự giao thương giữa Viễn Đông và nội địa châu Á. Trung Hoa nhân cơ hội ấy chấn hưng giao dịch. Nhưng khi đế quốc phong kiến này tiêu diệt rồi, thì thương thuyền Á Rập và các thương đội đại lục hoạt động trở lại được, lần át hẳn thương nghiệp Trung Quốc.

Từ đó nhà Minh quay về quá khứ, phỏng theo thể thức tổ chức xã hội của các triều Đường, Hán. Như vậy nền kinh tế công thương dưới Nguyên, Minh vừa đạt được nền tảng thì đã sụp đổ. Các thành thị thương mại chưa phát triển đầy đủ và chưa kịp thị thành trung tâm kĩ nghệ thì đã suy bại để làm chỗ cư trú cho bọn quân nhân và bọn cai trị.

Trong hoàn cảnh lịch sử ấy và dưới áp lực của một chế độ cai trị chuyên chế giết chết những sáng kiến, nỗ lực

(1) Tamerlan, thuộc giòng dõi Thành Cát Tư Hãn, thành lập một đế quốc rộng lớn từ Tây Bá Lợi Á đến Ấn Độ. Còn giữ bản tính của người du mục, Tamerlan tàn phá sạch những nơi chiếm cứ được từ Ấn Độ tới Syri. Cái thú đặc biệt của y là xây tháp sọ người. Sau cuộc bao vây thành Ispahan, y xây một cái tháp tới 70.000 sọ. Người Ai Cập, Ba Tư, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ đều phải qui phục và nộp cống. Y làm Đại Hãn năm 1369 và chết năm 1405. Đế quốc Tamerlan là đế quốc cuối cùng của dân du mục.

cá nhân phương hại tới uy quyền hoàng đế thì lẽ cố nhiên hạng người gọi là “công thương nghiệp gia” của Trung Hoa không thể có một tinh thần tháo vát và tiến bộ như giai cấp thị dân Tây phương được. Họ kém hẳn tinh thần đoàn kết và vì vậy không đủ sức đương đầu với áp lực phong kiến, quý tộc, không tạo nổi điều kiện phát triển của tư bản chủ nghĩa. Trên con đường lịch sử, họ không tiến lên được để lãnh cái vai trò biến cải xã hội như giai cấp thị dân Tây phương. Khi có tiền rồi họ chọn một địa chủ. Thay vì tranh đấu chống quý tộc, họ lại dựa vào quý tộc để sinh tồn.

Địa chủ và quý tộc vì cần tiền nên chịu nhường bớt một phần điền địa. Đó là nguyên nhân làm cho Trung Hoa không có một giai cấp thứ ba như giai cấp thị dân Tây phương.

Trong lịch sử nhân loại sự tranh đấu giữa hai giai cấp đem lại kết quả khác hẳn với sự tranh đấu giữa ba giai cấp.

Nguyên nhân chính của sự sai biệt giữa Đông phương và Tây phương là chỗ đó. Ở Tây phương, giai cấp tư sản (tức giai cấp thứ ba) đánh đổ được phong kiến, địa chủ, đổi cái quan hệ sanh sản phong kiến thành quan hệ sanh sản tư bản. Ở Đông phương cuộc tranh đấu giữa địa chủ và nông dân không đưa đến kết quả tương đương, nên xã hội trước sau lâm vào chỗ bế tắc.

Ở Trung Hoa sau một cuộc tranh đấu, cả hai giai cấp đều bị tổn thương. Cứ mỗi vòng một trăm năm, mâu thuẫn dồn chứa quá nhiều giai cấp nông dân nổi lên bạo động chiến tranh, giết hại một số người rất lớn, rồi thiên hạ trở lại thái bình. Người ta coi chiến tranh như là một phương

tiện bớt nhân khẩu để giữ mực sống quân bình rồi quay trở lại quãng đường đã đi qua từ trước.

Rồi mâu thuẫn lại dồn chứa cho đến lúc phát ra bạo động nữa. Sau cuộc tranh đấu nông dân có thù được thắng lợi. Những thắng lợi ấy không phải toàn thể nông dân được hưởng mà lại lọt vào tay một lớp địa chủ khác hoặc là một số nông dân trung gian hóa thành địa chủ.

Trong lịch sử Trung Quốc những chuyện tước đoạt quyền lợi như thế rất nhiều như bọn Trần Thắng, Ngô Quyền, Xích My, Huỳnh Cân, Hoàng Sào, Hàn Lâm Nhi v.v... Trước sau nước Tàu dẫm lại chỗ cũ, rốt cuộc không có lối ra. Sự chậm trễ ấy tất nhiên có ảnh hưởng lớn đến tinh thần dân tộc. Đó là nguyên nhân làm cho Trung Hoa từ Trung cổ trở đi không tiến lên kịp Tây phương. Cái cơ sở văn hóa của Trung Hoa cũng chính là tại đó. Còn các học thuyết Khổng Tử, Lão Tử, đạo Phật của Thích Ca chỉ là yếu tố phụ thuộc mà thôi.

Đọc lịch sử Tây phương và Đông phương thời Trung cổ, chúng ta tưởng phải hiểu rõ đằm này để nhận xét đúng đắn những bước đường tiến hóa sắp tới⁽¹⁾.

(1) Viết theo tài liệu của Đường Ngu Thế.

NHỮNG BIẾN CỐ LỚN TRONG THỜI TRUNG CỔ SẮP THEO THỨ TỰ THỜI GIAN

Thế kỉ	Trung Đông và Âu	BIẾN CỐ	Trung Hoa
7	Á Rập	Hégire: Mahomet trốn tới Médine. Khởi nguyên Hồi giáo.	
9	Pháp	Đế quốc Tây phương phục hưng. Lễ tấn phong hoàng đế Carlemagne ở La Mã.	
10			Ngũ Đại Tống
11	Anh	Guillaume de Normandie xâm lăng nước Anh. Chiến tranh Thập tự lần thứ nhất	
13		Chiến tranh Thập tự lần thứ 4, Thập tự quân chiếm Constantinople.	Nguyên
15	Pháp	Jeanne – d’Arc giải vây thành Orléans. Quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm Constantinople. Chiến tranh trăm năm chấm dứt.	

MỤC LỤC

Chương I	2
Tình hình thế giới vào cuối thời thượng cổ	2
Chương II	7
Đế quốc La Mã sau khi các rợ xâm lăng	7
Chương III	16
Sự bành trướng của Đạo Da Tô	16
Chương IV	20
Sự bành trướng của đạo hồi	20
Chương V	31
Đế quốc Byzantin thời Trung cổ	31
Chương VI	36
Tình hình xứ Gaule ở Tây Âu	36
Chương VII	44
Chế độ xã hội trong thời trung cổ chế độ phong kiến	44
Chương VIII	53
Giáo hội trong chế độ phong kiến	53
Chương IX	63
Sự tiến hóa của chế độ phong kiến	63
Chương X	68
Văn minh Tây phương trong thời kì đại Trung cổ	68
Chương XI	83
Chiến tranh trăm năm	83
Trung Hoa từ ngũ đại đến nguyên	93

Chương I	93
Nhà Bắc Tống	93
Chương II	107
Nhà Nam Tống (1131 – 1280)	107
Chương III	113
Nhà Nguyên (1279 – 1368)	113
Chương IV	122
Trung Hoa dưới triều Nguyên	122
Chương V	129
Ấn Độ vào thời Trung cổ	129
Kết luận	136